

Số: 74./DVTHDK-TCKT

TP.HCM, Ngày 05 tháng 4 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM

Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

- Công ty: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
  - Mã chứng khoán: PET
  - Địa chỉ: Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
  - Điện thoại liên hệ: (84-28) 3911.7777 Fax: (84-28) 3911.6789
  - Email: [info@petrosetco.com.vn](mailto:info@petrosetco.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty công bố Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty từ ngày 05./4./2024 tại đường dẫn: <https://petrosetco.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

- Tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2024

Người UQ CBTT

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

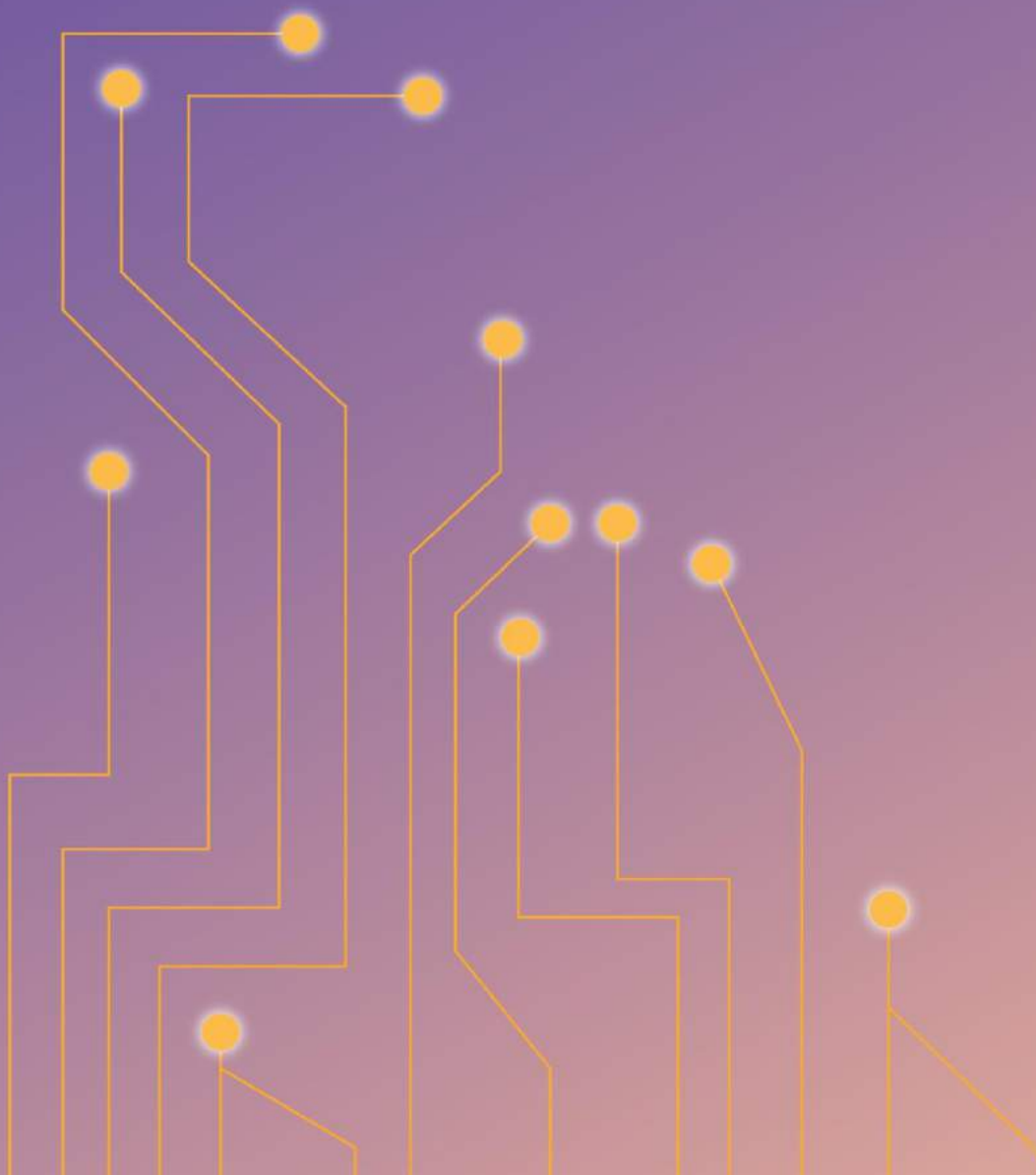


TRƯỞNG BAN TC-KT  
TRẦN QUANG HUY

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**



**TÀI LIỆU  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2024**





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3911 7777 Fax: (028) 3911 6789 Website: [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn)

# DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
2. Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
5. Tờ trình thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.
6. Tờ trình thông qua Báo cáo tiền lương, thu nhập và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2023 và kế hoạch năm 2024.
7. Tờ trình thông qua Phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023.
8. Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024.
9. Tờ trình thông qua Danh sách các công ty kiểm toán năm 2024.
10. Tờ trình thông qua việc Miễn nhiệm và Bầu cử Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029.
11. Tờ trình thông qua Giao dịch giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan năm 2023.
12. Tờ trình thông qua Nội dung giao dịch dự kiến giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan trong năm 2024.
13. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
14. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2023.
15. Mẫu phiếu biểu quyết

--- Hết ---



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Thời gian: 08h00, thứ Sáu, ngày 26/04/2024

Địa điểm: Sảnh SOL, lầu 7, GEM CENTER, 8 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, HCM.

STT	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	<b>Đón khách</b> (Đăng ký Cổ đông, phát tài liệu, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử)	Ban Tổ chức	08:00-08:30
2	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu và tuyên bố đủ điều kiện tiến hành ĐH	Ban KT tư cách đại biểu	08:30-08:45
3	<b>Khai mạc</b> Tuyên bố khai mạc và giới thiệu Chủ tọa; Chủ tọa giới thiệu, thông qua Nhân sự Đại hội; Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế tổ chức Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử.	Ban tổ chức	08:45-09:00
4	Báo cáo của Hội đồng quản trị	Chủ tịch HĐQT	09:00-10:30
5	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc	
6	<b>Thông qua các Tờ trình:</b> i. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị. ii. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc. iii. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023. iv. Thông qua Báo cáo tiền lương, thu nhập và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2023 và kế hoạch năm 2024. v. Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023. vi. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024. vii. Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán năm 2024. viii. Thông qua việc Miễn nhiệm và Bầu cử Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029. ix. Thông qua Giao dịch giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan năm 2023. x. Thông qua Nội dung giao dịch dự kiến giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan trong năm 2024.	Đoàn chủ tịch và các Trưởng Ban	

7	Đại hội thảo luận và tiến hành biểu quyết, bầu cử		10:30-11:00
8	Nghỉ giải lao		11:00-11:20
9	Thông qua kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu	11:20-12:00
10	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký	
11	Bế mạc	Ban tổ chức	



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

Giấy CNĐKDN số: 0300452060

Điện thoại: (028) 3911 7777 Fax: (028) 3911 6789 Website: [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn)

### THƯ MỜI

#### THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 như sau:

- 1. Thời gian Tổ chức đại hội: 8h30, thứ Sáu, ngày 26/04/2024**
- 2. Địa điểm họp: Sảnh SOL-Ballroom - Lầu 7, Trung tâm hội nghị GEM, số 8 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM**

**3. Nội dung đại hội:**

Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 được Công ty đăng tải, cập nhật (nếu có) tại website: [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn) từ ngày 05/04/2024 và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

**4. Đăng ký dự họp:**

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký tham dự Đại hội* tại Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí hoặc gửi *Giấy đăng ký dự họp* về địa chỉ dưới đây trước ngày 25/04/2024.

**5. Ủy quyền tham dự đại hội:**

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền tham dự Đại hội* hoặc *Mẫu khác theo Quy định của pháp luật về dân sự* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày 24/04/2024 hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

*(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và phải có số lượng cổ phần được ủy quyền. Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì Giấy ủy quyền phải có dấu của tổ chức ủy quyền).*

**6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

**Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí**

- Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3911 7777 – Fax: (028) 3911 6789

*Liên hệ: Ông Trần Quốc Khánh, SĐT: (028) 3911 7777 (Ext: 388)*

**7. Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:**

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (nếu có);
- Giấy CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

*(đã ký)*

**PHÙNG TUẤN HÀ**



.....ngày ..... tháng ..... năm 2024  
....., dated.....

**GIẤY ỦY QUYỀN**  
**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**  
**của Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí – PETROSETCO**

**PROXY LETTER**  
**Re: For attending the 2024 Annual General Shareholders Meeting of**  
**PETROSETCO**

Kính gửi: Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí  
To: PetroVietnam General Services Joint Stock Corporation (PETROSETCO)

**1. Bên ủy quyền/ The Proxy Grantor:**

Cổ đông/ Full name:.....  
Địa chỉ/ Address: .....  
Số CMND/HC/ĐKKD : .....Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
ID card/ Passport/ Business Registration No.:.....  
issued by..... dated.....  
Số cổ phần sở hữu/ Number of shares owned: .....shares  
(Bằng chữ/ in words: .....)

**2. Bên nhận ủy quyền/ The Proxy:**

Ông/bà/ Full name: .....  
Địa chỉ/ Address: .....  
Số CMTND/HC/ĐKKD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....  
ID card/ Passport:..... issued by.....  
..... dated.....  
Số cổ phần được ủy quyền/ Number of authorized shares: ..... shares  
(Bằng chữ/ in words: .....)

**3. Nội dung ủy quyền/ Content of Authorization:**

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

The Proxy shall present the Proxy Grantor to attend the 2024 Annual General Meeting of Shareholders of PETROSETCO and execute all rights and obligations in relation to the authorized shares in this meeting.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

We are totally responsible for the authorization and compliance with the laws and the Charter of PetroVietnam General Services Joint Stock Corporation.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
THE PROXY**

(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Full name and signature)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN  
THE PROXY GRANTOR**

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)  
(Full name and signature; sealed if an organization)

*Ghi chú: Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền 1 lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.*

*Notes: Each shareholder has one time to authorize. The Proxy is not allowed to authorize anyone else.*





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3911 7777 Fax: (028) 3911 6789 Website: [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn)

### DỰ THẢO

## QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;
- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

### 1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

### 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

### 3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty/Petrosetco : Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

## **4. NỘI DUNG QUY CHẾ**

### **4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

### **4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội**

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 25/03/2024 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

### **4.3 Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

### **4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại

biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa**

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, người ký tên triệu tập họp ĐHCĐ điều hành ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **4.6 Thư ký Đại hội**

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
  - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông

báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

#### **4.7 Ban Kiểm phiếu**

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

#### **4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu**

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

#### **4.9 Phát biểu tại Đại hội**

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

#### **4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

##### **4.10.1 Nguyên tắc**

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu Bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình đề Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
  - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
  - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023; Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc năm 2023 và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

#### **4.10.2 Cách thức biểu quyết**

- o Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như không biểu quyết vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

#### **4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

#### **4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết**

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 25/03/2024) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 106.722.131 cổ phần tương đương với 106.722.131 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- Lưu ý về việc thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan:
  - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
  - Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

#### **4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử**

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **4.11 Bầu cử Hội đồng quản trị**

Việc bầu cử thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung

Thành viên Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

#### **4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ**

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

#### **5. Thực hiện**

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

***Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.***

***Nơi nhận:***

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.



**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**PHÙNG TUẤN HÀ**



## **DỰ THẢO**

# **QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 – 2029 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

### **Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;
- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí như sau:

### **I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt:**

- Công ty : Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

### **II. Chủ tọa tại đại hội:**

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

### **III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT:**

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung: 02 người;
- Nhiệm kỳ: 2024 – 2029
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế



**1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 24 Điều lệ công ty)**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

**2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

**3. Tiêu chuẩn ứng cử viên Thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Ứng cử viên Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:**

- Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

**IV. Nguyên tắc bầu cử:**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

**V. Phương thức bầu cử:**

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*
  - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
  - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
  - Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
  - Trường hợp phát sinh thêm ứng cử viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
  - Cách ghi Phiếu bầu cử:
    - ✓ Đại biểu bầu số ứng cử viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
    - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng cử viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng cử viên tương ứng.
    - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng cử viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng cử viên tương ứng.

**Lưu ý:**

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô **“Số phiếu bầu”**.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
  - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
  - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
  - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
  - Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu và của đại diện cổ đông (nếu cần).
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

**VI. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:**

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

**VII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT:**

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí **trước 16 giờ 00 ngày 22 tháng 04 năm 2024** theo địa chỉ sau:

**Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí**

**Địa chỉ:** Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

**Điện thoại:** (028) 3911 7777

**Fax:** (028) 3911 6789

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu vào Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.**

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: VT, Thư ký.

**PHÙNG TUẤN HÀ**





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3911 7777 Fax: (028) 3911 6789 Website: [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn)

### GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 – 2029

(Áp dụng cho cổ đông)

**Kính gửi: Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí**

- Họ tên cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu:.....cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí cho tôi đề cử:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**2. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**3. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí nhiệm kỳ 2024 – 2029**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Trụ sở chính: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM  
Điện thoại: (028) 3911 7777 Fax: (028) 3911 6789 Website: [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 – 2029**

*(Áp dụng cho nhóm cổ đông)*

**Kính gửi: Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí**

- Người đại diện nhóm cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....  
(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)
- Số lượng cổ phần sở hữu của nhóm cổ đông: ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí cho chúng tôi đề cử:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**2. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**3. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí nhiệm kỳ 2024 – 2029**

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*



**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**(theo mẫu)**

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/HC/GĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
<b>Tổng cộng</b>					

## BIÊN BẢN HỢP NHÓM

### ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ NHIỆM KỲ 2024 – 2029

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí nhiệm kỳ 2024 – 2029

Hôm nay, ngày ...../...../2024, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, cùng nhau nắm giữ ... cổ phần (bằng chữ:..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ GĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
	<b>Tổng cộng</b>				

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

**Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí nhiệm kỳ 2024 – 2029**

**Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

2. Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

3. Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc .... giờ, ngày .... /.../..... tại .....

.....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người được đề cử đại diện nhóm

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Trụ sở chính: Lầu 6, Tòa nhà PetroVietNam, Số 1 - 5 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3911 7777 Fax: (028) 3911 6789 Website: [www.petrosetco.com.vn](http://www.petrosetco.com.vn)

### GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2024 – 2029

**Kính gửi: Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí**

- Tôi tên là: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Số lượng cổ phần sở hữu:..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Đề nghị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí nhiệm kỳ 2024 – 2029

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí.

Xin trân trọng cảm ơn!

#### **Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người tự đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----o0o-----

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1/ Họ và tên:	
2/ Giới tính:	
3/ Ngày tháng năm sinh:	
4/ Nơi sinh:	
5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu:	ngày cấp:
6/ Quốc tịch:	
7/ Dân tộc:	
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại công ty :	Số điện thoại di động:
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	
12/ Quá trình công tác: + Từ ... đến ... : + Từ ... đến ... :	
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày.../.../...) .... cổ phần, chiếm ....% vốn điều lệ, trong đó:	
+ Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác):	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
15/Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm ..... vốn điều lệ ..... – Mối quan hệ:.....; nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ
17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2024

**Người khai**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ  
 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



**MẪU**

**PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
 MÃ ĐẠI BIỂU: PET.000...**

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết

Tổng số lượng phiếu bầu thành viên HĐQT: ... phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dòn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	A		
2	B		
3	C		

**Hướng dẫn:**

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (02 người)
- Nếu bầu dòn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "**Bầu dòn đều phiếu**" của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "**Số phiếu bầu**" của các ứng viên tương ứng.

Ngày ... tháng ... năm 2024

**ĐẠI BIỂU**

(Ký và Ghi rõ họ tên)

TP. Hồ chí minh, ngày tháng năm 2024

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong thời gian qua, Hội đồng Quản trị Tổng công ty xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

**I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2023**

**1. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2023**

Nhìn lại một năm 2023 vừa qua, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự phức tạp, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực... ngày càng gia tăng. Nhiều nền kinh tế lớn tăng trưởng chậm lại hầu hết thấp hơn kỳ vọng, thậm chí rơi vào suy thoái dẫn đến cắt giảm chi tiêu, cắt giảm nhiều đơn hàng các ngành tiêu dùng, nhiều nhà máy đóng cửa, lao động mất việc làm.

Những bất lợi của thị trường chính là yếu tố tác động lên chỉ tiêu kinh doanh của Petrosetco. Kết quả kinh doanh toàn Tổng công ty với doanh thu đạt 17.218 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 182 tỷ đồng. Mặc dù kết quả kinh doanh chưa đạt được đúng theo kế hoạch đã đề ra, tuy nhiên Hội đồng Quản trị của Petrosetco vẫn đang thực hiện tốt công tác định hướng, chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc để đưa ra các giải pháp quản trị điều hành, ứng phó và xử lý kịp thời trước những biến động của thị trường ở các mảng kinh doanh.

Để có thể duy trì hoạt động trong bối cảnh khó khăn bủa vây trong năm 2023, HĐQT cùng Ban Tổng Giám Đốc đã triển khai nhiều giải pháp linh hoạt nhằm thích ứng với diễn biến thị trường, duy trì phù hợp hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định tình hình tài chính của Tổng Công ty, cụ thể đã tập trung triển khai nhất quán theo các định hướng sau:

- Quyết liệt tái cấu trúc, tăng cường hiệu quả công tác quản trị – điều hành.
- Củng cố năng lực cạnh tranh, giữ vững thị phần và mở rộng thị trường.
- Đảm bảo huy động vốn, quản lý và sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, đúng mục đích, kiểm soát tốt dòng tiền.



- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong quá trình tái khởi động doanh nghiệp trước, trong và sau khủng hoảng.

## **2. Đánh giá về kết quả thực hiện các định hướng của HĐQT**

### **QUYẾT LIỆT TÁI CẤU TRÚC, TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ – ĐIỀU HÀNH**

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Petrosetco đã triển khai nhiều giải pháp điều hành linh hoạt nhằm củng cố các giá trị cốt lõi để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nỗ lực hoàn thành chủ trương, định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT. Theo đó, Petrosetco đã tập trung thực hiện công tác tái cấu trúc các ngành hàng, lĩnh vực kinh doanh, bộ máy tổ chức nhân sự; Tối ưu hóa hệ thống quy trình, quy định tác nghiệp theo hướng tinh giảm thủ tục, tiết giảm tối đa chi phí vận hành; Đảm bảo tính khoa học, hợp lý, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh trong việc xây dựng và ban hành hệ thống chính sách, quy trình, quy định nhằm phát huy hiệu quả trong hoạt động quản trị, kiểm soát.

Tái cấu trúc doanh nghiệp là một quá trình cần thiết để đưa doanh nghiệp vượt qua những khó khăn, thích nghi với môi trường kinh doanh thay đổi và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, cải thiện hiệu quả hoạt động, giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh, nâng cao năng lực tài chính. Hơn lúc nào hết vấn đề tái cơ cấu doanh nghiệp đang là vấn đề trọng tâm được Ban lãnh đạo Petrosetco thực hiện trong năm 2023, không chỉ tập trung tái cấu trúc ở các Ban chuyên môn Tổng công ty mà ngay cả bộ máy lãnh đạo, CBNV và tổ chức quy trình thực hiện ở các đơn vị thành viên cũng đang được chú trọng rà soát. Đó cũng chính là nền tảng cần thiết để không chỉ giúp cho Petrosetco nâng cao năng lực quản trị, hoạt động và cạnh tranh mà còn tạo được sức bật cho các bước phát triển mới trong thời gian tới.

### **CỦNG CỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH, GIỮ VỮNG THỊ PHẦN VÀ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG**

Trải qua năm 2023 với tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, Tổng công ty Petrosetco đã đẩy mạnh công tác quản trị doanh nghiệp, chủ động nghiên cứu, đánh giá thách thức, cơ hội, xu hướng kinh doanh, xu hướng thị trường. Đặc biệt là việc tăng cường quan hệ hợp tác, hỗ trợ kinh doanh giữa các Đơn vị thành viên của Petrosetco, tận dụng thế mạnh của mỗi đơn vị và hệ sinh thái khách hàng mục tiêu để tạo nên đòn bẩy liên kết nhằm tối đa hóa thị phần cung cấp dịch vụ, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Với nỗ lực không ngừng nghỉ để củng cố năng lực cạnh tranh và nâng cấp chất lượng dịch vụ, HĐQT và Ban điều hành của Petrosetco liên tục đưa ra các chiến lược kinh doanh mang tính quyết liệt và thực thi phù hợp với tình hình thực tế. Với việc không ngừng đầu tư và hợp tác với nhiều đối tác lớn để cùng đồng hành và xây dựng giá trị thương hiệu, Petrosetco không chỉ cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có mà còn đưa ra những giải pháp

mới phù hợp với nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường. Bằng việc áp dụng công nghệ tiên tiến và quản lý chất lượng chặt chẽ, Petrosetco cam kết mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, từ việc cung cấp sản phẩm chất lượng đến dịch vụ hậu mãi chu đáo, xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh với phương châm tôn trọng tuyệt đối tính minh bạch, bảo vệ lợi ích lâu dài của mọi đối tác, mang lại giá trị bền vững cho cả công ty và cộng đồng.

## **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN AN TOÀN, HIỆU QUẢ, KIỂM SOÁT TỐT DÒNG TIỀN**

Quản trị dòng tiền và sử dụng hiệu quả nguồn vốn là một yếu tố quan trọng trong quản lý tài chính tại doanh nghiệp (DN), đặc biệt trong bối cảnh DN phải đối mặt với nhiều thách thức về tài chính, các vấn đề như vốn lưu động thấp, dòng tiền không ổn định và tác động của các biến động thị trường như hiện nay.

Năm 2023 được coi là một năm khó khăn đối với kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng với sự toàn cầu tăng trưởng chậm lại, các doanh nghiệp thiếu đơn hàng xuất khẩu, hàng loạt doanh nghiệp cắt giảm giờ làm, sa thải lao động, thu nhập của người dân sụt giảm và người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu... Nhu cầu thị trường giảm, sức mua thấp, các đối thủ thi nhau giảm giá gây mất ổn định giá trên thị trường. Do đó, các nhà phân phối như Petrosetco phải chủ động cắt giảm biên lợi nhuận, thậm chí bán dưới giá vốn nhằm mục đích duy trì dòng tiền kinh doanh ổn định trong doanh nghiệp.

Việc Quản trị và duy trì tốt dòng tiền, nguồn vốn đã giúp cho Petrosetco đưa ra quyết định tài chính chính xác và các chiến lược phù hợp trước những diễn biến phức tạp.

Đồng thời, việc tối ưu hóa chi phí vận hành doanh nghiệp được coi là một trong những giải pháp cần thiết để vượt qua khó khăn và gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trước áp lực cạnh tranh ngày càng khốc liệt, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp, vận hành thông minh, nâng cao năng suất lao động là những giải pháp có vai trò cực kỳ quan trọng để phát triển bền vững. Tổng công ty Petrosetco đã và đang xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, đưa ra các giải pháp tối ưu hoá chi phí trong hoạt động kinh doanh, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

## **ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG QUÁ TRÌNH TÁI KHỞI ĐỘNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC, TRONG VÀ SAU KHỦNG HOẢNG**

Petrosetco hiểu rằng đội ngũ nhân sự là giá trị cốt lõi quan trọng trong mọi hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Trước bối cảnh cần phục hồi nhanh chóng và định hình mục tiêu phát triển tiếp theo, vai trò của nguồn nhân lực trở nên ngày càng quan trọng hơn bao giờ hết.

Đội ngũ nhân sự chất lượng, đặc biệt là những người có chuyên môn sâu, đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện hiệu quả các chiến lược của lãnh đạo trong giai đoạn mới. Quá trình thực thi này bao gồm xử lý tình huống và tìm ra giải pháp trước biến động của thị trường.

Petrosetco đã thực hiện tối ưu hóa nguồn nhân lực bằng cách tăng cường đào tạo đội ngũ nhân lực nội tại và thu hút nhân sự chất lượng nhằm đảm bảo sự thành công và bền vững trong thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

### **3. Đánh giá về giá trị mang lại cho các bên liên quan**

#### **3.1. Cổ đông**

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2023: 1.013 đồng/cổ phiếu; bằng 103% so với cùng kỳ năm 2022.
- Chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 8% bằng cổ phiếu, được thực hiện trong quý I/2023.

#### **3.2. Khách hàng, nhà cung cấp**

- Petrosetco không ngừng củng cố, nâng cấp và cải tiến sản phẩm, chất lượng dịch vụ để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Chúng tôi luôn luôn tiếp thu ý kiến đánh giá từ khách hàng để không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Petrosetco tự hào là lựa chọn hàng đầu của khách hàng không chỉ trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm và dịch vụ, mà còn cung cấp giải pháp tối ưu nhất trong quản lý tòa nhà, dịch vụ ăn uống, vận chuyển... nhằm đảm bảo sự hài lòng tối đa của khách hàng.
- Đối với nhà cung cấp, Petrosetco cam kết tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác, đảm bảo mối quan hệ đối tác lâu dài và có lợi cho cả hai bên. Chúng tôi luôn đề cao sự minh bạch và công bằng trong các giao dịch, tôn trọng cam kết về chất lượng và tính bền vững. Nhờ vào những đặc điểm này, Petrosetco đã xây dựng được lòng tin và sự ủng hộ từ phía nhà cung cấp, từ đó tạo nên một chuỗi cung ứng đáng tin cậy và hiệu quả. Chúng tôi hiểu rằng một mối quan hệ hợp tác bền vững và có lợi dựa trên sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.

#### **3.3. Người lao động của Tổng công ty**

PETROSETCO nhận thức rằng con người là tài sản quý giá nhất của một doanh nghiệp. Chúng tôi luôn ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực và đóng góp của CBCNV đối với sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tổng công ty. Do đó, công tác chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của Người lao động được đảm bảo; chú trọng xây dựng các hoạt động văn hóa, thể thao nâng cao đời sống tinh thần và tạo sự gắn kết tập thể tại Tổng Công ty, cụ thể trong năm 2023 Petrosetco đã thực hiện:

- + Đảm bảo việc làm cho hơn 2.930 Người lao động toàn Tổng Công ty.
- + Triển khai thực hiện hơn 7,100 lượt đào tạo cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- + Thu nhập bình quân đạt mức 15 triệu đồng/người/tháng, bằng 100% so với kế hoạch đặt ra từ đầu năm.

+ Người lao động có công việc làm, thu nhập ổn định, phát triển kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp ở mức cao nhất có thể, các chế độ phúc lợi được duy trì tốt.

### 3.4. Môi trường và Xã hội

Các hoạt động kinh doanh của PETROSETCO không chỉ tập trung vào việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường tối đa mà còn đang tiên phong trong việc mở rộng tìm hiểu, nghiên cứu giải pháp hướng đến bảo vệ môi trường. Điều này phản ánh cam kết của chúng tôi trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào nền công nghiệp xanh trên toàn cầu.

Là một đơn vị cung cấp dịch vụ hậu cần trong ngành dầu khí như dịch vụ quản lý toà nhà, cung cấp suất ăn và dịch vụ vệ sinh công nghiệp, PETROSETCO nhận thức rõ vai trò của mình trong việc tiết giảm các chi phí điện, nước và tài nguyên tự nhiên. Mỗi năm, chúng tôi liên tục khuyến khích nhân viên và khách hàng sử dụng dịch vụ của chúng tôi tiết kiệm điện, nước, tham gia các chiến dịch như giờ trái đất, và đặc biệt, chúng tôi yêu cầu các đơn vị cung cấp suất ăn phải xây dựng kế hoạch nhập nguyên liệu và thực phẩm một cách có hiệu quả nhằm tránh lãng phí và đóng góp vào bảo vệ môi trường. Chúng tôi cũng thực hiện các hoạt động truyền thông rộng rãi tại các khu vực như chuỗi bếp ăn, các văn phòng và toà nhà mà chúng tôi cung cấp dịch vụ, nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành động tiết kiệm của mỗi cá nhân, tập thể.

## II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

### 1. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 59 cuộc họp. Cụ thể như sau:

#### ❖ Thông tin thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2023:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phùng Tuấn Hà	CT. HĐQT	25/04/2023	
2	Ông Vũ Tiến Dương	UVHĐQT/Tổng Giám đốc	25/04/2023	
3	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	UVHĐQT/Phó Tổng Giám đốc		25/04/2023
4	Ông Trịnh Thanh Cần	UVHĐQT độc lập – Không điều hành	28/06/2022	
5	Ông Nguyễn Quý Thịnh	UVHĐQT độc lập – Không điều hành	28/06/2022	

6	Ông Nguyễn Đức Minh	UV HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	25/04/2023	
---	---------------------	------------------------------	------------	--

**Ông Phùng Tuấn Hà:** Với chức vụ chủ tịch HĐQT, ông đã trực tiếp chỉ đạo, định hướng hoạt động SXKD đối với Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trực tiếp điều hành các cuộc họp của HĐQT cũng như tham dự các họp quan trọng với các đối tác, khách hàng. Đặc biệt, trong giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, ông quan tâm sát sao đến tình hình kinh doanh của các đơn vị thành viên, thường xuyên chủ trì các cuộc họp định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất đối với ban lãnh đạo, chủ động tham dự họp giao ban với các đơn vị thành viên để nắm bắt các hoạt động và có giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho đơn vị, cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh. Song song với việc định hướng quản lý, ông còn tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các đối tác lớn trên thế giới nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho Tổng Công ty và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, ông còn trực tiếp kiêm nhiệm chủ tịch HĐQT, trực tiếp tham gia chỉ đạo điều hành Công ty Petrosetco Vũng tàu - đơn vị đông người lao động nhất trong Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng cần, đời sống và cung ứng lao động.

**Ông Vũ Tiên Dương:** Là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty, ông Vũ Tiên Dương đã tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty đúng theo kế hoạch đã đề ra. Ông cũng đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, phát triển kinh doanh cũng như tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và là cầu nối quan trọng giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Ngoài ra, ông còn trực tiếp điều hành và đưa ra quyết sách tối ưu cho POTS – Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ với nhiều năm kinh nghiệm cung ứng vật tư thiết bị Dầu khí, dịch vụ vận tải siêu trường siêu trọng và quản lý bất động sản.

**Bà Phạm Thị Hồng Diệp:** Là thành viên HĐQT kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, được HĐQT giao việc quản lý, định hướng phát triển mảng kinh doanh quản lý BĐS, bà đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT cũng như đóng góp nhiều ý kiến đối với việc hoàn thiện các Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Ngoài ra, Bà Phạm Thị Hồng Diệp đã đưa ra các ý kiến tư vấn cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đối với công tác tổ chức, truyền thông, phát triển thương hiệu. Với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành dịch vụ quản lý Bất động sản, bà quan tâm và có nhiều chỉ đạo, đóng góp ý kiến đối với việc phát triển dịch vụ, đặc biệt là việc hoàn thiện, đa dạng hóa chuỗi dịch vụ của Petrosetco. Bà Phạm Thị Hồng Diệp miễn nhiệm ngày 25/04/2023.

**Ông Nguyễn Đức Minh:** Là thành viên HĐQT kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc và giữ các chức vụ quản lý tại các Công ty lớn, ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc định hướng và điều hành phát

triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Ngoài việc chỉ đạo, điều hành chung, ông còn tham gia trực tiếp điều hành Công ty PSD – Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phân phối thiết bị điện tử, viễn thông. Ông Nguyễn Đức Minh được bổ nhiệm ngày 25/04/2023.

**Ông Trịnh Thanh Cần:** Ông được bổ nhiệm ngày 28/06/2022 cho nhiệm kỳ 2022-2027 với vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Ngày 13/07/2022, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết số 46/NQ-DVTHDK về nội dung Công tác nhân sự của Ủy ban Kiểm toán Tổng Công ty, trong đó nhất trí bầu ông Trịnh Thanh Cần giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán Tổng Công ty. Với hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc và giữ các chức vụ quản lý tại các Công ty trong và ngoài nước, ông đã có những đóng góp quan trọng trong công tác quản trị rủi ro của Tổng Công ty.

**Ông Nguyễn Quý Thịnh:** Ông được bổ nhiệm ngày 28/06/2022 cho nhiệm kỳ 2022-2027 với vị trí Thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Ngày 13/07/2022, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết số 46/NQ-DVTHDK về nội dung Công tác nhân sự của Ủy ban Kiểm toán Tổng Công ty, trong đó nhất trí bầu ông Nguyễn Quý Thịnh giữ chức vụ Thành viên Ủy ban Kiểm toán Tổng Công ty.

❖ **Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2023:**

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phùng Tuấn Hà	59/59	100%	
2	Ông Vũ Tiến Dương	59/59	100%	
3	Ông Nguyễn Quý Thịnh	59/59	100%	
4	Ông Trịnh Thanh Cần	59/59	100%	
5	Ông Nguyễn Đức Minh	32/32	100%	Bắt đầu bổ nhiệm từ 25/04/2023
6	Bà Phạm Thị Hồng Điệp	27/27	100%	Miễn nhiệm từ 25/04/2023

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong năm 2023 luôn được quan tâm, theo dõi sát sao từ HĐQT Tổng Công ty. Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, tái cấu trúc Tổng Công ty, xây dựng hệ thống quản lý doanh nghiệp, chiến lược phát triển nhân lực phục vụ nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty thường xuyên được HĐQT xem xét, đánh giá, trao đổi trong các cuộc họp của HĐQT với ban điều hành.

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và thực hiện theo các thủ tục, trình tự theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế quản trị Tổng Công ty. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu được gửi tới các thành viên HĐQT đầy đủ trước khi tổ chức cuộc họp. Các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Tổng Công ty, thực hiện việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu nghiêm túc, thực hiện việc đánh giá hoạt động chi tiết, tiến hành thảo luận cẩn thận trong các cuộc họp trước khi đưa ra ý kiến đối với các vấn đề cần biểu quyết thông qua, nhằm đảm bảo các nội dung tốt nhất cho Tổng Công ty.

## 2. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành 58 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

### ❖ Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2023:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-DVTHDK	05/01/2023	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu
2	02/NQ-DVTHDK	10/02/2023	Hạn mức tín dụng của Tổng công ty cấp bởi Ngân hàng Kasikornbank - CN TP.HCM
3	03/NQ-DVTHDK	10/02/2023	Cấp hạn mức tín dụng của Tổng công ty tại Ngân hàng Vietcombank - CN TP.HCM
4	04/NQ-DVTHDK	10/02/2023	Hạn mức tín dụng của Tổng công ty tại Ngân hàng HSBC - Singapore
5	04A/NQ-DVTHDK	13/02/2023	Cử cán bộ đi công tác nước ngoài
6	05/NQ-DVTHDK	15/02/2023	Sửa đổi điều lệ và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
7	05A/NQ-DVTHDK	17/02/2023	Chấp thuận chủ trương đề NĐD TCT tại Công ty PSL thông qua việc tuyển dụng và bổ nhiệm Phó Giám đốc PSL và giao quyền Giám đốc Công ty PSL
8	06/NQ-DVTHDK	21/02/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của công ty PSL
9	06A/NQ-DVTHDK	22/02/2023	Chấp thuận đề NĐD phần vốn tại POTS được quyền biểu quyết thông qua việc POTS thực hiện gói thầu Gas Compressor Package

<b>Stt</b>	<b>Số Nghị quyết</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
10	07/NQ-DVTHDK	23/02/2023	Bảo lãnh cho Công ty PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank - CN 7
11	08/NQ-DVTHDK	27/02/2023	Chủ trương liên quan đến việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Ban chuyên môn trong Tổng công ty
12	09/NQ-DVTHDK	28/02/2023	Bảo lãnh cho Công ty PSMT được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Techcombank - CN Đà Nẵng
13	10/NQ-DVTHDK	02/03/2023	Phê duyệt kế hoạch Kiểm toán Nội bộ năm 2023
14	11/NQ-DVTHDK	02/03/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến việc công tác cán bộ Công ty PSA
15	12/NQ-DVTHDK	08/03/2023	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023
16	13/NQ-DVTHDK	10/03/2023	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm lại Kế toán Trưởng Công ty PHTD
17	15/NQ-DVTHDK	17/03/2023	Chấp thuận chủ trương về công tác cán bộ tại Công ty PSL
18	16/NQ-DVTHDK	17/03/2023	Thông nhất thông qua việc Công đoàn cơ sở Tổng công ty mua lại cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) năm 2021
19	17/NQ-DVTHDK	30/03/2023	Tạm thanh toán cho PVN
20	18/NQ-DVTHDK	10/04/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến việc công tác cán bộ Công ty PSD
21	19/NQ-DVTHDK	17/04/2023	Thông nhất thông qua DS các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2023 của TCT để trình Đại hội đồng cổ đông
22	20/NQ-DVTHDK	18/04/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến việc công tác cán bộ Công ty PSA
23	21/NQ-DVTHDK	18/04/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến việc công tác cán bộ Công ty PSV
24	22/NQ-DVTHDK	21/04/2023	Thông nhất thông qua Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
25	23/NQ-DVTHDK	24/04/2023	Thông nhất thông qua Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023



<b>Stt</b>	<b>Số Nghị quyết</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
26	25/NQ-DVTHDK	25/04/2023	Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Tổng công ty
27	26/NQ-DVTHDK	28/04/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty PSA
28	27/NQ-DVTHDK	24/05/2023	Bảo lãnh cho PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV-CN Bình Tân
29	28/NQ-DVTHDK	24/05/2023	Bảo lãnh cho PSMT được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietcombank-CN TPHCM
30	29/NQ-DVTHDK	24/05/2023	Bảo lãnh cho PHTD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank-CN 7
31	30/NQ-DVTHDK	06/06/2023	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm Giám đốc Công ty PSL
32	31/NQ-DVTHDK	08/06/2023	Bảo lãnh cho POTS được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Vietinbank-CN 7
33	32/NQ-DVTHDK	08/06/2023	Cấp hạn mức tín dụng của Tổng công ty tại Ngân hàng Vietinbank-CN 7
34	33/NQ-DVTHDK	08/06/2023	Bảo lãnh cho POTS được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV-CN Bình Tân
35	34/NQ-DVTHDK	16/06/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến nhân sự Ban kiểm soát Công ty PSV
36	35/NQ-DVTHDK	20/06/2023	Bảo lãnh cho PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Pvcombank HCM
37	36/NQ-DVTHDK	20/06/2023	Bảo lãnh cho PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng HSBC Singapore
38	37/NQ-DVTHDK	28/06/2023	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty PSV
39	38/NQ-DVTHDK	03/07/2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022
40	39/NQ-DVTHDK	03/07/2023	Bảo lãnh cho PHTD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng VCB HCM
41	40/NQ-DVTHDK	20/07/2023	Lựa chọn Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam kiểm toán BCTC năm 2023
42	41/NQ-DVTHDK	27/07/2023	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu

<b>Stt</b>	<b>Số Nghị quyết</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
43	42/NQ-DVTHDK	08/08/2023	Bảo lãnh cho Công ty POTS được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng VCB HCM
44	43/NQ-DVTHDK	17/08/2023	Điều chỉnh tên gọi dự án Khu phức hợp Cape Pearl
45	44/NQ-DVTHDK	18/08/2023	Điều chỉnh Quy chế Bán cổ phiếu ESOP cho người lao động năm 2021
46	45/NQ-DVTHDK	28/08/2023	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức
47	46/NQ-DVTHDK	07/09/2023	Cấp hạn mức tín dụng của Tổng công ty Petrosetco tại Ngân hàng Eximbank CN HCM
48	47/NQ-DVTHDK	07/09/2023	Bảo lãnh cho Công ty PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Eximbank CN TPHCM
49	48/NQ-DVTHDK	07/09/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến công tác cán bộ của Công ty PSL
50	49/NQ-DVTHDK	13/09/2023	Cấp hạn mức tín dụng của Tổng công ty Petrosetco tại Ngân hàng MB Sài Gòn
51	50/NQ-DVTHDK	13/09/2023	Bảo lãnh cho Công ty PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng VCB CN TPHCM
52	51/NQ-DVTHDK	22/09/2023	Chấp thuận chủ trương liên quan đến công tác cán bộ của Công ty PSL
53	52/NQ-DVTHDK	06/10/2023	Bảo lãnh cho Công ty PHTD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV Bình Tân
54	53/NQ-DVTHDK	06/10/2023	Bảo lãnh cho Công ty PSMT được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng BIDV CN Bình Tân
55	54/NQ-DVTHDK	26/10/2023	Bảo lãnh cho Công ty PSD được cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng MB - CN Sài Gòn
56	55/NQ-DVTHDK	15/12/2023	Cấp hạn mức tín dụng của Tổng Công ty Petrosetco tại Ngân hàng VIB
57	56/NQ-DVTHDK	28/12/2023	Bảo lãnh cho Công ty POTS được cấp tín dụng tại Ngân hàng VPBank
58	57/NQ-DVTHDK	28/12/2023	Bảo lãnh cho Tổng Công ty Petrosetco được cấp tín dụng tại Ngân hàng BIDV CN Bình Tân

### **3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị**

Ngày 11/01/2024, Ông Trịnh Thanh Cần - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán nộp đơn từ nhiệm lên Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, tại thời điểm 22/01/2024, Ông Nguyễn Quý Thịnh – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm thành viên Ủy Ban Kiểm toán không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Hội đồng quản trị theo điểm a Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp năm 2020 do đang thuộc trường hợp quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Theo đó, Công ty không có đầy đủ thông tin để báo cáo nội dung này.

### **4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

#### **4.1. Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm 2022-2023, Hội đồng quản trị đã triển khai kiện toàn nhân sự, phân công lại nhiệm vụ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo hiệu quả và tính minh bạch. Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc được phân công và giao nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với chuyên môn của mình, nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo hướng phát triển bền vững. Điều này thể hiện cam kết của Đại hội đồng cổ đông và sự chỉ đạo chính xác từ Hội đồng quản trị, cũng như sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phân cấp quản trị được quy định trong Điều lệ và Quy chế nội bộ của Petrosetco.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức các đánh giá chất lượng và phù hợp đối với cán bộ quản lý tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên, đặc biệt trong bối cảnh thị trường biến động và xuất hiện nhiều rủi ro. Việc này không chỉ thể hiện sự nhạy bén trong việc quản lý nhân sự mà còn là minh chứng cho sự nghiêm túc và trách nhiệm của Petrosetco trong việc tuân thủ pháp luật và các quy định về quản trị doanh nghiệp.

#### **4.2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Trong năm 2023, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành SXKD, các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, nhanh chóng và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Nhìn chung, trong năm vừa qua mặc dù nền kinh tế vĩ mô biến động mạnh và có nhiều bất lợi, nhưng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT, đồng thời luôn sát sao và có những chính sách ứng phó linh hoạt trước những diễn biến của thị trường, giúp nâng cao hiệu quả của các mảng kinh doanh thông qua việc tiếp cận với nhãn hàng phân phối mới cũng như tìm kiếm các cơ hội hợp tác, cung cấp dịch vụ bất động sản, cung cấp suất ăn, dịch vụ cho thuê lại lao động, cung ứng vật tư thiết bị... cho các khách hàng/dự án lớn trong và ngoài ngành dầu khí.

Việc ra quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị thì

Ban Tổng Giám đốc đã có những giải trình, tham mưu chi tiết giúp tạo sự đồng thuận cao và nhanh chóng trong việc ra quyết định của Hội đồng Quản trị, thể hiện rõ vai trò tham mưu của mình. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch hàng tháng, hàng quý. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất.

Trước bối cảnh kinh tế hiện nay, áp lực về huy động vốn và duy trì dòng tiền cho các hoạt động thương mại và phân phối là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám Đốc đã chủ động trong việc điều phối cân đối nguồn tài chính, đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn ổn định và có khả năng đáp ứng kịp thời các nhu cầu tài chính, thực hiện huy động vốn một cách linh hoạt và hiệu quả.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng trực tiếp chỉ đạo sát sao, chú trọng vào việc quản lý dòng tiền, kiểm soát rủi ro, đảm bảo sự an toàn về tài chính doanh nghiệp. Điều này giúp Petrosetco duy trì một nguồn lực tài chính ổn định, từ đó cung cấp nền tảng cho sự phát triển bền vững và thành công trong dài hạn.

#### **5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị**

Trong năm 2023, thù lao Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

*DVT: Đồng/tháng*

<b>Stt</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Tổng tiền lương, thù lao và các lợi ích khác</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch HĐQT	1.051.500.000	
2	Vũ Tiến Dương	TV. HĐQT chuyên trách kiêm nhiệm Tổng Giám đốc	925.500.000	
3	Nguyễn Đức Minh	TV. HĐQT chuyên trách kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc	316.272.727	Thành viên HĐQT từ 25/04/2023
4	Phạm Thị Hồng Điệp	TV. HĐQT chuyên trách kiêm nhiệm Phó Tổng Giám đốc	335.187.500	Thành viên HĐQT đến 25/04/2023

Stt	Họ tên	Chức danh	Tổng tiền lương, thù lao và các lợi ích khác	Ghi chú
5	Trịnh Thanh Cần	Thành viên độc lập HĐQT	88.000.000	
6	Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên độc lập HĐQT	88.000.000	

## 6. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2024

**“Liên chính để Ổn định - Minh bạch để Bền vững - Đoàn kết để Phát triển - Quyết liệt để Thành công.”**

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:

- **Đối với lĩnh vực phân phối:** Năm 2024 là thời điểm thay mới thiết bị của các sản phẩm điện thoại, laptop sau vùng đỉnh năm 2021. Cùng với chiến lược mở rộng phân phối thêm nhiều sản phẩm mới thông qua hợp tác với các Hãng nhiều tiềm năng tăng trưởng tại thị trường Việt Nam, cộng với việc tái cơ cấu triệt để danh mục sản phẩm kém hiệu quả, tập trung vào nhóm các sản phẩm chủ lực, HĐQT PETROSETCO định hướng trong năm 2024 bên cạnh chiến lược gia nhập ngành hàng mới và phát huy tốt những nhãn hàng chủ lực, Petrosetco vẫn phải giữ cho dòng tiền kinh doanh ở mức an toàn, hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định và hạn chế tối đa những sự tác động từ thị trường và các yếu tố bên ngoài.

- **Đối với lĩnh vực dịch vụ:** Bên cạnh việc duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của mảng dịch vụ, năm 2024 đánh dấu sự sôi động trở lại của ngành dầu khí trong nước với những dự án mới được phê duyệt. HĐQT Petrosetco nhận định đây là thời điểm để chúng ta nắm bắt cơ hội, tối ưu hóa lợi thế trong ngành và các nền tảng năng lực sẵn có để phát huy tối đa hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

*DVT: Tỷ VNĐ*

Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	KH 2024	Tỷ lệ %	
	1	2	3	4= 3/1	5=3/2
Doanh thu (thuần) hợp nhất	18,000	17,218	<b>18,540</b>	103%	108%
Lợi nhuận trước thuế	300	182	<b>260</b>	87%	143%
Lợi nhuận sau thuế	240	139	<b>205</b>	85%	147%
Vốn điều lệ	1,073.4	1,073.4	<b>1,073.4</b>	100%	100%
Tỷ lệ cổ tức tối đa	10%	-	10% (*)	100%	-

(\*) Tỷ lệ chi trả cụ thể sẽ được thông qua tại ĐHĐCĐ năm 2024

## **2. Định hướng điều hành hoạt động kinh doanh năm 2024**

Với mục tiêu tối ưu hóa hiệu suất và tăng cường năng lực cạnh tranh, HĐQT Petrosetco đặt ra một số định hướng chiến lược cụ thể như sau:

### **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ HUY ĐỘNG VỐN**

- Tập trung vào việc quản lý chặt chẽ tài chính, kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho để giảm thiểu rủi ro về biến động tỷ giá cũng như tối ưu hóa hiệu quả các nguồn vốn vay, đảm bảo dòng tiền kinh doanh được vận hành hiệu quả nhất.
- Tăng cường huy động vốn thông qua việc tìm kiếm và tận dụng các nguồn vốn khác nhau, từ vốn tự có đến vay vốn từ các ngân hàng hoặc đối tác đầu tư.
- Tinh thần tiết kiệm và hiệu quả sử dụng vốn sẽ được đặt lên hàng đầu, đồng thời xây dựng các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí không cần thiết và tối ưu hóa các hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường nâng cao năng lực quản lý tài chính của các đơn vị thành viên cho mục tiêu phát triển bền vững và dài hạn.

### **PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM**

- Tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng và đa dạng hóa thị trường và sản phẩm nằm ngoài hệ sinh thái hiện tại, đặc biệt là tập trung vào việc phát triển các thị trường mới cũng như mở rộng phạm vi hoạt động ra các thị trường ngoài ngành.
- Đẩy mạnh các chương trình marketing cho Petrosetco và các đơn vị thành viên, nhằm mục đích quảng bá và nhận diện thương hiệu, tạo điều kiện trong công tác tiếp cận khách hàng mới.
- Tiếp tục theo dõi và đánh giá tình hình kinh doanh đối với từng nhãn hàng theo từng thời điểm triển khai cụ thể. Tìm kiếm, đàm phán với các nhà cung cấp uy tín, đủ năng lực cả trong và ngoài nước để mở rộng danh mục kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng, đa dạng hoá mẫu mã sản phẩm với giá thành hợp lý.
- Đẩy mạnh đầu tư vào các nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, và hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực này. Điều này không chỉ giúp bảo vệ môi trường, mà còn tạo ra cơ hội kinh doanh mới và gia tăng giá trị cho cổ đông.

### **QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ**

- Tiếp tục đầu tư vào việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho cán bộ công nhân viên, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu suất làm việc để đáp ứng với yêu cầu của thị trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.
- Xây dựng đội ngũ kế thừa, nâng cao năng lực cạnh tranh và tư duy hệ thống cho đội ngũ quản lý cấp trung để tăng khả năng thích ứng với các thay đổi của môi trường kinh doanh.
- Xây dựng và duy trì môi trường làm việc tích cực và đội ngũ nhân viên được tạo điều kiện để phát triển và góp phần vào sự thành công của công ty.

### **ĐIỀU CHỈNH VÀ TÁI CƠ CẤU TỔNG THỂ**

- Hoàn thiện công tác tái cấu trúc, củng cố hiệu quả quản trị trên tinh thần mô hình

quản trị hiện đại, đảm bảo bộ máy quản trị tinh gọn, chuyên nghiệp, kiểm soát tốt các rủi ro, tiết kiệm chi phí, tăng năng lực cạnh tranh, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện thị trường và định hướng phát triển của công ty. Tiếp tục chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng chuyên môn hoá từng lĩnh vực kinh doanh riêng biệt để tối ưu hoá hiệu quả hoạt động, củng cố vị thế của các mảng kinh doanh cốt lõi, mở rộng phát triển những lĩnh vực tiềm năng khác.

- Quá trình điều chỉnh và tái cơ cấu tổng thể sẽ tập trung vào việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức nội bộ và cải tiến quy trình hoạt động. Petrosetco sẽ xem xét và đánh giá các bộ phận và phòng ban để đảm bảo sự hiệu quả và linh hoạt trong quản lý và vận hành công ty.
- Petrosetco đã, đang và sẽ triển khai các biện pháp cụ thể, tuân thủ theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.

### **III. BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG NĂM 2023**

#### **1. Giao dịch giữa PET và PVN**

- Tổng giá trị giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ năm 2023: 16.506.851.480 đồng

#### **2. Giao dịch giữa PET và các bên liên quan PVN**

- Tổng giá trị giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ năm 2023: 437.609.467 đồng
- Tổng giá trị giao dịch bán hàng hóa và dịch vụ năm 2023: 117.080.381.578 đồng

#### **3. Giao dịch giữa PET và các Công ty con**

- Tổng giá trị giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ năm 2023: 5.256.004.851 đồng
- Tổng giá trị giao dịch bán hàng hóa và dịch vụ năm 2023: 6.242.980.059.958 đồng
- Tổng giá trị lãi cho vay vốn năm 2023: 10.813.561.644 đồng
- Tổng giá trị thu nhập từ cổ tức năm 2023: 64.750.920.000 đồng
- Tổng giá trị hỗ trợ vốn lưu động năm 2023: 4.381.000.000.000 đồng
- Tổng giá trị thu hồi hỗ trợ vốn lưu động năm 2023: 4.450.128.081.051 đồng
- Tổng giá trị bảo lãnh năm 2023: 5.890.537.323.464 đồng

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
NĂM 2023**

*TP. Hồ Chí Minh, tháng ... năm 2024*



TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2024

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2023

Nền kinh tế toàn cầu đã bước qua năm 2023 một cách thận trọng khi những khó khăn và thử thách vẫn diễn biến phức tạp và không dự đoán được. Trong bức tranh chung khá u ám, Việt Nam được nhiều tổ chức quốc tế ghi nhận là quốc gia được nhiều thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế xã hội. GDP của Việt Nam trong năm 2023 với mức tăng 5,05% so với năm 2022, thấp hơn mục tiêu 6,5% trong bối cảnh toàn cầu khó khăn, nhiều nước tăng thấp, và chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng của các năm 2020 và 2021 là 2,87% và 2,55% trong giai đoạn 2011-2023.

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2023, một chặng đường dài với hành trình nhiều biến động, khó khăn và thách thức từ cả nội tại và tình hình địa chính trị, kinh tế, xã hội trong và ngoài nước. PETROSETCO vẫn tiếp tục kiên trì đề trụ vững trong từng hoạt động với bốn lĩnh vực kinh doanh chính gồm: Phân phối, Đời sống, Cung ứng và hậu cần, Dịch vụ Bất động sản, tiếp tục những bước tiến mới nhằm củng cố thêm năng lực dịch vụ của một đơn vị phục vụ đa ngành đa lĩnh vực.

Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại đã khiến cho nhiều doanh nghiệp thiếu đơn hàng xuất khẩu, hàng loạt doanh nghiệp cắt giảm giờ làm, sa thải lao động khiến thu nhập khả dụng cũng bị siết chặt. Nguồn cung cho ngành hàng IT dư thừa khá nhiều từ những năm trước dẫn đến cuộc chiến về giá giữa các nhà bán lẻ diễn ra khốc liệt để giành thị phần từ đầu năm 2023.

Tuy nhiên, với sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo, các cấp quản lý và toàn thể CBNV Petrosetco đã cố gắng nỗ lực không ngừng để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, xử lý nguồn tiền và chung tay đồng hành cùng khách hàng vượt qua khó khăn một cách linh hoạt trước những yếu tố biến động mạnh của thị trường. Dù kết quả chỉ tiêu tài chính ở một số mảng không hoàn thành theo kế hoạch đề ra, nhưng đó là kết quả của sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể CBNV Petrosetco. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của công ty đạt được như sau:

### **Biểu 1: Bảng số liệu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Petrosetco**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023 (ĐHCD)	TH 2023	Tỷ lệ (%)	
	1	2	3	4=3/2	5=3/1
Doanh thu	17,543	18,000	<b>17,218</b>	96%	98%
LNTT	213	300	<b>182</b>	61%	86%
LNST	167.4	240	<b>139</b>	58%	83%
Vốn điều lệ	904.5	1,073.4	<b>1,073.4</b>	100%	119%
Tỷ lệ chia cổ tức (%)	8%	8%	<b>8%</b>	100%	100%

- Doanh thu năm 2023 đạt **17,218 tỷ đồng**, bằng 96% so với kế hoạch năm và bằng 98% so với cùng kỳ năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt **182 tỷ đồng**, bằng 61% so với kế hoạch năm và 86% so với cùng kỳ năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt **139 tỷ đồng**, bằng 58% so với kế hoạch năm và 83% so với cùng kỳ năm 2022.
- Vốn điều lệ năm 2023 đạt **1073.4 tỷ đồng**, bằng 100% kế hoạch năm và bằng 119% so với cùng kỳ năm 2022.

### **KẾT QUẢ KINH DOANH THEO TỪNG MẢNG HOẠT ĐỘNG**

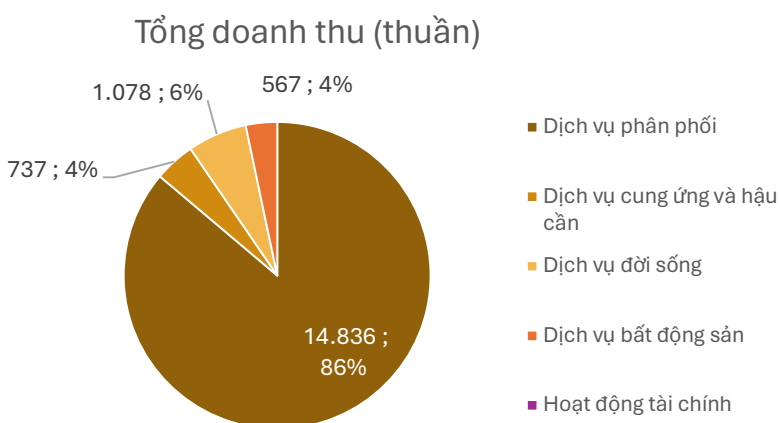
#### **Biểu 2: Kết quả SXKD năm 2023 theo mảng kinh doanh**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

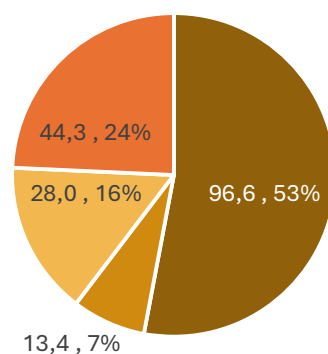
Chỉ tiêu	Năm 2022	Kế hoạch 2023	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	So với KH	So với 2022
	A	1	2	3	4	5=3/2 6=3/1
<b>Tổng doanh thu (thuần)</b>	<b>17,543</b>	<b>18,000</b>	<b>17,218</b>	<b>100%</b>	<b>96%</b>	<b>98%</b>
Dịch vụ phân phối	15,390	15,488	14,836	86%	96%	96%
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	715	901	737	4%	82%	103%
Dịch vụ đời sống	933	1,006	1,078	6%	107%	116%
Dịch vụ bất động sản	506	605	567	3%	94%	112%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>213.1</b>	<b>300.0</b>	<b>182.4</b>	<b>100%</b>	<b>61%</b>	<b>86%</b>
Dịch vụ phân phối	276.6	140.0	96.6	53%	69%	35%

Chỉ tiêu	Năm 2022	Kế hoạch 2023	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	So với KH	So với 2022
Dịch vụ cung ứng và hậu cần	12.9	24.0	13.4	7%	56%	104%
Dịch vụ đời sống	52.9	48.0	28.0	15%	58%	53%
Dịch vụ bất động sản	76.8	88.0	44.3	24%	50%	58%
Hoạt động tài chính	(206.1)			0%	-	-

Mảng dịch vụ phân phối vẫn chiếm tỷ trọng lớn 86% trong cơ cấu doanh thu các mảng kinh doanh của Petrosetco và tương đương so với cùng kỳ; Mảng dịch vụ Cung ứng chưa thể phục hồi nhịp độ tăng trưởng kỳ vọng; Các mảng dịch vụ khác như Dịch vụ đời sống, Quản lý bất động sản đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ về doanh thu và hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, vì chi phí đầu vào tăng cao và việc chấp nhận cắt giảm biên lợi nhuận khiến cho LNTT của Petrosetco chưa đạt kế hoạch và bằng 86% so với năm 2022.



**Lợi nhuận trước thuế**



## DỊCH VỤ PHÂN PHỐI

**Biểu 3: Kết quả SXKD năm 2023 mảng Dịch vụ Phân phối**

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ trọng 2023	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>15,390</b>	<b>15,488</b>	<b>14,836</b>	<b>100%</b>	<b>96%</b>	<b>96%</b>
Viễn thông - Điện tử	13,908	14,180	13,594	92%	98%	96%
Sản phẩm hóa dầu	1,482	1,308	1,242	8%	84%	95%
<b>Tổng lợi nhuận</b>	<b>276.6</b>	<b>140.0</b>	<b>96.6</b>	<b>100%</b>	<b>35%</b>	<b>69%</b>
Viễn thông - Điện tử	275.8	134.5	93.8	97%	34%	70%
Sản phẩm hóa dầu	0.8	5.5	2.8	3%	353%	51%

Mảng dịch vụ phân phối các sản phẩm Viễn thông – Điện tử như Điện thoại, Laptop, LCD, Server, thiết bị điện máy lạnh... trong năm 2023 ghi nhận doanh thu đạt **13,594 tỷ đồng**, bằng 96% kế hoạch năm và bằng 98% so với cùng kỳ 2022. Các sản phẩm hóa dầu trong năm 2023 ghi nhận doanh thu đạt 1,242 tỷ đồng, bằng 95% kế hoạch năm và bằng 84% so với cùng kỳ 2022.

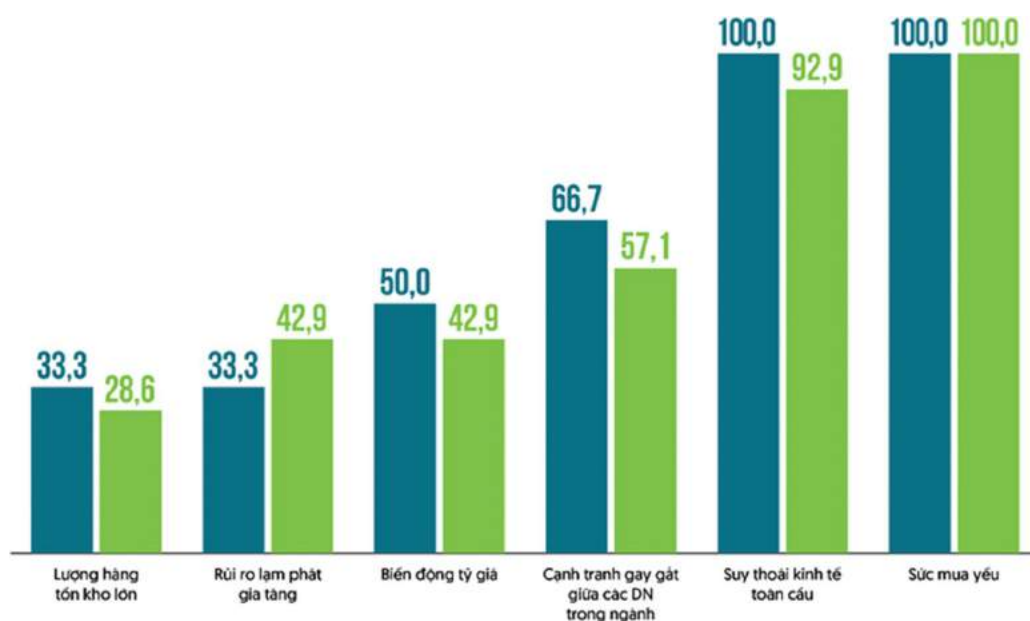
### *Phân phối thiết bị Viễn thông – Điện tử (ICT)*

Năm 2023 là một năm đặc biệt khó khăn do tác động của suy thoái kinh tế. Trong đó, ngành bán lẻ thiết bị công nghệ là một trong những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Đối với toàn bộ thị trường di động và điện máy nói chung, tại thời điểm hiện tại vẫn ở trong vùng đáy và chưa có dấu hiệu khôi phục. Tổng thị trường đã giảm khoảng 33% về số lượng so với thời điểm trước khi xảy ra đại dịch COVID vào giai đoạn năm 2020-2021.

Nhu cầu thị trường ngày càng giảm, sức mua thấp dẫn đến đại lý chạy nhiều chương trình và giảm giá để xoay nhanh dòng tiền, cuộc chiến về giá giữa các chuỗi bán lẻ gây loạn giá và thay đổi theo từng ngày dẫn đến các đại lý không dám nhập hàng để chạy số. Các nhà phân phối có lợi nhuận rất thấp hoặc kinh doanh lỗ để duy trì dòng tiền kinh doanh. Theo thống kê thế giới, lượng thiết bị điện thoại thông minh được bán ra trên toàn cầu trong giai đoạn quý III/2023 đã giảm 8% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó doanh thu của Apple giảm 9%.

Thị trường các sản phẩm IT như Laptop, Desktop, PC, Tablet ... sụt giảm đáng kể. Việc doanh số bán hàng giảm xuống đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm doanh nghiệp dừng chính sách làm việc từ xa hậu COVID, tình hình khó khăn chung của nền kinh tế dẫn đến việc thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng, cũng như các công ty công nghệ lớn và nhỏ tiến hành cắt giảm nhân sự. Ngay cả khi giảm giá sản phẩm, các kênh bán lẻ và nhà sản xuất máy tính vẫn phải đối mặt với lượng hàng tồn kho tăng cao.

Doanh số của Iphone 15 series có sự tăng trưởng vượt trội trong giai đoạn quý IV/2023, tuy vậy mảng kinh doanh máy tính bảng iPad và Macbook của Apple lại gặp nhiều khó khăn. Theo báo cáo tài chính quý IV, doanh thu iPad giảm 10%, doanh thu Macbook giảm tới 34% so với cùng kỳ năm ngoái.



Top 6 khó khăn của doanh nghiệp bán lẻ trong năm 2023 (màu xanh lá cây) so với năm trước Nguồn: Vietnam Report (% số doanh nghiệp)

### Giải pháp ứng phó đã thực hiện trong năm 2023

- Thường xuyên, liên tục kiểm soát hàng tồn kho của từng ngành hàng, công nợ của từng khách hàng để đảm bảo đủ dòng tiền và giảm thiểu chi phí phát sinh tồn kho lâu ngày
- Triển khai nhãn hàng IT mới LCD Dahua, Lenovo Server phân phối vào tháng 4/2023 bước đầu có doanh thu. Nhãn hàng mới triển khai năm 2022 như LG có sự tăng trưởng đáng kể so với cùng kì. Các nhãn hàng điện thoại được mở mới trong năm 2023 như Realme, Techno, Nokia, Inoi đã từng bước góp phần mang lại doanh thu, lợi nhuận đáng kể trong năm 2023.

- Liên tục phát triển khách hàng mới, mở rộng kênh khách hàng và bán phủ kênh nhằm không phụ thuộc vào các chuỗi lớn.
- Yêu cầu đội ngũ kinh doanh bám sát thị trường, theo sát và nắm rõ tình hình tài chính của từng đại lý phụ trách nhằm nhanh chóng có chính sách hỗ trợ phù hợp cũng như kiểm soát tình hình chi trả công nợ.
- Trao đổi, làm việc và yêu cầu các Hãng triển khai – giải ngân nguồn ngân sách hỗ trợ tồn kho, bảo vệ giá trong giai đoạn lượng hàng tồn kho tăng cao.
- Áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ cũng như thực hiện các chương trình bán hàng đồng hành cùng khách hàng – đại lý kích cầu, giải phóng lượng hàng hóa tồn kho, cải thiện tình trạng dòng tiền.
- Đẩy mạnh các chương trình Marketing từ PSD cũng như các đại lý nhằm nhanh chóng đưa thông tin sản phẩm mới và các chương trình khuyến mãi tiếp cận người tiêu dùng.
- Tăng cường làm việc với hãng để có sự hỗ trợ thêm nhằm xây dựng các chương trình trưng bày, khuyến mại giảm giá giải tồn, mua kèm sản phẩm nhằm mục đích mở rộng kênh truyền thông; các chính sách xây dựng và phát triển các Master Dealers tại từng khu vực.

## DỊCH VỤ CUNG ỨNG VTTB VÀ HẬU CẦN

**Biểu 3: Kết quả SXKD năm 2023 mảng Dịch vụ Cung ứng VTTB và Hậu cần**

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ trọng 2023	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>715</b>	<b>901</b>	<b>737</b>	<b>100%</b>	<b>103%</b>	<b>82%</b>
Cung ứng VTTB dầu khí	252	358	360	49%	143%	100%
Dịch vụ hậu cần	463	543	377	51%	81%	69%
<b>Tổng lợi nhuận</b>	<b>12.9</b>	<b>24.0</b>	<b>13.4</b>	<b>100%</b>	<b>104%</b>	<b>56%</b>
Cung ứng VTTB dầu khí	(15.8)	5.1	2.7	20%	117%	47%
Dịch vụ hậu cần	28.7	18.9	10.7	80%	37%	57%

Mảng dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị dầu khí trong năm 2023 ghi nhận doanh thu đạt 360 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch năm và bằng 143% so với cùng kỳ 2022. Dịch vụ hậu cần dầu khí bao gồm các dịch vụ như logistics, vận chuyển, cung ứng nhân

lực, visa, vệ sinh công nghiệp... ghi nhận doanh thu đạt 377 tỷ đồng, bằng 69% kế hoạch năm và bằng 81% so với cùng kỳ 2022.

Tổng kết toàn mảng với doanh thu đạt 737 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 13.4 tỷ đồng, mặc dù chưa hoàn thành kế hoạch như cũng đã và đang ghi nhận những tín hiệu tích cực với sự tăng trưởng so với năm 2022, tạo nên nhiều giá trị gia tăng từ sự nỗ lực của từng đơn vị – bộ phận chuyên môn trong công tác tìm kiếm khách hàng mới và khẳng định chất lượng dịch vụ của Petrosetco trong lĩnh vực này.

### ***Cung ứng vật tư thiết bị - Thương mại***

Thị trường ngành dầu khí có dấu hiệu hồi phục bằng sự khởi động của một số dự án của Vietsopetro, Phu Quoc POC, PVEPPOC, Murphy Oil,... tuy nhiên đơn vị lại gặp phải cản trở trong công tác đấu thầu vì lệnh cấm vận Nga. Tuy gặp rất nhiều khó khăn nhưng trong năm 2023 đơn vị cũng đã giành được một số gói thầu lớn như cung cấp giàn máy nén khí (Gas Compressor), gói cáp ngầm và nhiều gói thầu khác cho các dự án trong ngành dầu khí.

Đơn vị đã và đang tích cực tìm kiếm và mở rộng thêm các thị trường khách hàng tiềm năng mới, gia tăng hợp tác với các nhà cung cấp lớn để mở rộng các khu vực cung cấp lớn hơn và rộng hơn nhằm cung cấp các sản phẩm với tư cách đại lý độc quyền trong thị trường dầu khí tại Việt nam. Bên cạnh đó, đã thực hiện khảo sát thị trường, năng lực nhà máy/ nhà cung cấp mới để chuẩn bị cho các dự án triển khai trong giai đoạn sắp tới.

### ***Dịch vụ hậu cần dầu khí***

#### ***Vận chuyển, Logistics, Forwarding, Visa***

Thị trường Logistic cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt là lĩnh vực giao nhận và vận tải cả trong nước và quốc tế. Thị trường khoan trong ngành dầu khí chưa thực sự khởi động, các nhà thầu dầu khí đều có lượng hàng hoá giảm đáng kể cho đến cuối năm, kéo theo nhu cầu sử dụng dịch vụ liên quan như dịch vụ Logistic, thực hiện thủ tục hải quan, giao nhận hàng hoá quốc tế, nội địa, thuê xe... cũng bị sụt giảm theo.

Trong năm 2023, Petrosetco đã thực hiện thành công dịch vụ thông quan cho 6,500 lô hàng xuất nhập khẩu, 191 lô hàng đường biển và đường hàng không, vận hành đội xe du lịch cho thuê và xe tải vận chuyển hàng hóa cho các khách hàng lớn trong ngành dầu khí. Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về việc thay đổi quy trình, các thủ tục mới phát sinh, nhưng với kinh nghiệm cũng như mối quan hệ vốn có của mình, đơn vị vẫn cố gắng hỗ trợ và xử lý yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất.

### ***Dịch vụ cung ứng lao động***

Trong năm 2023, Petrosetco đã tích cực thực hiện công tác truyền thông tiếp cận khách hàng và đấu thầu thành công các gói cung cấp dịch vụ Manpower cho các Khách hàng lớn trong ngành dầu khí như: Phú Quốc POC, Hoàng Long JOC, Thăng Long JOC, Idemitsu, PVEPPOC, SK Innovation, Zarubezhneft... với tổng số chuyên gia gần 50 người.

Mảng dịch vụ này hiện vẫn đang phải đối mặt với một số bất lợi và áp lực cao khi các đối thủ cạnh tranh đều là các đơn vị dịch vụ có thâm niên trong ngành, đã và đang chiếm lĩnh thị trường và xây dựng mối quan hệ mật thiết với khách hàng cũng như với từng ứng viên ở những vị trí chuyên môn đặc thù.

### **Giải pháp ứng phó đã thực hiện trong năm 2023**

- Xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm để tập trung nguồn lực thực hiện.
- Giữ vững thị trường truyền thống và đẩy mạnh công tác tiếp thị, phát triển dịch vụ cung ứng thiết bị, vật tư, hàng hóa;
- Chú trọng vào đào tạo chuyên môn cho nhân viên làm việc trực tiếp, tạo điều kiện để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình.
- Xây dựng, duy trì mối quan hệ với các công ty trong và ngoài ngành. Đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung chăm sóc khách hàng, luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu của khách hàng nhanh chóng để tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời, chủ động liên tục tham gia vào các gói thầu để gia tăng khối lượng công việc.
- Tăng cường công tác Marketing rộng rãi cho các công ty trong và ngoài ngành để thiết lập các mối quan hệ. Đồng thời thương thảo với các nhà thầu ký hợp đồng khung cung cấp dịch vụ, tham gia vào hệ thống nhà cung cấp của các nhà thầu dầu khí nhằm phát triển và giữ mối quan hệ đồng thời tạo tiền đề để tham gia vào các gói thầu cho thời gian sắp tới.
- Đối với lĩnh vực cung cấp nhân lực (Manpower), Petrosetco xác định tập trung củng cố và xây dựng mối quan hệ bền vững với các ứng viên bằng việc nâng cao chất lượng, tạo sự khác biệt về dịch vụ, phúc lợi cho người lao động so với các đối thủ cạnh tranh.

## **DỊCH VỤ ĐỜI SỐNG**

### **Biểu 4: Kết quả SXKD năm 2023 mảng Dịch vụ Đời sống**

*DVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ trọng 2023	Tỷ lệ (%)	
					So cùng kỳ	So kế hoạch
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>933</b>	<b>1,034</b>	<b>1,078</b>	<b>100%</b>	<b>116%</b>	<b>104%</b>



Dịch vụ Catering	875	871	1,042	97%	119%	120%
Cung ứng thực phẩm	57.7	31.3	36	3%	63%	116%
<b>Tổng lợi nhuận</b>	<b>52.9</b>	<b>48.0</b>	<b>28.0</b>	<b>200%</b>	<b>53%</b>	<b>58%</b>
Dịch vụ Catering	50.9	46.6	27.6	98%	54%	59%
Cung ứng thực phẩm	2.0	1.4	0.45	2%	23%	32%

Mảng dịch vụ Catering – cung cấp suất ăn và thực phẩm với doanh thu đạt 1,078 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch năm và 116% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong năm, mảng kinh doanh dịch vụ ăn uống và Vệ sinh công nghiệp gặp nhiều khó khăn do có nhiều đơn vị trong và ngoài nước tham gia đấu thầu, các đối thủ cạnh tranh có nhiều mối quan hệ đan xen gây khó khăn cùng với đó là cạnh tranh về giá cả. Thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là tại các công trình bờ đã khiến đơn vị PSV phải tạm dừng cung cấp dịch vụ suất ăn và cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp tại Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (NSRP).

Đồng thời, giá thực phẩm liên tục biến động tăng do sự suy thoái của nền kinh tế trong khi đơn giá bán ra của suất ăn không tăng nên ảnh hưởng đến lợi nhuận của đơn vị trong mảng này. Thậm chí đơn vị đã phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với khách hàng như hệ thống Trường Tiểu học do thu không đủ bù chi phí. Đồng thời, do tình hình suy thoái chung của nền kinh tế nên các dịch vụ theo yêu cầu đã bị cắt giảm mạnh, đặc biệt là các suất ăn tiệc của các Tập đoàn, Công ty, Trường học...

Trong năm 2023, Petrosetco đã mở rộng mảng dịch vụ cung cấp suất ăn chuyên sâu cho các Bệnh viện và đã trúng thầu cung cấp suất ăn cho Bệnh viện Việt Đức với tiêu chuẩn, định lượng suất ăn nghiêm ngặt. Đối với dịch vụ Catering Offshore, trong năm đơn vị đã thực hiện cung cấp dịch vụ cho 17 giàn khoan, 2 tàu chứa dầu; 3 tàu cầu; 2 xà lan và 15 BK thuộc VSP, chiếm hơn 90% thị phần offshore.

### **Giải pháp ứng phó đã thực hiện trong năm 2023**

- Giữ ổn định các hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký. Tiếp cận, chào thầu và triển khai thực hiện các hợp đồng mới.
- Mở rộng tệp khách hàng mới cho mảng cung cấp suất ăn bờ chuyên sâu, từng bước thâm nhập vào nhóm đối tượng khách hàng là các Bệnh viện, với quy trình kiểm định thức phẩm nghiêm ngặt, từ đó giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của Petrosetco.

- Kiểm soát vật tư hàng hóa, lương thực thực phẩm theo Menu định lượng trên các công trình biển để đảm bảo chất lượng dịch vụ và kiểm soát, tiết giảm chi phí.
- Tăng cường kiểm tra, đánh giá nhà cung ứng hiện hữu, đồng thời tìm kiếm thêm các nhà cung ứng đạt yêu cầu khác, qua đó chủ động được số lượng, chất lượng hàng hoá trong mọi tình huống xấu do thời tiết hoặc dịch bệnh.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ và cử đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho CBCNV.

## DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

**Biểu 5: Kết quả SXKD năm 2023 mảng Dịch vụ Bất động sản**

*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ (%)	
				So cùng kỳ	So kế hoạch
Tổng doanh thu	506	605	<b>567</b>	112%	94%
Tổng lợi nhuận	76.8	88.0	<b>44.3</b>	58%	50%

Doanh thu mảng này trong năm 2023 đạt 567 tỷ đồng, bằng 94% kế hoạch năm và 112% so với cùng kỳ.

Thời gian vừa qua, đơn vị gặp nhiều khó khăn trong công tác phát triển, mở rộng cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản khi ngày càng nhiều sự cạnh tranh gay gắt đến từ các đối thủ trong và ngoài nước. Các công ty có thương hiệu đa quốc gia như CBRE, Savills, JLL tiếp tục chiếm lĩnh thị trường đối với bất động sản thương mại và nhà ở, và hiện có thêm sự gia nhập thêm các đối thủ đến từ Nhật Bản như Anabuki, Nozomi, Vishaho ... cùng sự liên kết của các thương hiệu nước ngoài với các nhà thầu dịch vụ làm sạch, vệ sinh công nghiệp lớn có hệ thống khách hàng sẵn có trong nước. Bên cạnh đó, các thương hiệu quản lý lâu năm trong nước tiếp tục chiếm ưu thế về các phân khúc truyền thống.

Trong năm, Petrosetco đã tích cực đẩy mạnh công tác đấu thầu cho các dự án không chỉ là cao ốc văn phòng mà còn là các dự án căn hộ chung cư, trung tâm thương mại, trường học, các trụ sở doanh nghiệp... thông qua việc nắm bắt các thông tin về các công trình xây dựng đang hình thành nhằm đẩy mạnh kế hoạch tiếp cận các dự án tiềm năng.

Một số hợp đồng được ký mới như Tòa nhà trụ sở 49 Lý Thái Tổ và Trung tâm dữ liệu dự phòng Sơn Tây - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tòa nhà trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Cần Thơ; Tòa nhà FPT Tân thuận...

## Giải pháp ứng phó đã thực hiện trong năm 2023

- Từng bước có chính sách điều chỉnh lương, thưởng và phúc lợi để phù hợp hơn với thị trường nhằm ổn định tâm lý người lao động.
- Triển khai ứng dụng chuyển đổi số phục vụ công việc như ứng dụng phần mềm quản lý công việc, quản lý hợp đồng...
- Chính sửa, bổ sung để tối ưu hoá các quy trình tác nghiệp, cập nhật các quy chuẩn về chất lượng, tích cực đào tạo nội bộ để nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như nâng cao năng suất lao động.
- Tăng cường tương tác và tạo mối quan hệ tốt với khách hàng bằng cách đa dạng hoá các kênh tiếp nhận thông tin để nhanh chóng đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ tại các công trình/dự án.
- Tập trung công tác Marketing và đa dạng hoá các kênh quảng cáo như quảng cáo trên VTV, VOV, Facebook, Google...

## CÁC THÀNH TỰU, TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023

Năm 2023 được xem là năm đầy khó khăn và thử thách nhưng Petrosetco đã nỗ lực vượt khó với sự chuyên minh mạnh mẽ, bao gồm chuyển đổi về tư duy phát triển hướng đến bền vững và chuyển đổi hoạt động nội tại, tạo nên giá trị và sự ổn định của một thương hiệu. Đối mặt với sự sụt giảm sức mua các mặt hàng điện tử, các sản phẩm công nghệ như điện thoại thông minh, laptop... Petrosetco đã thực hiện những thay đổi chiến lược quan trọng và đạt được một số **thành tựu** đóng góp vào sự phát triển chung của Petrosetco như sau:

- PSA vinh dự nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch Nước, vinh danh cho sự cống hiến, tận tâm và kiên trì của toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty
- PSD nhận giải thưởng "The Fastest Growing Partner" của hãng ASUS và "The Best SNS Client Performance Distributor" của hãng DELL Technologies.
- PETROSETCO tiếp tục ghi tên trong bảng xếp hạng VNR500 với 2 vị trí cao của top Doanh nghiệp tư nhân và Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- PETROSETCO tiếp tục có mặt tại bảng xếp hạng PROFIT500 – Top Doanh nghiệp có Lợi nhuận tốt nhất của Vietnam Report.

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024 sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với mảng phân phối khi kinh tế vĩ mô vẫn cho thấy rủi ro suy thoái toàn cầu ngày càng tăng, ảnh hưởng đến thị trường điện thoại thông minh và các sản phẩm điện tử. Thị trường điện tử năm 2024 được dự

đoán sẽ giảm 5-10% so với năm 2023. Phân khúc các sản phẩm công nghệ tầm thấp và trung sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố kinh tế vĩ mô, khiến những đối tượng thu nhập thấp lại bị giảm thu nhập dẫn đến thắt chặt chi tiêu và thận trọng hơn, ngược lại phân khúc sản phẩm cao cấp vẫn tăng trưởng về số khi nhóm khách hàng có thu nhập cao ít bị tác động trước tình hình kinh tế, lạm phát, vẫn có khả năng và nhu cầu chi trả mua sắm. Mặc dù phân khúc sản phẩm cao cấp vẫn tăng trưởng về số, tuy nhiên về giá trị lại chiếm tỷ trọng không quá lớn trong toàn bộ ngành điện thoại dẫn đến ngành điện thoại di động dự báo năm 2024 vẫn giảm cả về số lượng và giá trị.

Đối với mảng dịch vụ, năm 2024 cho thấy sự khởi sắc của thị trường dầu khí trong nước với những dự án mới được phê duyệt. Petrosetco sẽ tiếp tục duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi và nắm bắt cơ hội, tối ưu hóa lợi thế trong ngành dựa các nền tảng năng lực sẵn có để phát huy tối đa hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Kế hoạch năm 2024 của Petrosetco được xây dựng dựa trên quan điểm thận trọng đối với những biến động không thuận lợi của tình hình kinh tế vĩ mô. Petrosetco sẽ tiếp tục mở rộng đối với các ngành hàng khi đáp ứng được đầy đủ các khía cạnh về nhu cầu thị trường, thị phần, chất lượng sản phẩm/dịch vụ, nguồn vốn... đồng thời tập trung vào việc bảo vệ, duy trì dòng tiền liên tục của doanh nghiệp thông qua việc củng cố chắc chắn những hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ với các khách hàng hiện hữu, đặc biệt là các khách hàng lâu năm trong ngành dầu khí.

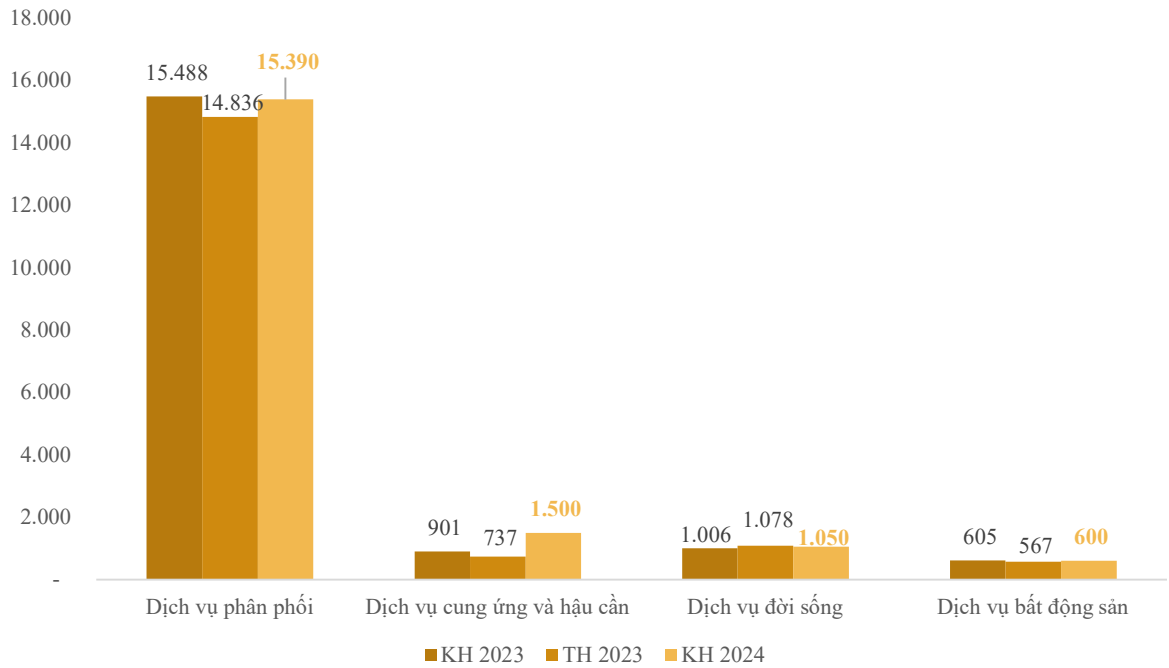
Kế hoạch năm 2024 Petrosetco dự kiến đặt ra với các chỉ tiêu với doanh thu **18.540 tỷ đồng** và lợi nhuận trước thuế **260 tỷ đồng**, lần lượt bằng 108% và 143% so với kết quả thực hiện 2023.

### Kế hoạch năm 2024 (chi tiết theo các biểu mẫu đính kèm)

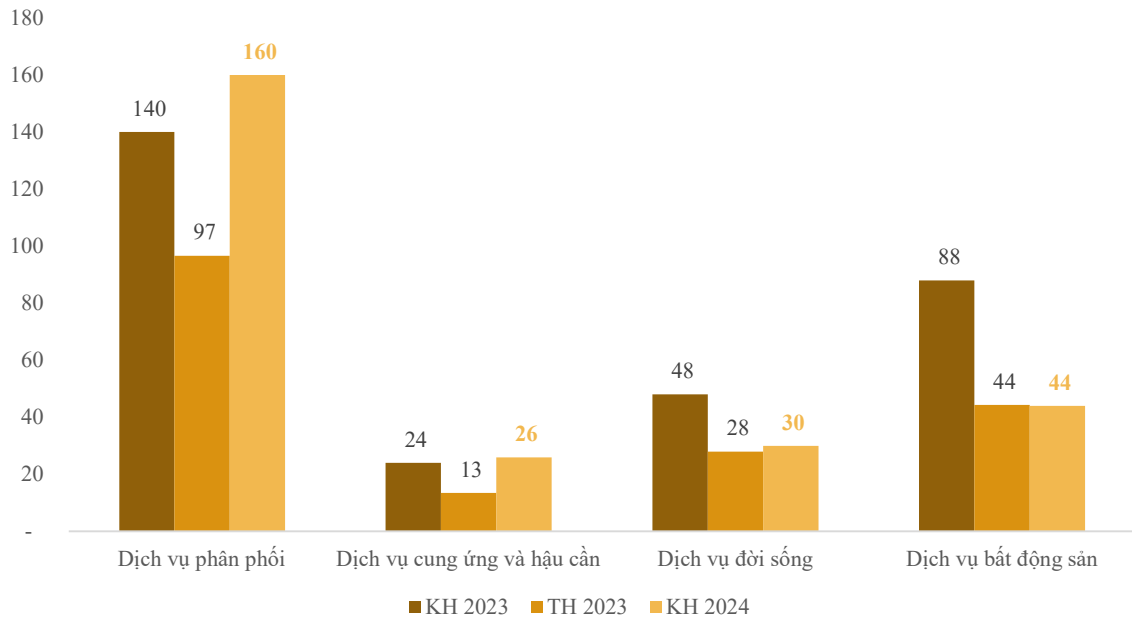
*DVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	KH 2024	Tỷ lệ %	
	1	2	3	4=3/1	5=3/2
Tổng doanh thu	18,000	17,218	<b>18,540</b>	103%	108%
Lợi nhuận TT	300	182	<b>260</b>	87%	143%
Lợi nhuận ST	240	139	<b>205</b>	85%	147%
Thu nhập BQ (trđ/người/tháng)	15.0	15.0	<b>15.0</b>	100%	100%

## KẾ HOẠCH DOANH THU 2024



## KẾ HOẠCH LNTT 2024



## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

### Giải pháp chung:

- Nhận diện đầy đủ các rủi ro để giảm thiểu chi phí phát sinh, sử dụng hiệu quả nguồn vốn. Tăng cường công tác thu hồi công nợ, cân đối nguồn tài chính, tiết kiệm chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị ở mức hợp lý.
- Chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản ứng phó, kể cả những kịch bản xấu nhất có thể xảy ra cho năm 2024 để tránh tối đa việc doanh nghiệp bị bất ngờ và bị động, dẫn đến khó khăn về các vấn đề tài chính và gián đoạn trong hoạt động kinh doanh.
- Đầu tư vào các hoạt động Marketing chuyên nghiệp, xây dựng thương hiệu cho Petrosetco và tất cả các đơn vị thành viên, phục vụ tốt hơn cho các hoạt động kinh doanh của từng mảng kinh doanh, các ngành hàng, tạo điều kiện để tiếp cận những đối tác, khách hàng mới để mở rộng hơn nữa thị trường cung cấp dịch vụ.
- Tăng cường quan hệ hợp tác kinh doanh giữa các Đơn vị thành viên của Petrosetco với nhau để tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm tối đa hóa Doanh thu và Lợi nhuận.
- Xây dựng, hoàn thiện lộ trình tái cơ cấu tổng thể Petrosetco giai đoạn tiếp theo phù hợp với điều kiện thực tế, định hướng phát triển và đảm bảo sự phát triển bền vững của Petrosetco. Triển khai các biện pháp để thực hiện công tác cấu trúc theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.
- Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc, thưởng theo hiệu quả SXKD để khuyến khích người lao động và thu hút, giữ chân nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao. Kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hiện có để nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa với vai trò quản lý.

### Giải pháp về ngành phân phối:

- Tiếp tục duy trì doanh số mảng phân phối để duy trì thị phần và hiệu quả đạt mức cao nhất có thể. Tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm kinh doanh các sản phẩm công nghệ mới, nằm trong và ngoài hệ sinh thái hiện tại.
- Thiết lập quan hệ chặt chẽ với khách hàng cuối (end-users) để từng bước có sức ảnh hưởng lớn hơn đối với Hãng, đại lý song song với việc tuyển dụng đội ngũ nhân sự kỹ thuật để có cung cấp các dịch vụ tư vấn có chất lượng hơn trong quá trình kinh doanh.
- Kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, thường xuyên rà soát từng đơn đặt hàng nhằm đảm bảo đáp ứng được nhu cầu thị trường nhưng vẫn an toàn về mặt tồn kho hàng hóa. Đồng thời, tìm kiếm bổ sung nguồn tài chính giá tốt, thực hiện các phương án dự phòng để giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá cũng như tận dụng hiệu quả hơn các nguồn vốn vay, đảm bảo dòng tiền kinh doanh được vận hành tốt trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động bất lợi.

### **Giải pháp về ngành dịch vụ:**

- Duy trì hiệu quả, ổn định công tác quản lý vận hành các Tòa nhà hiện đã ký hợp đồng, đảm bảo an toàn an ninh một cách tuyệt đối cho các dự án. Tăng cường công tác tìm kiếm khách hàng mới, đặc biệt mở rộng ra các tòa nhà ngoài ngành.
- Tận dụng cơ hội và nâng cao năng lực dịch vụ để mở rộng mảng dịch vụ cung cấp suất ăn đến thị trường các Bệnh viện. Kiểm soát vật tư hàng hóa, lương thực thực phẩm theo thực đơn định lượng trên các công trình biển để đảm bảo chất lượng dịch vụ và kiểm soát, tiết giảm chi phí.
- Tối ưu hóa quy trình tuyển dụng, tìm kiếm ứng viên phù hợp và chất lượng cao cho các vị trí chuyên gia cung cấp cho thuê lại lao động, tận dụng các công cụ tuyển dụng online, tuyển dụng thông qua sự giới thiệu của ứng viên, khách hàng, sử dụng tối đa vòng tròn ảnh hưởng của từng ứng viên để mở rộng mối quan hệ với các ứng viên tiềm năng khác...
- Rà soát toàn bộ các hợp đồng hiện có nhằm kiểm soát và thực hiện để đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Đồng thời, tiếp tục theo sát các kế hoạch mua sắm của các dự án, nhà thầu trong ngành Dầu khí để thực hiện chào thầu theo định hướng tập trung vào các nhóm ngành hàng là thế mạnh của đơn vị và có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Hoàn thiện quy trình và thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, tạo được sự hài lòng từ phía khách hàng để nâng cao chất lượng dịch vụ và giữ khách hàng gắn bó lâu dài với công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

#### ***Nơi nhận:***

- Cổ đông;
- Ban TGD;
- TKCT, CBTT;
- Lưu: TCKT, VT, KH&PTKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Tiến Dương**

Số:...../TTr-DVTHDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PWC) kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 như sau:

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

<b>Kết quả kinh doanh Công ty mẹ</b>	<b>Số liệu</b>
- Doanh thu thuần :	6.824.142.321.742 đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	31.272.701.752 đồng
- Lợi nhuận sau thuế :	32.977.095.105 đồng
<b>Kết quả kinh doanh hợp nhất</b> :	<b>Số liệu</b>
- Doanh thu thuần :	17.217.791.485.484 đồng
- Lợi nhuận trước thuế :	182.430.021.714 đồng
- Lợi nhuận sau thuế :	138.997.251.319 đồng



**2. Nội dung báo cáo tài chính kiểm toán:**

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PWC) (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2023 và đã được công bố trên trang web của Petrosetco theo đường dẫn [www.petrosetco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html](http://www.petrosetco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html), Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN (IDS), trang web của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

Số: /TTr-DVTHDK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Căn cứ vào điểm f Khoản 2 Điều 14 và Khoản 1 Điều 31 của Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tổng mức tiền lương/ thù lao của HĐQT và Tổng Giám đốc (TGD) năm 2023 và trình ĐHCĐ xem xét, thông qua kế hoạch tiền lương/ thù lao của HĐQT và TGD năm 2024, cụ thể như sau:

#### 1. Báo cáo tiền lương/ thù lao của HĐQT và TGD năm 2023

- Kế hoạch tiền lương/ thù lao của HĐQT và TGD năm 2023 được ĐHCĐ phê duyệt: **3.246.266.000 đồng**.
- Tiền lương/ thù lao của HĐQT và TGD năm 2023 thực tế chi trả: **2.804.460.227 đồng**.
- Mức tiền lương/ thù lao và các lợi ích khác của từng thành viên HĐQT và TGD năm 2023 được báo cáo chi tiết cụ thể trong tài liệu báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2024.

#### 2. Kế hoạch tiền lương/ thù lao của HĐQT và TGD năm 2024

- Kế hoạch tiền lương/ thù lao của HĐQT và TGD năm 2024 là: **3.260.000.000 đồng**.
- Thù lao thành viên HĐQT (*kiêm nhiệm*): **8.000.000 đồng/tháng**.
- Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2024 bao gồm: chi phí đi lại, khách sạn, công cụ/ phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại, ... và các chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Tổng Công ty phù hợp với quy định hiện hành.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, NS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

Số:...../TTr-DVTHDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023*

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PWC) kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023 như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số liệu</b>
- Doanh thu thuần hợp nhất	: 17.217.791.485.484 đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	: 182.430.021.714 đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	: 138.997.251.319 đồng
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	: 111.424.903.698 đồng
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	: 32.977.095.105 đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 6%	: 1.978.625.706 đồng
- Chi trả cổ tức	: Không chi trả cổ tức

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

Số:...../TTr-DVTHDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam (PWC) kiểm toán;
- Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, định hướng, mục tiêu phát triển của Tổng công ty năm 2024, tình hình kinh tế Việt Nam và thế giới.
- Căn cứ Kế hoạch phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2024 như sau:

### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024**

#### ***Kế hoạch kinh doanh hợp nhất***

- Doanh thu	:	18.540.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	260.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	205.000.000 đồng

#### ***Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ***

- Doanh thu	:	6.965.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	60.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	48.000.000.000 đồng

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định triển khai việc đầu tư các dự án, góp vốn vào công ty khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Tổng Công ty

## **2. Kế hoạch phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024**

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	6%
- Chia cổ tức dự kiến	:	tối đa 10%
- Lợi nhuận sau thuế	:	48.000.000.000 đồng

Tỷ lệ trích lập quỹ, tỷ lệ chia cổ tức và hình thức chi trả cổ tức cụ thể sẽ trình Đại hội cổ đông phê chuẩn trong Đại hội cổ đông năm thường niên năm 2025 sau khi có kết quả kinh doanh năm 2024 đã được kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

Số: /TTr-DVTHDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán năm 2024

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí quy định về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
- Căn cứ vào danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết;
- Căn cứ vào yêu cầu về kinh nghiệm, thương hiệu, chất lượng công việc khi thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

Trên cơ sở xem xét dựa vào các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán theo các căn cứ trên và phù hợp với tình hình thực tế của công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua danh sách công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán thuộc danh sách để thực hiện việc soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí theo quy định của pháp luật và nhu cầu của Tổng công ty tại từng thời điểm; và quyết định mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán:

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte;
- Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán PricewaterhouseCoopers Việt Nam;
- Công ty TNHH Kiểm toán KPMG.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- VP HĐQT.
- Lưu: KTNB, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

Số: /TTr-DVTHDK

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ  
2024 - 2029

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

**Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);*

*Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “**Tổng Công ty**”);*

*Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của ông Trịnh Thanh Cần ngày 11/01/2024,*

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét các nội dung liên quan đến việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

### **I. Miễn nhiệm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**

Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đối với các cá nhân sau đây:

1. Ông Trịnh Thanh Cần (*Cơ sở pháp lý: điểm a, khoản 6 Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; điểm b khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp*).

2. Ông Nguyễn Quý Thịnh (*Cơ sở pháp lý: điểm a, khoản 6 Điều 3 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; điểm a khoản 1 Điều 160 và điểm e Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp*).

### **II. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị: 02 người

2. Nhiệm kỳ Thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 2024 - 2029.

3. Tiêu chuẩn:

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện *theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14*

4. Số lượng và danh sách ứng viên: được tập hợp từ các cổ đông đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

Trân trọng kính trình./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- VP HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT, NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**PHÙNG TUẤN HÀ**



Số:...../TTr-DVTHDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Báo cáo các giao dịch giữa Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan năm 2023*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo các giao dịch giữa Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan năm 2023 như sau:

### **1. Giao dịch giữa PET và Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN):**

**o Nội dung giao dịch: mua hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 16.506.851.480 đồng

### **2. Giao dịch giữa PET và các bên liên quan của Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN)**

**o Các bên liên quan trọng yếu đã phát sinh giao dịch gồm:**

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI

- Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn

**o Nội dung giao dịch: mua hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 437.609.467 đồng

**o Nội dung giao dịch: bán hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 117.080.381.578 đồng

### **3. Giao dịch giữa PET và các Công ty con**

**o Các Công ty con đã phát sinh giao dịch gồm:**

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí
- Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí
- Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí
- Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung

**o Nội dung giao dịch: mua hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 5.256.004.851 đồng

**o Nội dung giao dịch: bán hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 6.242.980.059.958 đồng

**o Nội dung giao dịch: Lãi cho vay vốn**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 10.813.561.644 đồng

**o Nội dung giao dịch: Cổ tức nhận được**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 64.750.920.000 đồng

**o Nội dung giao dịch: Hỗ trợ vốn lưu động**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 4.381.000.000.000 đồng

**o Nội dung giao dịch: Thu hồi vốn lưu động**

- Tổng giá trị giao dịch trong năm 2023: 4.450.128.081.051 đồng

**o Nội dung giao dịch: Bảo lãnh**

- Tổng giá trị bảo lãnh cho Công ty con năm 2023: 5.890.537.323.464 đồng.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

Số:...../TTr-DVTHDK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua Nội dung giao dịch dự kiến giữa Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan trong năm 2024*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Nội dung giao dịch dự kiến giữa Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan trong năm 2024 như sau:

### **1. Giao dịch giữa PET và Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN):**

**o Nội dung giao dịch: mua hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 20 tỷ đồng

### **2. Giao dịch giữa PET và các bên liên quan của Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN)**

**o Các bên liên quan đã phát sinh giao dịch gồm:**

- Tổng Công ty Bảo hiểm PVI

- Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn

**o Nội dung giao dịch: mua hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 2 tỷ đồng

**o Nội dung giao dịch: bán hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 200 tỷ đồng

### **3. Giao dịch giữa PET và các Công ty con**

**o Các Công ty con đã phát sinh giao dịch gồm:**

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí
- Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí
- Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí
- Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung

**o Nội dung giao dịch: mua hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 20 tỷ đồng

**o Nội dung giao dịch: bán hàng hóa, dịch vụ**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 10.000 tỷ đồng

**o Nội dung giao dịch: Lãi cho vay vốn**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 15 tỷ đồng

**o Nội dung giao dịch: Cổ tức nhận được**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 100 tỷ đồng

**o Nội dung giao dịch: Hỗ trợ vốn lưu động**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 10.000 tỷ đồng

**o Nội dung giao dịch: Thu hồi vốn lưu động**

- Tổng giá trị giao dịch dự kiến trong năm 2024: 10.000 tỷ đồng

**o Nội dung giao dịch: Bảo lãnh**

- Tổng giá trị bảo lãnh cho Công ty con dự kiến năm 2024: 6.922 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí: 1.200 tỷ đồng
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển: 900 tỷ đồng
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí: 3.920 tỷ đồng
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam: 92 tỷ đồng
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung: 810 tỷ đồng

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**PHÙNG TUẤN HÀ**

Số: ...../2024/NQ-DVTHDK

TP.HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**Dự thảo**

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

#### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2024.

#### QUYẾT NGHỊ:

Ngày 26/04/2024, tại Trung tâm hội nghị GEM CENTER, số 8 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM; Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí được tổ chức với sự tham gia của ..... cổ đông sở hữu ..... cổ phần chiếm ..... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Nội dung 1:** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

**Nội dung 2:** Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.

**Nội dung 3:** Thông qua Tờ trình Kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.

**Nội dung 4:** Thông qua Tờ trình Báo cáo tiền lương, thu nhập và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

**Nội dung 5:** Thông qua Tờ trình Phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023.

**Nội dung 6:** Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024.

**Nội dung 7:** Thông qua Tờ trình Danh sách các công ty kiểm toán năm 2024.

**Nội dung 8:** Thông qua Tờ trình Miễn nhiệm và Bầu cử Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029.

**Nội dung 9:** Thông qua Tờ trình Báo cáo Giao dịch giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan năm 2023.

**Nội dung 10:** Thông qua Tờ trình Nội dung giao dịch dự kiến giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan trong năm 2024.

**Nội dung 11:** Bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029.

### **KẾT QUẢ BẦU CỬ:**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Số phiếu bầu</b>
Ông/Bà.....	Thành viên HĐQT	
Ông/Bà.....	Thành viên HĐQT	

Như vậy, Ông/Bà..... và Ông/Bà..... trúng cử làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, TCKT.
- Ban Tổng Giám Đốc.
- Thư ký công ty

**CHỦ TỌA**

**PHÙNG TUẤN HÀ**





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**MÃ ĐẠI BIỂU: PET.000...**

**MẪU**

Họ và tên Đại biểu: ...

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: ... phiếu biểu quyết

Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: ... phiếu biểu quyết

**Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: ... phiếu biểu quyết**

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
<b>Nội dung 01:</b> Báo cáo của Hội đồng quản trị 2023			
<b>Nội dung 02:</b> Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 2023			
<b>Nội dung 03:</b> Thông qua tờ trình Kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023			
<b>Nội dung 04:</b> Thông qua tờ trình Báo cáo tiền lương, thu nhập và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2023 và kế hoạch năm 2024.			
<b>Nội dung 05:</b> Thông qua tờ trình Phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023			
<b>Nội dung 06:</b> Thông qua tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024			
<b>Nội dung 07:</b> Thông qua tờ trình Danh sách các công ty kiểm toán năm 2024			
<b>Nội dung 08:</b> Thông qua tờ trình Miễn nhiệm và Bầu cử Bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029.			
<b>Nội dung 09:</b> Thông qua tờ trình Giao dịch giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan năm 2023			
<b>Nội dung 10:</b> Thông qua Nội dung giao dịch dự kiến giữa Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với các bên liên quan trong năm 2024.			

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày ... tháng ... năm 2024

**ĐẠI BIỂU**

*(Ký và Ghi rõ họ tên)*

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10

## TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 0300452060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, ngày 29 tháng 9 năm 2006, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 4 tháng 10 năm 2023.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phùng Tuấn Hà Ông Vũ Tiến Dương Ông Nguyễn Đức Minh  Bà Phạm Thị Hồng Điệp  Ông Nguyễn Quý Thịnh Ông Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2023) Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023) Thành viên độc lập Thành viên độc lập
<b>Ban Kiểm toán nội bộ</b>	Ông Nguyễn Đăng Khoa  Ông Lê Minh Kha Ông Nguyễn Minh Tân Bà Trần Thị Phương Trinh	Trưởng ban (đến ngày 30 tháng 1 năm 2024) Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 7 tháng 1 năm 2023)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Vũ Tiến Dương Ông Hồ Minh Việt Bà Phạm Thị Hồng Điệp Ông Huỳnh Văn Ngân Ông Hồ Hoàng Nguyên Vũ  Ông Nguyễn Đức Minh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 4 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22 tháng 5 năm 2023)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Trụ sở chính</b>	Lầu 6, Tòa nhà Petro Việt Nam, Số 1-5 Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“Chủ tịch HĐQT”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Chủ tịch HĐQT cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 55. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

12/03/2024

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“Chủ tịch HĐQT”) của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT**

Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Cheng Kiến Hùng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5038-2024-006-1

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM15327  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.776.484.287.738</b>	<b>2.914.530.591.014</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>705.125.992.769</b>	<b>693.594.309.722</b>
111	Tiền		604.490.245.769	211.594.309.722
112	Các khoản tương đương tiền		100.635.747.000	482.000.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>533.500.000.000</b>	<b>578.882.039.342</b>
121	Chứng khoán kinh doanh		-	3.324.731.517
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(689.267.517)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	533.500.000.000	576.246.575.342
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.493.121.625.983</b>	<b>1.027.760.915.701</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.076.275.047.448	779.145.697.468
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.196.995.995	1.319.702.415
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	150.000.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	380.525.708.786	339.804.590.295
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(116.876.126.246)	(92.509.074.477)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>17.708.465.556</b>	<b>554.328.332.177</b>
141	Hàng tồn kho		17.708.465.556	566.764.914.571
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(12.436.582.394)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>27.028.203.430</b>	<b>59.964.994.072</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	7.906.548.577	3.800.347.178
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(a)	15.572.971.753	55.989.337.265
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(b)	3.548.683.100	175.309.629

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.270.207.601.324</b>	<b>1.315.280.181.893</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>23.655.000.000</b>	<b>25.655.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	23.655.000.000	25.655.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>109.614.886.994</b>	<b>109.931.717.731</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	11.277.577.613	11.594.408.350
222	Nguyên giá		75.386.481.746	73.670.945.382
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(64.108.904.133)	(62.076.537.032)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	98.337.309.381	98.337.309.381
228	Nguyên giá		99.415.932.281	99.415.932.281
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.078.622.900)	(1.078.622.900)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>553.587.535.363</b>	<b>593.348.354.875</b>
231	Nguyên giá		852.074.158.578	852.074.158.578
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(298.486.623.215)	(258.725.803.703)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>806.632.906</b>	<b>806.632.906</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		806.632.906	806.632.906
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>468.798.947.594</b>	<b>473.774.576.772</b>
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	400.311.972.126	400.311.972.126
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	108.202.457.249	108.202.457.249
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	2.000.000.000	2.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(41.715.481.781)	(36.739.852.603)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>113.744.598.467</b>	<b>111.763.899.609</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	110.337.650.722	111.763.899.609
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20	3.406.947.745	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>4.046.691.889.062</b>	<b>4.229.810.772.907</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.502.352.799.850</b>	<b>2.715.832.466.170</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.490.745.897.093</b>	<b>2.637.905.093.512</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	383.566.957.018	912.867.013.051
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		116.748.426	557.604.957
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(c)	1.331.658.710	1.136.736.393
314	Phải trả người lao động	16	4.798.419.114	356.810.227
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.464.949.372	2.484.600.159
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	4.686.476.824
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	110.438.137.685	112.565.603.974
320	Vay ngắn hạn	19(a)	1.986.494.286.492	1.595.181.734.261
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	2.534.740.276	8.068.513.666
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>11.606.902.757</b>	<b>77.927.372.658</b>
337	Phải trả dài hạn khác		736.619.791	1.835.391.884
338	Vay dài hạn	19(b)	10.870.282.966	76.091.980.774
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.544.339.089.212</b>	<b>1.513.978.306.737</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.544.339.089.212</b>	<b>1.513.978.306.737</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	1.073.348.310.000	904.501.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.073.348.310.000	904.501.240.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	23	172.734.720.800	172.734.720.800
415	Cổ phiếu quỹ	23	(5.427.873.108)	(5.427.873.108)
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	259.111.461.673	259.111.461.673
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	44.572.469.847	183.058.757.372
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		11.595.374.742	139.453.546.880
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		32.977.095.105	43.605.210.492
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.046.691.889.062</b>	<b>4.229.810.772.907</b>



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.228.906.610.142	7.263.347.978.270
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(404.764.288.400)	(266.901.584.762)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25 6.824.142.321.742	6.996.446.393.508
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	26 (6.747.131.457.275)	(6.778.279.231.966)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.010.864.467	218.167.161.542
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27 147.152.952.622	146.729.601.331
22	Chi phí tài chính	28 (116.804.370.028)	(269.825.245.271)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	28 (109.748.576.751)	(83.410.576.199)
25	Chi phí bán hàng	29 (3.465.391.911)	(4.451.084.962)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30 (71.541.670.795)	(32.072.195.160)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.352.384.355	58.548.237.480
31	Thu nhập khác	490.259.965	1.733.757.642
32	Chi phí khác	(1.569.942.568)	(15.473.647.171)
40	Lỗ khác	(1.079.682.603)	(13.739.889.529)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.272.701.752	44.808.347.951
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	31 (1.702.554.392)	(1.203.137.459)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31 3.406.947.745	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	32.977.095.105	43.605.210.492



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.272.701.752</b>	<b>44.808.347.951</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	41.793.186.613	42.515.427.863
03	Các khoản dự phòng	16.216.831.036	1.091.476.871
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(139.514.177.849)	(122.610.830.598)
06	Chi phí lãi vay	109.748.576.751	83.410.576.199
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>59.517.118.303</b>	<b>49.214.998.286</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(269.577.039.411)	342.902.113.878
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	549.056.449.015	(75.244.280.924)
11	Giảm các khoản phải trả	(531.147.481.788)	(2.909.205.861)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.679.952.512)	357.661.013
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	3.324.731.517	167.346.304.466
14	Tiền lãi vay đã trả	(109.249.980.646)	(84.376.929.466)
15	Thuế TNDN đã nộp	(5.075.243.262)	(11.399.285.136)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(8.150.086.020)	(9.859.106.706)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(313.981.484.804)</b>	<b>376.032.269.550</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(1.715.536.364)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.092.727.273
23	Tiền chi cho vay và gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	(1.886.476.000.000)	(734.466.972.389)
24	Tiền thu từ cho vay và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	1.779.222.575.342	301.220.397.047
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(77.842.500.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay và cổ tức	108.406.447.250	197.572.261.329
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(562.513.772)</b>	<b>(310.424.086.740)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu đi vay	6.969.555.407.564	7.137.551.892.820
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.643.464.553.141)	(7.740.996.296.696)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(15.172.800)	-
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>326.075.681.623</b>	<b>(603.444.403.876)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>11.531.683.047</b>	<b>(537.836.221.066)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>693.594.309.722</b>	<b>1.231.430.530.788</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>705.125.992.769</b>	<b>693.594.309.722</b>

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm là cán trừ phải thu từ cổ tức được nhận với nợ phải trả với số tiền là 27.032.040.000 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 Đồng).



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300452060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 22 ngày 4 tháng 10 năm 2023 về việc cập nhật số vốn điều lệ sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn” hay “PVN”).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là “PET”, theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13 tháng 8 năm 2007.

Cổ đông của Tổng Công ty là các công ty, các cá nhân đang hoạt động kinh doanh và làm việc tại Việt Nam. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 22.

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ và thương mại hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và quản lý;
- Mua bán trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng;
- Phát triển, kinh doanh và quản lý bất động sản;
- Mua bán thiết bị viễn thông; và
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp
- Cung cấp nhân lực và các dịch vụ hỗ trợ dự án.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 49 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 50 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 3 công ty con sở hữu gián tiếp, 3 công ty liên kết trực tiếp, 2 công ty liên kết gián tiếp, và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 3 công ty con sở hữu gián tiếp, 3 công ty liên kết trực tiếp, 2 công ty liên kết gián tiếp, và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc).

Chi tiết của công ty con sở hữu trực tiếp và công ty liên kết trực tiếp được trình bày ở Thuyết minh 4 - Đầu tư tài chính. Chi tiết của công ty con sở hữu gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp và đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc được trình bày ở trang tiếp theo.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
			Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh ("Bình Minh")	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng	Thành phố Hồ Chí Minh	71,16	92,5	73,97	92,5
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang ("Nha Trang PST")	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Tỉnh Khánh Hòa	99,79	100	99,79	100
Công ty TNHH Một thành viên An Lạc Nhơn Trạch ("An Lạc Nhơn Trạch")	Dịch vụ đóng gói các sản phẩm từ giấy	Tỉnh Đồng Nai	79,97	100	79,97	100
<b>Công ty liên kết gián tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom ("Vietecom") (*)	Kinh doanh thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ, giao nhận hàng hóa	Thành phố Hà Nội	16	20	16	20
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Năng lượng Petro ("Petro")	Sản xuất điện	Thành phố Hồ Chí Minh	27	45	27	45
<b>Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc</b>						
Chi nhánh Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí ("PIMD")	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tổng Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng hóa được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**2.8 Các khoản đầu tư****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

**(c) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(d) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(e) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(f) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**2.9 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày tới hạn thu hồi.

**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	5% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 17%
Thiết bị quản lý	20% - 33%
Quyền sử dụng đất	2% - 3%
Phần mềm máy tính	33%

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình lắp đặt xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.11 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.12 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

#### *Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của bất động sản đó. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3% - 33%
------------------------	----------

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; ... trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; ... có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

### 2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.15 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**2.16 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.18 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ chủ yếu bao gồm tiền lãi nhận trước từ tiền gửi ngân hàng. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.19 Vốn chủ sở hữu****(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

**(b) Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**(c) Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Tổng Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

**(d) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh riêng lãi sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.20 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Tổng Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

**(d) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(e) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán riêng, nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

**2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và chiết khấu thanh toán.

**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

**2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.30 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Chủ tịch HĐQT phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Chủ tịch HĐQT đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	354.691.212	304.001.359
Tiền gửi ngân hàng	604.135.554.557	211.290.308.363
Các khoản tương đương tiền (*)	100.635.747.000	482.000.000.000
	<u>705.125.992.769</u>	<u>693.594.309.722</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm đến 7,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 4,6%/năm đến 6,0%/năm).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	533.500.000.000	533.500.000.000	576.246.575.342	576.246.575.342

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị của khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên ba tháng nhưng kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 1%/năm đến 8,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 2,5%/năm đến 11%/năm).

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	2023			2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (i)	400.311.972.126	372.995.750.852	(27.316.221.274)	400.311.972.126	374.520.955.636	(25.791.016.490)
Đầu tư vào công ty liên kết (ii)	108.202.457.249	95.803.196.742	(12.399.260.507)	108.202.457.249	99.253.621.136	(8.948.836.113)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iii)	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)
	510.514.429.375	468.798.947.594	(41.715.481.781)	510.514.429.375	473.774.576.772	(36.739.852.603)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết của các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	Ngành nghề	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022		Dự phòng VND	Dự phòng VND
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD") (i)	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông	Thành phố Hồ Chí Minh	78,93	76,93	113.600.000.000	596.470.220.000	-	539.091.072.000
2	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung ("PSMT")	Thương mại, dịch vụ	Tỉnh Quảng Ngãi	99,79	99,79	74.742.000.000	(*)	-	(*)
3	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí ("PSA")	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà	Thành phố Hà Nội	71,46	71,46	58.962.908.969	(*)	-	(*)
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu ("PSV")	Cung cấp dịch vụ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	70	70	64.341.999.232	(*)	-	(*)
5	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển ("POTS")	Thương mại, dịch vụ	Thành phố Hồ Chí Minh	60	60	31.681.662.678	(*)	-	(*)
6	Công ty Cổ phần Hồ lu Thông minh ("Smartcom")	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm	Thành phố Hồ Chí Minh	55	55	16.500.000.000	(*)	(16.500.000.000)	(*)
7	Công ty TNHH Petroselco - SSG ("PSSSG") (ii)	Kinh doanh bất động sản	Thành phố Hồ Chí Minh	21,46	51	10.733.401.247	(*)	(1.524.878.789)	(*)
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí ("PSR")	Bán lẻ điện thoại	Thành phố Hồ Chí Minh	72,75	75	7.650.000.000	(*)	(7.650.000.000)	(*)
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam ("PSL") (ii)	Bán lẻ điện thoại	Thành phố Hồ Chí Minh	44	66,67	6.600.000.000	(*)	-	(*)
10	Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	Hỗ trợ vận tải, phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi	Thành phố Hồ Chí Minh	51	51	5.100.000.000	(*)	-	(*)
11	Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG") (iv)	Ngưng hoạt động hàng giải thả	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	10.400.000.000	(*)	(1.641.016.490)	(*)
						400.311.972.126	(27.316.221.274)		(25.791.016.490)

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

### 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### (b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

##### (i) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào PSD được xác định dựa vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG là 21,46%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSSSG thông qua 51% đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSSSG. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSSSG và PSSSG được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSL là 44%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSL thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSL. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSL và PSL được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty.
- (iv) Hiện tại, PSG đang trong quá trình quyết toán với cơ quan thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, PSG không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh nào.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết của khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Ngành nghề	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Quyền sở hữu và biểu quyết %	31.12.2023		31.12.2022	
				Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Môi trường xanh Pedaco	Xử lý nước thải	Tỉnh Bình Thuận	48.5	77.842.500.000	(*)	77.842.500.000	(*)
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Dịch vụ cho thuê văn phòng	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	24	14.359.957.249	(*)	14.359.957.249	(*)
Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vinh Hòa Emerald Bay (**)	Dịch vụ nghỉ dưỡng	Tỉnh Phú Yên	20	16.000.000.000	(*)	16.000.000.000	(*)
				<u>108.202.457.249</u>		<u>108.202.457.249</u>	
						<u>(10.796.214.938)</u>	<u>(7.345.790.544)</u>
						<u>(1.603.045.569)</u>	<u>(1.603.045.569)</u>
						<u>-</u>	<u>-</u>
						<u>(12.399.260.507)</u>	<u>(8.948.836.113)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vinh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ và đã góp 16 tỷ Đồng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

- 4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
- (b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**
- (iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chi tiết của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

Tên công ty	31.12.2023				31.12.2022			
	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	20%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	20%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	9.534.339.986	10.152.086.936
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	1.066.740.707.462	768.993.610.532
	<u>1.076.275.047.448</u>	<u>779.145.697.468</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán đã được xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như được trình bày tại Thuyết minh 9.

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	<u>3.196.995.995</u>	<u>1.319.702.415</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có người bán bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn.

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>Tại ngày</b> <b>1.1.2023</b> <b>VND</b>	<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>31.12.2023</b> <b>VND</b>
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (*)	-	250.000.000.000	(100.000.000.000)	150.000.000.000
	<u>-</u>	<u>250.000.000.000</u>	<u>(100.000.000.000)</u>	<u>150.000.000.000</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư bao gồm khoản cho vay tín chấp với một bên liên quan (Thuyết minh 33(b)). Khoản cho vay này có lãi suất là 6,2%/năm.



**8 PHẢI THU KHÁC****(a) Ngắn hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tiền hỗ trợ vốn (Thuyết minh 33(b))	313.633.786.821	(104.356.508.347)	270.475.200.796	(89.078.093.929)
Cổ tức phải thu (Thuyết minh 33(b))	50.498.880.000	-	44.419.104.000	-
Khác	16.393.041.965	-	24.910.285.499	(290.637.834)
	<u>380.525.708.786</u>	<u>(104.356.508.347)</u>	<u>339.804.590.295</u>	<u>(89.368.731.763)</u>
Trong đó				
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	366.672.844.618	(104.356.508.347)	314.894.304.796	(89.078.093.929)
Bên thứ ba	13.852.864.168	-	24.910.285.499	(290.637.834)
	<u>380.525.708.786</u>	<u>(104.356.508.347)</u>	<u>339.804.590.295</u>	<u>(89.368.731.763)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu khác ngắn hạn đã quá hạn thanh toán đã được xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như được trình bày tại Thuyết minh 9.

**(b) Dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu khác dài hạn chủ yếu bao gồm tiền đặt cọc, ký quỹ dài hạn.

## 9 NỢ KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán đã được xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như được trình bày như sau:

	2023			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Một công ty con liên quan đến hỗ trợ vốn lưu động	291.588.887.952	187.232.379.605	104.356.508.347	Trên 3 năm
Khác	12.519.617.899	-	12.519.617.899	Trên 3 năm
	<u>304.108.505.851</u>	<u>187.232.379.605</u>	<u>116.876.126.246</u>	
	2022			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Một công ty con liên quan đến hỗ trợ vốn lưu động	262.603.299.106	173.525.205.177	89.078.093.929	Trên 3 năm
Khác	3.430.980.548	-	3.430.980.548	Trên 3 năm
	<u>266.034.279.654</u>	<u>173.525.205.177</u>	<u>92.509.074.477</u>	

10 HÀNG TỒN KHO

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	17.678.408.056	-	96.698.910.896	-
Hàng hóa	30.057.500	-	470.066.003.675	(12.436.582.394)
	<u>17.708.465.556</u>	<u>-</u>	<u>566.764.914.571</u>	<u>(12.436.582.394)</u>

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bảo lãnh thanh toán	7.891.765.244	3.747.398.633
Khác	14.783.333	52.948.545
	<u>7.906.548.577</u>	<u>3.800.347.178</u>

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Thuê hoạt động	100.715.052.422	103.535.764.754
Khác	9.622.598.300	8.228.134.855
	<u>110.337.650.722</u>	<u>111.763.899.609</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

<b>12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH</b>								
<b>(a)</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>		
	<b>Nguyên giá</b>							
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	61.670.169.589	7.509.514.795	1.523.631.618	2.967.629.380	73.670.945.382		
	Mua trong năm	-	-	1.535.536.364	180.000.000	1.715.536.364		
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	61.670.169.589	7.509.514.795	3.059.167.982	3.147.629.380	75.386.481.746		
	<b>Khấu hao lũy kế</b>							
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	51.217.014.572	7.250.010.702	641.882.378	2.967.629.380	62.076.537.032		
	Khấu hao trong năm	1.635.507.491	28.632.720	365.226.890	3.000.000	2.032.367.101		
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	52.852.522.063	7.278.643.422	1.007.109.268	2.970.629.380	64.108.904.133		
	<b>Giá trị còn lại</b>							
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	10.453.155.017	259.504.093	881.749.240	-	11.594.408.350		
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	8.817.647.526	230.871.373	2.052.058.714	177.000.000	11.277.577.613		

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 31,652 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29,846 tỷ Đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	98.337.309.381	1.078.622.900	<b>99.415.932.281</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	1.078.622.900	<b>1.078.622.900</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	98.337.309.381	-	<b>98.337.309.381</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.078.622.900 Đồng.

**13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	852.074.158.578
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	258.725.803.703
Khấu hao trong năm	39.760.819.512
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	298.486.623.215
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	593.348.354.875
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	553.587.535.363

Bất động sản đầu tư bao gồm Khu nhà ở thuộc Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (“Dự án Nghi Sơn”) được xây dựng để cho thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ giá trị của bất động sản đầu tư được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 19).

**13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 94.352.637.622 Đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 93.830.491.153 Đồng). Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 20.743.577.457 Đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 20.700.311.052 Đồng).

Tổng Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
<i>Công ty TNHH</i>				
<i>Apple Việt Nam</i>	342.844.453.571	342.844.453.571	755.105.026.055	755.105.026.055
<i>Khác</i>	1.334.164.831	1.334.164.831	1.991.010.912	1.991.010.912
	344.178.618.402	344.178.618.402	757.096.036.967	757.096.036.967
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	39.388.338.616	39.388.338.616	155.770.976.084	155.770.976.084
	383.566.957.018	383.566.957.018	912.867.013.051	912.867.013.051

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên và không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp/ phải thu VND	Số đã nộp VND	Phân loại lại/ (cán trừ) VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
<b>a) Thuế GTGT được khấu trừ</b>					
Thuế GTGT được khấu trừ	55.989.337.265	613.412.184.739	-	(653.828.550.251)	15.572.971.753
<b>b) Phải thu</b>					
Thuế TNDN	-	-	-	3.372.688.870	3.372.688.870
Khác	175.309.629	684.601	-	-	175.994.230
	175.309.629	684.601	-	3.372.688.870	3.548.683.100
<b>c) Phải nộp</b>					
Thuế TNDN	-	1.702.554.392	(5.075.243.262)	3.372.688.870	-
Thuế GTGT	-	682.122.510.621	(28.293.960.370)	(653.828.550.251)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.136.736.393	6.604.332.460	(6.409.410.143)	-	1.331.658.710
Khác	-	3.701.959.572	(3.701.959.572)	-	-
	1.136.736.393	694.131.357.045	(43.480.573.347)	(650.455.861.381)	1.331.658.710

**16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải trả người lao động chủ yếu bao gồm lương và các khoản thưởng cho người lao động.

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Lãi vay	1.464.949.372	966.353.267
Khác	-	1.518.246.892
	<u>1.464.949.372</u>	<u>2.484.600.159</u>

**18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Phải trả tiền nhận từ hỗ trợ vốn lưu động	80.863.594.676	98.706.552.586
Khác	29.574.543.009	13.859.051.388
	<u>110.438.137.685</u>	<u>112.565.603.974</u>
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	82.265.860.671	107.683.601.106
Bên thứ ba	28.172.277.014	4.882.002.868
	<u>110.438.137.685</u>	<u>112.565.603.974</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

<b>19</b>	<b>VAY</b>							
<b>(a)</b>	<b>Ngắn hạn</b>		Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2023 VND	
	Vay từ các ngân hàng (i)		1.529.960.036.453	6.969.555.407.564	(6.578.242.855.333)	-	1.921.272.588.684	
	Vay dài hạn tới hạn trả (ii)		65.221.697.808	-	(65.221.697.808)	65.221.697.808	65.221.697.808	
			<u>1.595.181.734.261</u>	<u>6.969.555.407.564</u>	<u>(6.643.464.553.141)</u>	<u>65.221.697.808</u>	<u>1.986.494.286.492</u>	
<b>(b)</b>	<b>Dài hạn</b>		Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2023 VND	
	Vay từ ngân hàng (ii)		76.091.980.774	-	-	(65.221.697.808)	10.870.282.966	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

19	VAY (tiếp theo)	Đơn vị tiền tệ	Tài sản đảm bảo	Ngày đáo hạn	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
(a)	Ngắn hạn (tiếp theo)					
(i)	Chi tiết của khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:					
	<b>Bên cho vay</b>					
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Tín chấp	15 tháng 12 năm 2024	793.038.382.176	456.839.266.133
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Tín chấp	16 tháng 3 năm 2024	599.388.021.716	397.192.840.000
	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	VND	Tín chấp	22 tháng 2 năm 2024	184.934.013.000	-
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tín chấp	31 tháng 5 năm 2024	149.969.820.000	101.626.892.662
	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	VND	Tín chấp	22 tháng 8 năm 2024	143.677.169.792	199.996.062.200
	Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	Tín chấp	16 tháng 8 năm 2024	50.265.182.000	-
			Bảo lãnh từ: Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	1 tháng 8 năm 2024	-	177.980.385.000
	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND				
	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	VND	Tín chấp	15 tháng 12 năm 2024	-	120.335.094.458
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	Tín chấp	20 tháng 7 năm 2023	-	75.989.496.000
					<u>1.921.272.588.684</u>	<u>1.529.960.036.453</u>

Các khoản vay ngân hàng được huy động cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất của các khoản vay được xác định tại thời điểm giải ngân.

(ii) Đây là khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, có hạn mức tín dụng là 217,8 tỷ Đồng và chịu lãi suất cố định là 7,8%. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn. Khoản vay này có thời hạn đến ngày 2 tháng 2 năm 2025 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 13), quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất các khoản phải thu và quyền phát sinh có được theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn.

**20 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LÃI**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chi phí lãi vay không được trừ khi tính thuế TNDN do vượt quá 30% EBITDA.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Phần chi phí lãi vay không được trừ này có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản chi phí lãi vay ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng Công ty như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số phát sinh	Số đã được sử dụng	Số còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
		VND	VND	VND
2023	Chưa thanh tra thuế	17.034.738.725	-	17.034.738.725

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	2023 VND	2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	3.406.947.745	-

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3.406.947.745	-
Số dư cuối năm	3.406.947.745	-

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại là 20%.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**21 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	8.068.513.666	11.009.295.745
Tăng trong năm (Thuyết minh 23)	2.616.312.630	6.918.324.627
Sử dụng quỹ	(8.150.086.020)	(9.859.106.706)
Số dư cuối năm	<u>2.534.740.276</u>	<u>8.068.513.666</u>

**22 VỐN CỔ PHẦN**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2023</b>		<b>2022</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	107.334.831	-	90.450.124	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(612.700)	-	(612.700)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>106.722.131</u>	<u>-</u>	<u>89.837.424</u>	<u>-</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>2023</b>		<b>2022</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Tập đoàn dầu khí Việt Nam ("PVN")	24.916.934	23,2%	20.973.851	23,2%
Cổ đông khác	81.805.197	76,2%	68.863.573	76,1%
Cổ phiếu quỹ	612.700	0,6%	612.700	0,7%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>107.334.831</u>	<u>100%</u>	<u>90.450.124</u>	<u>100%</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	90.450.124	904.501.240.000	<b>904.501.240.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	90.450.124	904.501.240.000	<b>904.501.240.000</b>
Cổ phiếu mới phát hành	16.884.707	168.847.070.000	<b>168.847.070.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>107.334.831</u>	<u>1.073.348.310.000</u>	<b>1.073.348.310.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	904.501.240.000	172.734.720.800	(5.427.873.108)	259.111.461.673	146.371.871.507	1.477.291.420.872
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	43.605.210.492	43.605.210.492
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.918.324.627)	(6.918.324.627)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	904.501.240.000	172.734.720.800	(5.427.873.108)	259.111.461.673	183.058.757.372	1.513.978.306.737
Vốn tăng trong năm (*)	168.847.070.000	-	-	-	(168.847.070.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	32.977.095.105	32.977.095.105
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(2.616.312.630)	(2.616.312.630)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.073.348.310.000	172.734.720.800	(5.427.873.108)	259.111.461.673	44.572.469.847	1.544.339.089.212

(\*) Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 61/NQ-DVTHDK ngày 1 tháng 12 năm 2022 và số 38/NQ-DVTHDK ngày 3 tháng 7 năm 2023 cũng như báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức số 21/DVTHDK-TCKT ngày 1 tháng 2 năm 2023 và số 236/DVTHDK-TCKT ngày 16 tháng 8 năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành 16.884.707 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 là 2.616.312.630 Đồng (Thuyết minh 21).

**24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****(a) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ lần lượt là 2.878 Đô la Mỹ và 4.637 Đô la Mỹ.

**(b) Các cam kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, các cam kết của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 34.

**25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	7.072.663.583.068	7.083.012.840.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	125.230.340.187	127.056.046.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhân sự cho các bên liên quan	31.012.686.887	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các bên liên quan	-	48.830.000.000
Doanh thu bán bất động sản	-	4.449.090.909
	<u>7.228.906.610.142</u>	<u>7.263.347.978.270</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(403.888.416.874)	(266.033.453.918)
Hàng bán bị trả lại	(875.871.526)	(868.130.844)
	<u>(404.764.288.400)</u>	<u>(266.901.584.762)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	6.667.899.294.668	6.816.111.256.166
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ cho thuê	125.230.340.187	127.056.046.433
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ nhân sự cho các bên liên quan (Thuyết minh 33(a))	31.012.686.887	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ quản lý cho các bên liên quan Thuyết minh 33(a))	-	48.830.000.000
Doanh thu thuần bán bất động sản	-	4.449.090.909
	<u>6.824.142.321.742</u>	<u>6.996.446.393.508</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.643.683.971.867	6.667.995.246.474
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đã cung cấp	72.170.573.315	79.724.611.050
Giá vốn của dịch vụ quản lý dự án Nghi Sơn của bên liên quan (Thuyết minh 33(a))	15.528.960.000	15.528.960.000
Giá vốn dịch vụ cung cấp nhân sự	28.184.534.487	-
Giá vốn của bất động sản đầu tư đã bán (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.593.832.048
	(12.436.582.394)	12.436.582.394
	<u>6.747.131.457.275</u>	<u>6.778.279.231.966</u>

**27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	73.417.592.376	51.719.971.166
Cổ tức được chia (Thuyết minh 33(a))	64.750.920.000	62.238.544.000
Thu nhập từ hỗ trợ vốn lưu động (Thuyết minh 33(a))	1.345.665.473	6.917.757.887
Chiết khấu thanh toán	4.545.550.965	-
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	3.093.223.808	25.853.328.278
	<u>147.152.952.622</u>	<u>146.729.601.331</u>

**28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	103.011.698.899	76.790.295.280
Chi phí sử dụng UPAS L/C	6.736.877.852	6.620.280.919
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.975.629.178	7.345.790.544
Lỗ từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.895.002.455	178.582.359.381
Khác	185.161.644	486.519.147
	<u>116.804.370.028</u>	<u>269.825.245.271</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**29 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	233.135.156	2.365.878.167
Chi phí khác	3.232.256.755	2.085.206.795
	<u>3.465.391.911</u>	<u>4.451.084.962</u>

**30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	24.963.931.795	17.036.223.221
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	24.367.051.769	(17.633.190.313)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.448.879.240	13.797.568.239
Chi phí thuê văn phòng	3.680.293.555	3.569.922.000
Chi phí khấu hao	1.700.838.169	2.165.244.164
Khác	6.380.676.267	13.136.427.849
	<u>71.541.670.795</u>	<u>32.072.195.160</u>

**31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.272.701.752	44.808.347.951
Thuế tính ở thuế suất 20%	6.254.540.350	8.961.669.590
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(12.950.184.000)	(12.447.708.800)
Chi phí không được khấu trừ	4.991.250.297	4.320.853.813
Dự phòng thiếu của năm trước	-	368.322.856
Thuế TNDN (*)	<u>(1.704.393.353)</u>	<u>1.203.137.459</u>
Thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.702.554.392	1.203.137.459
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 20)	(3.406.947.745)	-
Thuế TNDN	<u>(1.704.393.353)</u>	<u>1.203.137.459</u>



**31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)**

(\*) Thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**32 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí khấu hao	41.793.186.613	42.515.427.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.560.199.118	25.113.215.187
Chi phí nhân viên	25.197.066.951	19.402.101.388
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	24.367.051.769	(17.633.190.313)
Chi phí quản lý Dự án Nghi Sơn (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	23.766.192.399	28.918.485.822
giảm giá hàng tồn kho	(12.436.582.394)	12.436.582.394
Khác	37.207.433.658	21.024.228.831
	<u>178.454.548.114</u>	<u>131.776.851.172</u>

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 23,2% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên thuộc PVN, các công ty con, và công ty liên kết của Tổng Công ty được xem là các bên liên quan của Tổng Công ty.

Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như trong Thuyết minh 1.

Chi tiết các bên liên quan chính và mối quan hệ có phát sinh giao dịch và số dư với Tổng Công ty trong năm như sau:

<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”)	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hội Tụ Thông Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Xanh PEDACO	Công ty liên kết
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên thuộc PVN
Công ty TNHH Lọc Hoá Dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên thuộc PVN

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>(i) Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty con	6.242.980.059.958	6.885.563.112.764
Các công ty thành viên thuộc PVN	117.080.381.578	87.048.910.133
	<u>6.360.060.441.536</u>	<u>6.972.612.022.897</u>
<b>(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
PVN	16.506.851.480	17.321.276.012
Các công ty con	5.256.004.851	78.032.819.875
Các công ty thành viên thuộc PVN	437.609.467	394.929.906
	<u>22.200.465.798</u>	<u>197.354.025.693</u>
<b>(iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.175.753.157	4.377.612.848
	<u>5.175.753.157</u>	<u>4.377.612.848</u>
<b>Trong đó:</b>		
Phùng Tuấn Hà - Chủ tịch HĐQT	1.051.500.000	1.046.500.000
Vũ Tiến Dương - Tổng Giám đốc	925.500.000	915.166.667
Hồ Minh Việt - Phó Tổng Giám đốc	672.500.000	667.500.000
Phạm Thị Hồng Điệp - Phó Tổng Giám đốc	717.232.955	729.500.000
Nguyễn Đức Minh - Phó Tổng Giám đốc	316.272.727	-
Hồ Hoàng Nguyên Vũ - Phó Tổng Giám đốc	211.000.000	-
Huỳnh Văn Ngân - Phó Tổng Giám đốc	31.500.000	26.500.000
Trịnh Thanh Cần - Thành viên HĐQT	88.000.000	48.000.000
Nguyễn Quý Thịnh - Thành viên HĐQT	88.000.000	48.000.000
Trần Quang Huy - Kế toán trưởng	1.074.247.475	896.446.181
	<u>6.875.032.657</u>	<u>6.370.022.728</u>
<b>(iv) Dịch vụ quản lý</b>		
Doanh thu phát sinh từ các công ty con (Thuyết minh 25)	-	48.830.000.000
Chi phí phát sinh từ công ty con (Thuyết minh 26)	15.528.960.000	15.528.960.000
	<u>15.528.960.000</u>	<u>15.528.960.000</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>(v) Hỗ trợ vốn (*)</b>		
Tiền thu hỗ trợ vốn lưu động từ các công ty con	4.450.128.081.051	5.181.159.597.827
Tiền chi hỗ trợ vốn lưu động cho các công ty con	<u>4.381.000.000.000</u>	<u>5.065.233.451.397</u>

(\*) Đây là tiền hỗ trợ vốn lưu động cho các công ty con nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm và có lãi suất từ 3,5%/năm đến 7,5%/năm.

**(vi) Hoạt động tài chính**

**Cho vay**

Công ty con	<u>250.000.000.000</u>	<u>-</u>
-------------	------------------------	----------

**Thu hồi nợ gốc cho vay**

Công ty con	<u>100.000.000.000</u>	<u>-</u>
-------------	------------------------	----------

**Lãi cho vay**

Các công ty con	<u>10.813.561.644</u>	<u>-</u>
-----------------	-----------------------	----------

**Thu nhập từ hỗ trợ vốn lưu động (Thuyết minh 27)**

Các công ty con	<u>1.345.665.473</u>	<u>6.917.757.887</u>
-----------------	----------------------	----------------------

**Thu nhập từ cổ tức (Thuyết minh 27)**

Các công ty con	<u>64.750.920.000</u>	<u>62.238.544.000</u>
-----------------	-----------------------	-----------------------

**(vii) Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ**

Các công ty con	<u>-</u>	<u>3.092.727.273</u>
-----------------	----------	----------------------

**(viii) Chi hộ**

Các công ty con	<u>920.469.550</u>	<u>-</u>
-----------------	--------------------	----------

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
<b>(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Các công ty con	1.042.783.852.184	750.138.832.694
Các công ty thành viên thuộc PVN	23.956.855.278	18.396.777.838
Các công ty liên kết	-	458.000.000
	<u>1.066.740.707.462</u>	<u>768.993.610.532</u>
<b>(ii) Phải thu từ cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</b>		
Công ty con	150.000.000.000	-
	<u>150.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>(iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))</b>		
Các công ty con	366.668.430.260	314.894.304.796
Các công ty thành viên thuộc PVN	4.414.358	-
	<u>366.672.844.618</u>	<u>314.894.304.796</u>
<b>(iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)</b>		
PVN	37.119.167.792	152.446.782.204
Các công ty con	2.049.170.824	3.324.193.880
Các công ty thành viên thuộc PVN	220.000.000	-
	<u>39.388.338.616</u>	<u>155.770.976.084</u>
<b>(v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)</b>		
Các công ty con	80.863.594.676	98.706.552.586
PVN	-	8.977.048.520
Công ty thành viên thuộc PVN	1.402.265.995	-
	<u>82.265.860.671</u>	<u>107.683.601.106</u>

**34 CÁC CAM KẾT****(a) Cam kết thuê hoạt động***(i) Tổng Công ty là bên đi thuê*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang gồm: thuê đất, thuê kho và thuê văn phòng trong tương lai như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Dưới 1 năm	16.027.040.727	965.655.872
Từ 1 đến 5 năm	16.725.622.915	3.862.623.487
Trên 5 năm	49.600.085.841	49.368.887.609
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>82.352.749.483</u>	<u>54.197.166.968</u>

*(ii) Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tổng Công ty đã ký hợp đồng cho thuê hoạt động Dự án Nghi Sơn và cho thuê văn phòng, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Dưới 1 năm	140.259.907.768	130.759.756.179
Từ 1 đến 5 năm	200.721.264.255	293.893.896.001
Trên 5 năm	-	12.940.800.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>340.981.172.023</u>	<u>437.594.452.180</u>

**34 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)****(b) Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, tình hình cam kết góp vốn điều lệ của Tổng Công ty vào các công ty như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty %	Số vốn đã góp VND	Số vốn còn phải góp VND
Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (*)	229.500.000.000	51	10.733.401.247	218.766.598.753
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn ("ITS") (**)	20.000.000.000	40	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay (***)	111.200.000.000	20	16.000.000.000	95.200.000.000
	<u>360.700.000.000</u>		<u>26.733.401.247</u>	<u>333.966.598.753</u>

(\*) Tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã chấp thuận việc tham gia góp vốn vào PSSSG với tổng vốn góp là 229,5 tỷ Đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã góp 10,7 tỷ Đồng.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 16/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đồng ý chủ trương đầu tư góp vốn thành lập ITS, trong đó Tổng Công ty góp 40% vốn điều lệ tương đương 20 tỷ Đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các cổ đông của ITS vẫn chưa góp vốn vào ITS.

(\*\*\*) Theo Nghị quyết số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã góp 16 tỷ Đồng.

**(c) Cam kết bảo lãnh tín dụng**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay ngân hàng của các công ty con với tổng hạn mức bảo lãnh là 4.745 tỷ Đồng và 10 triệu USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.055 tỷ Đồng và 10 triệu USD); và có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản phải trả người bán của các công ty con với tổng giá trị là 235 tỷ Đồng và 8,2 triệu Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 235 tỷ Đồng và 8,2 triệu Đô la Mỹ). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho nhà cung cấp và ngân hàng trong trường hợp các công ty con không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán trễ.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

### 35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không có bất kỳ hoạt động kinh doanh ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Tổng Công ty không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Dịch vụ cho thuê VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	570.835.455.412	3.475.856.433.650	4.046.691.889.062
Nợ phải trả bộ phận	-	2.502.352.799.850	2.502.352.799.850
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Dịch vụ cho thuê VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	593.348.354.875	3.636.462.418.032	4.229.810.772.907
Nợ phải trả bộ phận	-	2.715.832.466.170	2.715.832.466.170

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**35 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)*

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023			Tổng cộng VND
	Dịch vụ cho thuê VND	Dịch vụ khác VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.230.340.187	31.012.686.887	6.667.899.294.668	6.824.142.321.742
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(87.699.533.315)	(28.184.534.487)	(6.631.247.389.473)	(6.747.131.457.275)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.530.806.872	2.828.152.400	36.651.905.195	77.010.864.467
Doanh thu hoạt động tài chính				147.152.952.622
Chi phí tài chính				(116.804.370.028)
Chi phí bán hàng				(3.465.391.911)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(71.541.670.795)
Thu nhập khác				490.259.965
Chi phí khác				(1.569.942.568)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				31.272.701.752



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**35 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

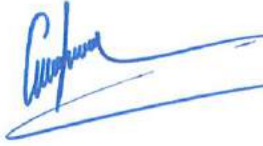
*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)*

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022			Tổng cộng VND
	Dịch vụ cho thuê VND	Dịch vụ khác VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.056.046.433	48.830.000.000	6.820.560.347.075	6.996.446.393.508
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(95.253.571.050)	-	(6.683.025.660.916)	(6.778.279.231.966)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.802.475.383	48.830.000.000	137.534.686.159	218.167.161.542
Doanh thu hoạt động tài chính				146.729.601.331
Chi phí tài chính				(269.825.245.271)
Chi phí bán hàng				(4.451.084.962)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(32.072.195.160)
Thu nhập khác				1.733.757.642
Chi phí khác				(15.473.647.171)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				44.808.347.951

Báo cáo tài chính riêng đã được Chủ tịch HĐQT phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10

## TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 0300452060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, ngày 29 tháng 9 năm 2006, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 4 tháng 10 năm 2023.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phùng Tuấn Hà Ông Vũ Tiến Dương Ông Nguyễn Đức Minh  Bà Phạm Thị Hồng Điệp  Ông Nguyễn Quý Thịnh Ông Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2023) Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023) Thành viên độc lập Thành viên độc lập
<b>Ban Kiểm toán nội bộ</b>	Ông Nguyễn Đăng Khoa  Ông Lê Minh Kha Ông Nguyễn Minh Tân Bà Trần Thị Phương Trinh	Trưởng ban (đến ngày 30 tháng 1 năm 2024) Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 7 tháng 1 năm 2023)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Vũ Tiến Dương Ông Hồ Minh Việt Bà Phạm Thị Hồng Điệp Ông Huỳnh Văn Ngân Ông Hồ Hoàng Nguyên Vũ  Ông Nguyễn Đức Minh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 4 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22 tháng 5 năm 2023)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Trụ sở chính</b>	Lầu 6, Tòa nhà Petro Việt Nam, Số 1-5 Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“Chủ tịch HĐQT”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Chủ tịch HĐQT cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 55. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

12/03/2024

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Tổng Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“Chủ tịch HĐQT”) của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT**

Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM15327  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024



Cheng Kiến Hùng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5038-2024-006-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.776.484.287.738</b>	<b>2.914.530.591.014</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>705.125.992.769</b>	<b>693.594.309.722</b>
111	Tiền		604.490.245.769	211.594.309.722
112	Các khoản tương đương tiền		100.635.747.000	482.000.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>533.500.000.000</b>	<b>578.882.039.342</b>
121	Chứng khoán kinh doanh		-	3.324.731.517
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(689.267.517)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	533.500.000.000	576.246.575.342
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.493.121.625.983</b>	<b>1.027.760.915.701</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.076.275.047.448	779.145.697.468
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.196.995.995	1.319.702.415
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	150.000.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	380.525.708.786	339.804.590.295
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(116.876.126.246)	(92.509.074.477)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>17.708.465.556</b>	<b>554.328.332.177</b>
141	Hàng tồn kho		17.708.465.556	566.764.914.571
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(12.436.582.394)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>27.028.203.430</b>	<b>59.964.994.072</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	7.906.548.577	3.800.347.178
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(a)	15.572.971.753	55.989.337.265
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(b)	3.548.683.100	175.309.629

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.270.207.601.324</b>	<b>1.315.280.181.893</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>23.655.000.000</b>	<b>25.655.000.000</b>
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	23.655.000.000	25.655.000.000
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>109.614.886.994</b>	<b>109.931.717.731</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	11.277.577.613	11.594.408.350
222	Nguyên giá		75.386.481.746	73.670.945.382
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(64.108.904.133)	(62.076.537.032)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	98.337.309.381	98.337.309.381
228	Nguyên giá		99.415.932.281	99.415.932.281
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.078.622.900)	(1.078.622.900)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>553.587.535.363</b>	<b>593.348.354.875</b>
231	Nguyên giá		852.074.158.578	852.074.158.578
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(298.486.623.215)	(258.725.803.703)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>806.632.906</b>	<b>806.632.906</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		806.632.906	806.632.906
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>468.798.947.594</b>	<b>473.774.576.772</b>
251	Đầu tư vào công ty con	4(b)	400.311.972.126	400.311.972.126
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	108.202.457.249	108.202.457.249
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	2.000.000.000	2.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(41.715.481.781)	(36.739.852.603)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>113.744.598.467</b>	<b>111.763.899.609</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	110.337.650.722	111.763.899.609
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20	3.406.947.745	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>4.046.691.889.062</b>	<b>4.229.810.772.907</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.502.352.799.850</b>	<b>2.715.832.466.170</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.490.745.897.093</b>	<b>2.637.905.093.512</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	383.566.957.018	912.867.013.051
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		116.748.426	557.604.957
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(c)	1.331.658.710	1.136.736.393
314	Phải trả người lao động	16	4.798.419.114	356.810.227
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.464.949.372	2.484.600.159
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	4.686.476.824
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	110.438.137.685	112.565.603.974
320	Vay ngắn hạn	19(a)	1.986.494.286.492	1.595.181.734.261
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	2.534.740.276	8.068.513.666
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>11.606.902.757</b>	<b>77.927.372.658</b>
337	Phải trả dài hạn khác		736.619.791	1.835.391.884
338	Vay dài hạn	19(b)	10.870.282.966	76.091.980.774
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.544.339.089.212</b>	<b>1.513.978.306.737</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.544.339.089.212</b>	<b>1.513.978.306.737</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	1.073.348.310.000	904.501.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.073.348.310.000	904.501.240.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	23	172.734.720.800	172.734.720.800
415	Cổ phiếu quỹ	23	(5.427.873.108)	(5.427.873.108)
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	259.111.461.673	259.111.461.673
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	44.572.469.847	183.058.757.372
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		11.595.374.742	139.453.546.880
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		32.977.095.105	43.605.210.492
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.046.691.889.062</b>	<b>4.229.810.772.907</b>



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.228.906.610.142	7.263.347.978.270
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(404.764.288.400)	(266.901.584.762)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25 6.824.142.321.742	6.996.446.393.508
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	26 (6.747.131.457.275)	(6.778.279.231.966)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.010.864.467	218.167.161.542
21	Doanh thu hoạt động tài chính	27 147.152.952.622	146.729.601.331
22	Chi phí tài chính	28 (116.804.370.028)	(269.825.245.271)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	28 (109.748.576.751)	(83.410.576.199)
25	Chi phí bán hàng	29 (3.465.391.911)	(4.451.084.962)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30 (71.541.670.795)	(32.072.195.160)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.352.384.355	58.548.237.480
31	Thu nhập khác	490.259.965	1.733.757.642
32	Chi phí khác	(1.569.942.568)	(15.473.647.171)
40	Lỗ khác	(1.079.682.603)	(13.739.889.529)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.272.701.752	44.808.347.951
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	31 (1.702.554.392)	(1.203.137.459)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31 3.406.947.745	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	32.977.095.105	43.605.210.492



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>31.272.701.752</b>	<b>44.808.347.951</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	41.793.186.613	42.515.427.863
03	Các khoản dự phòng	16.216.831.036	1.091.476.871
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(139.514.177.849)	(122.610.830.598)
06	Chi phí lãi vay	109.748.576.751	83.410.576.199
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>59.517.118.303</b>	<b>49.214.998.286</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(269.577.039.411)	342.902.113.878
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	549.056.449.015	(75.244.280.924)
11	Giảm các khoản phải trả	(531.147.481.788)	(2.909.205.861)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(2.679.952.512)	357.661.013
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	3.324.731.517	167.346.304.466
14	Tiền lãi vay đã trả	(109.249.980.646)	(84.376.929.466)
15	Thuế TNDN đã nộp	(5.075.243.262)	(11.399.285.136)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(8.150.086.020)	(9.859.106.706)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(313.981.484.804)</b>	<b>376.032.269.550</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(1.715.536.364)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	3.092.727.273
23	Tiền chi cho vay và gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	(1.886.476.000.000)	(734.466.972.389)
24	Tiền thu từ cho vay và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	1.779.222.575.342	301.220.397.047
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(77.842.500.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay và cổ tức	108.406.447.250	197.572.261.329
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(562.513.772)</b>	<b>(310.424.086.740)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu đi vay	6.969.555.407.564	7.137.551.892.820
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.643.464.553.141)	(7.740.996.296.696)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(15.172.800)	-
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>326.075.681.623</b>	<b>(603.444.403.876)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>11.531.683.047</b>	<b>(537.836.221.066)</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>693.594.309.722</b>	<b>1.231.430.530.788</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>705.125.992.769</b>	<b>693.594.309.722</b>

Giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm là cán trừ phải thu từ cổ tức được nhận với nợ phải trả với số tiền là 27.032.040.000 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 Đồng).



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300452060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 22 ngày 4 tháng 10 năm 2023 về việc cập nhật số vốn điều lệ sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn” hay “PVN”).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là “PET”, theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13 tháng 8 năm 2007.

Cổ đông của Tổng Công ty là các công ty, các cá nhân đang hoạt động kinh doanh và làm việc tại Việt Nam. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 22.

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ và thương mại hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và quản lý;
- Mua bán trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng;
- Phát triển, kinh doanh và quản lý bất động sản;
- Mua bán thiết bị viễn thông; và
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp
- Cung cấp nhân lực và các dịch vụ hỗ trợ dự án.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 49 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 50 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 3 công ty con sở hữu gián tiếp, 3 công ty liên kết trực tiếp, 2 công ty liên kết gián tiếp, và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 3 công ty con sở hữu gián tiếp, 3 công ty liên kết trực tiếp, 2 công ty liên kết gián tiếp, và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc).

Chi tiết của công ty con sở hữu trực tiếp và công ty liên kết trực tiếp được trình bày ở Thuyết minh 4 - Đầu tư tài chính. Chi tiết của công ty con sở hữu gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp và đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc được trình bày ở trang tiếp theo.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
			Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b>Công ty con sở hữu gián tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh ("Bình Minh")	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng	Thành phố Hồ Chí Minh	71,16	92,5	73,97	92,5
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang ("Nha Trang PST")	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Tỉnh Khánh Hòa	99,79	100	99,79	100
Công ty TNHH Một thành viên An Lạc Nhơn Trạch ("An Lạc Nhơn Trạch")	Dịch vụ đóng gói các sản phẩm từ giấy	Tỉnh Đồng Nai	79,97	100	79,97	100
<b>Công ty liên kết gián tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom ("Vietecom") (*)	Kinh doanh thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ, giao nhận hàng hóa	Thành phố Hà Nội	16	20	16	20
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Năng lượng Petro ("Petro")	Sản xuất điện	Thành phố Hồ Chí Minh	27	45	27	45
<b>Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc</b>						
Chi nhánh Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí ("PIMD")	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tổng Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng hóa được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**2.8 Các khoản đầu tư****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

**(c) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(d) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**(e) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(f) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**2.9 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày tới hạn thu hồi.

**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	5% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 17%
Thiết bị quản lý	20% - 33%
Quyền sử dụng đất	2% - 3%
Phần mềm máy tính	33%

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình lắp đặt xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.11 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.12 Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

*Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của bất động sản đó. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3% - 33%
------------------------	----------

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**2.13 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; ... trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; ... có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

**2.14 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.15 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**2.16 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.18 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ chủ yếu bao gồm tiền lãi nhận trước từ tiền gửi ngân hàng. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.19 Vốn chủ sở hữu****(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

**(b) Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**(c) Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Tổng Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

**(d) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh riêng lãi sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.20 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Tổng Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

**(d) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(e) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.22 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán riêng, nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

**2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.24 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và chiết khấu thanh toán.

**2.25 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

**2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.30 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Chủ tịch HĐQT phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Chủ tịch HĐQT đánh giá là hợp lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	354.691.212	304.001.359
Tiền gửi ngân hàng	604.135.554.557	211.290.308.363
Các khoản tương đương tiền (*)	100.635.747.000	482.000.000.000
	<u>705.125.992.769</u>	<u>693.594.309.722</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm đến 7,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 4,6%/năm đến 6,0%/năm).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	533.500.000.000	533.500.000.000	576.246.575.342	576.246.575.342

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị của khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên ba tháng nhưng kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 1%/năm đến 8,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 2,5%/năm đến 11%/năm).

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	2023			2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (i)	400.311.972.126	372.995.750.852	(27.316.221.274)	400.311.972.126	374.520.955.636	(25.791.016.490)
Đầu tư vào công ty liên kết (ii)	108.202.457.249	95.803.196.742	(12.399.260.507)	108.202.457.249	99.253.621.136	(8.948.836.113)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (iii)	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)
	510.514.429.375	468.798.947.594	(41.715.481.781)	510.514.429.375	473.774.576.772	(36.739.852.603)



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

**(i) Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết của các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	Ngành nghề	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022		Dự phòng VND	Dự phòng VND
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD") (i)	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông	Thành phố Hồ Chí Minh	78,93	76,93	113.600.000.000	596.470.220.000	-	539.091.072.000
2	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung ("PSMT")	Thương mại, dịch vụ	Tỉnh Quảng Ngãi	99,79	99,79	74.742.000.000	(*)	-	(*)
3	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí ("PSA")	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà	Thành phố Hà Nội	71,46	71,46	58.962.908.969	(*)	-	(*)
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu ("PSV")	Cung cấp dịch vụ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	70	70	64.341.999.232	(*)	-	(*)
5	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển ("POTS")	Thương mại, dịch vụ	Thành phố Hồ Chí Minh	60	60	31.681.662.678	(*)	-	(*)
6	Công ty Cổ phần Hồ lu Thông minh ("Smartcom")	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm	Thành phố Hồ Chí Minh	55	55	16.500.000.000	(*)	(16.500.000.000)	(*)
7	Công ty TNHH Petroselco - SSG ("PSSSG") (ii)	Kinh doanh bất động sản	Thành phố Hồ Chí Minh	21,46	51	10.733.401.247	(*)	(1.524.878.789)	(*)
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí ("PSR")	Bán lẻ điện thoại	Thành phố Hồ Chí Minh	72,75	75	7.650.000.000	(*)	(7.650.000.000)	(*)
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam ("PSL") (ii)	Bán lẻ điện thoại	Thành phố Hồ Chí Minh	44	66,67	6.600.000.000	(*)	-	(*)
10	Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	Hỗ trợ vận tải, phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi	Thành phố Hồ Chí Minh	51	51	5.100.000.000	(*)	-	(*)
11	Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG") (iv)	Ngưng hoạt động hàng giải thả	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	10.400.000.000	(*)	(1.641.016.490)	(*)
						400.311.972.126	(27.316.221.274)		(25.791.016.490)

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

### 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### (b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

##### (i) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào PSD được xác định dựa vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG là 21,46%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSSSG thông qua 51% đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSSSG. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSSSG và PSSSG được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSL là 44%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSL thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSL. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSL và PSL được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty.
- (iv) Hiện tại, PSG đang trong quá trình quyết toán với cơ quan thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, PSG không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh nào.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**4 ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết của khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Ngành nghề	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Quyền sở hữu và biểu quyết %	31.12.2023		31.12.2022	
				Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Môi trường xanh Pedaco	Xử lý nước thải	Tỉnh Bình Thuận	48.5	77.842.500.000	(*)	77.842.500.000	(*)
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Dịch vụ cho thuê văn phòng	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	24	14.359.957.249	(*)	14.359.957.249	(*)
Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vinh Hòa Emerald Bay (**)	Dịch vụ nghỉ dưỡng	Tỉnh Phú Yên	20	16.000.000.000	(*)	16.000.000.000	(*)
				<u>108.202.457.249</u>		<u>108.202.457.249</u>	
						<u>Dự phòng VND</u>	<u>Dự phòng VND</u>
						(10.796.214.938)	(7.345.790.544)
						(1.603.045.569)	(1.603.045.569)
						<u>12.399.260.507</u>	<u>(8.948.836.113)</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vinh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ và đã góp 16 tỷ Đồng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

- 4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
- (b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**
- (iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chi tiết của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

Tên công ty	31.12.2023				31.12.2022			
	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	20%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	20%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	9.534.339.986	10.152.086.936
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	1.066.740.707.462	768.993.610.532
	<u>1.076.275.047.448</u>	<u>779.145.697.468</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán đã được xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như được trình bày tại Thuyết minh 9.

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	<u>3.196.995.995</u>	<u>1.319.702.415</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có người bán bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn.

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>Tại ngày</b> <b>1.1.2023</b> <b>VND</b>	<b>Tăng</b> <b>VND</b>	<b>Giảm</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>31.12.2023</b> <b>VND</b>
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b)) (*)	-	250.000.000.000	(100.000.000.000)	150.000.000.000
	<u>-</u>	<u>250.000.000.000</u>	<u>(100.000.000.000)</u>	<u>150.000.000.000</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư bao gồm khoản cho vay tín chấp với một bên liên quan (Thuyết minh 33(b)). Khoản cho vay này có lãi suất là 6,2%/năm.

**8 PHẢI THU KHÁC****(a) Ngắn hạn**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tiền hỗ trợ vốn (Thuyết minh 33(b))	313.633.786.821	(104.356.508.347)	270.475.200.796	(89.078.093.929)
Cổ tức phải thu (Thuyết minh 33(b))	50.498.880.000	-	44.419.104.000	-
Khác	16.393.041.965	-	24.910.285.499	(290.637.834)
	<u>380.525.708.786</u>	<u>(104.356.508.347)</u>	<u>339.804.590.295</u>	<u>(89.368.731.763)</u>
Trong đó				
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	366.672.844.618	(104.356.508.347)	314.894.304.796	(89.078.093.929)
Bên thứ ba	13.852.864.168	-	24.910.285.499	(290.637.834)
	<u>380.525.708.786</u>	<u>(104.356.508.347)</u>	<u>339.804.590.295</u>	<u>(89.368.731.763)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu khác ngắn hạn đã quá hạn thanh toán đã được xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như được trình bày tại Thuyết minh 9.

**(b) Dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu khác dài hạn chủ yếu bao gồm tiền đặt cọc, ký quỹ dài hạn.

## 9 NỢ KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán đã được xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như được trình bày như sau:

	2023			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Một công ty con liên quan đến hỗ trợ vốn lưu động	291.588.887.952	187.232.379.605	104.356.508.347	Trên 3 năm
Khác	12.519.617.899	-	12.519.617.899	Trên 3 năm
	<u>304.108.505.851</u>	<u>187.232.379.605</u>	<u>116.876.126.246</u>	
	2022			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Một công ty con liên quan đến hỗ trợ vốn lưu động	262.603.299.106	173.525.205.177	89.078.093.929	Trên 3 năm
Khác	3.430.980.548	-	3.430.980.548	Trên 3 năm
	<u>266.034.279.654</u>	<u>173.525.205.177</u>	<u>92.509.074.477</u>	

10 HÀNG TỒN KHO

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	17.678.408.056	-	96.698.910.896	-
Hàng hóa	30.057.500	-	470.066.003.675	(12.436.582.394)
	<u>17.708.465.556</u>	<u>-</u>	<u>566.764.914.571</u>	<u>(12.436.582.394)</u>

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bảo lãnh thanh toán	7.891.765.244	3.747.398.633
Khác	14.783.333	52.948.545
	<u>7.906.548.577</u>	<u>3.800.347.178</u>

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Thuê hoạt động	100.715.052.422	103.535.764.754
Khác	9.622.598.300	8.228.134.855
	<u>110.337.650.722</u>	<u>111.763.899.609</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

<b>12</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>(a)</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>					
	<b>Nguyên giá</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	61.670.169.589	7.509.514.795	1.523.631.618	2.967.629.380	<b>73.670.945.382</b>
	Mua trong năm	-	-	1.535.536.364	180.000.000	<b>1.715.536.364</b>
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	61.670.169.589	7.509.514.795	3.059.167.982	3.147.629.380	<b>75.386.481.746</b>
	<b>Khấu hao lũy kế</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	51.217.014.572	7.250.010.702	641.882.378	2.967.629.380	<b>62.076.537.032</b>
	Khấu hao trong năm	1.635.507.491	28.632.720	365.226.890	3.000.000	<b>2.032.367.101</b>
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	52.852.522.063	7.278.643.422	1.007.109.268	2.970.629.380	<b>64.108.904.133</b>
	<b>Giá trị còn lại</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	10.453.155.017	259.504.093	881.749.240	-	<b>11.594.408.350</b>
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	8.817.647.526	230.871.373	2.052.058.714	177.000.000	<b>11.277.577.613</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 31,652 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29,846 tỷ Đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	98.337.309.381	1.078.622.900	<b>99.415.932.281</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	1.078.622.900	<b>1.078.622.900</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	98.337.309.381	-	<b>98.337.309.381</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.078.622.900 Đồng.

**13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	852.074.158.578
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	258.725.803.703
Khấu hao trong năm	39.760.819.512
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	298.486.623.215
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	593.348.354.875
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	553.587.535.363

Bất động sản đầu tư bao gồm Khu nhà ở thuộc Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (“Dự án Nghi Sơn”) được xây dựng để cho thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ giá trị của bất động sản đầu tư được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 19).

**13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 94.352.637.622 Đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 93.830.491.153 Đồng). Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 20.743.577.457 Đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 20.700.311.052 Đồng).

Tổng Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
<i>Công ty TNHH</i>				
<i>Apple Việt Nam</i>	342.844.453.571	342.844.453.571	755.105.026.055	755.105.026.055
<i>Khác</i>	1.334.164.831	1.334.164.831	1.991.010.912	1.991.010.912
	344.178.618.402	344.178.618.402	757.096.036.967	757.096.036.967
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	39.388.338.616	39.388.338.616	155.770.976.084	155.770.976.084
	383.566.957.018	383.566.957.018	912.867.013.051	912.867.013.051

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên và không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp/ phải thu VND	Số đã nộp VND	Phân loại lại/ (cán trừ) VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
<b>a) Thuế GTGT được khấu trừ</b>					
Thuế GTGT được khấu trừ	55.989.337.265	613.412.184.739	-	(653.828.550.251)	15.572.971.753
<b>b) Phải thu</b>					
Thuế TNDN	-	-	-	3.372.688.870	3.372.688.870
Khác	175.309.629	684.601	-	-	175.994.230
	175.309.629	684.601	-	3.372.688.870	3.548.683.100
<b>c) Phải nộp</b>					
Thuế TNDN	-	1.702.554.392	(5.075.243.262)	3.372.688.870	-
Thuế GTGT	-	682.122.510.621	(28.293.960.370)	(653.828.550.251)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.136.736.393	6.604.332.460	(6.409.410.143)	-	1.331.658.710
Khác	-	3.701.959.572	(3.701.959.572)	-	-
	1.136.736.393	694.131.357.045	(43.480.573.347)	(650.455.861.381)	1.331.658.710



**16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải trả người lao động chủ yếu bao gồm lương và các khoản thưởng cho người lao động.

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi vay	1.464.949.372	966.353.267
Khác	-	1.518.246.892
	<u>1.464.949.372</u>	<u>2.484.600.159</u>

**18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Phải trả tiền nhận từ hỗ trợ vốn lưu động	80.863.594.676	98.706.552.586
Khác	29.574.543.009	13.859.051.388
	<u>110.438.137.685</u>	<u>112.565.603.974</u>
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	82.265.860.671	107.683.601.106
Bên thứ ba	28.172.277.014	4.882.002.868
	<u>110.438.137.685</u>	<u>112.565.603.974</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**19 VAY**

**(a) Ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay từ các ngân hàng (i)	1.529.960.036.453	6.969.555.407.564	(6.578.242.855.333)	-	1.921.272.588.684
Vay dài hạn tới hạn trả (ii)	65.221.697.808	-	(65.221.697.808)	65.221.697.808	65.221.697.808
	<u>1.595.181.734.261</u>	<u>6.969.555.407.564</u>	<u>(6.643.464.553.141)</u>	<u>65.221.697.808</u>	<u>1.986.494.286.492</u>

**(b) Dài hạn**

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay từ ngân hàng (ii)	<u>76.091.980.774</u>	-	-	(65.221.697.808)	<u>10.870.282.966</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

19	VAY (tiếp theo)	Đơn vị tiền tệ	Tài sản đảm bảo	Ngày đáo hạn	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
(a)	<b>Ngắn hạn (tiếp theo)</b>					
(i)	Chi tiết của khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:					
	<b>Bên cho vay</b>					
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Tín chấp	15 tháng 12 năm 2024	793.038.382.176	456.839.266.133
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	Tín chấp	16 tháng 3 năm 2024	599.388.021.716	397.192.840.000
	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	VND	Tín chấp	22 tháng 2 năm 2024	184.934.013.000	-
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tín chấp	31 tháng 5 năm 2024	149.969.820.000	101.626.892.662
	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	VND	Tín chấp	22 tháng 8 năm 2024	143.677.169.792	199.996.062.200
	Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	Tín chấp	16 tháng 8 năm 2024	50.265.182.000	-
	Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	Bảo lãnh từ: Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	1 tháng 8 năm 2024	-	177.980.385.000
	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	VND	Tín chấp	15 tháng 12 năm 2024	-	120.335.094.458
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	Tín chấp	20 tháng 7 năm 2023	-	75.989.496.000
					<u>1.921.272.588.684</u>	<u>1.529.960.036.453</u>

Các khoản vay ngân hàng được huy động cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất của các khoản vay được xác định tại thời điểm giải ngân.

(ii) Đây là khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, có hạn mức tín dụng là 217,8 tỷ Đồng và chịu lãi suất cố định là 7,8%. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn. Khoản vay này có thời hạn đến ngày 2 tháng 2 năm 2025 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 13), quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất các khoản phải thu và quyền phát sinh có được theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn.

**20 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LÃI**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chi phí lãi vay không được trừ khi tính thuế TNDN do vượt quá 30% EBITDA.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Phần chi phí lãi vay không được trừ này có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản chi phí lãi vay ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng Công ty như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số phát sinh	Số đã được sử dụng	Số còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
		VND	VND	VND
2023	Chưa thanh tra thuế	17.034.738.725	-	17.034.738.725

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	2023 VND	2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	3.406.947.745	-

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3.406.947.745	-
Số dư cuối năm	3.406.947.745	-

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại là 20%.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**21 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	8.068.513.666	11.009.295.745
Tăng trong năm (Thuyết minh 23)	2.616.312.630	6.918.324.627
Sử dụng quỹ	(8.150.086.020)	(9.859.106.706)
Số dư cuối năm	<u>2.534.740.276</u>	<u>8.068.513.666</u>

**22 VỐN CỔ PHẦN**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2023</b>		<b>2022</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	107.334.831	-	90.450.124	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(612.700)	-	(612.700)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>106.722.131</u>	<u>-</u>	<u>89.837.424</u>	<u>-</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>2023</b>		<b>2022</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Tập đoàn dầu khí Việt Nam ("PVN")	24.916.934	23,2%	20.973.851	23,2%
Cổ đông khác	81.805.197	76,2%	68.863.573	76,1%
Cổ phiếu quỹ	612.700	0,6%	612.700	0,7%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>107.334.831</u>	<u>100%</u>	<u>90.450.124</u>	<u>100%</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	90.450.124	904.501.240.000	<b>904.501.240.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	90.450.124	904.501.240.000	<b>904.501.240.000</b>
Cổ phiếu mới phát hành	16.884.707	168.847.070.000	<b>168.847.070.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>107.334.831</u>	<u>1.073.348.310.000</u>	<b>1.073.348.310.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	904.501.240.000	172.734.720.800	(5.427.873.108)	259.111.461.673	146.371.871.507	1.477.291.420.872
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	43.605.210.492	43.605.210.492
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.918.324.627)	(6.918.324.627)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	904.501.240.000	172.734.720.800	(5.427.873.108)	259.111.461.673	183.058.757.372	1.513.978.306.737
Vốn tăng trong năm (*)	168.847.070.000	-	-	-	(168.847.070.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	32.977.095.105	32.977.095.105
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	(2.616.312.630)	(2.616.312.630)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.073.348.310.000	172.734.720.800	(5.427.873.108)	259.111.461.673	44.572.469.847	1.544.339.089.212

(\*) Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 61/NQ-DVTHDK ngày 1 tháng 12 năm 2022 và số 38/NQ-DVTHDK ngày 3 tháng 7 năm 2023 cũng như báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức số 21/DVTHDK-TCKT ngày 1 tháng 2 năm 2023 và số 236/DVTHDK-TCKT ngày 16 tháng 8 năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành 16.884.707 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022.

(\*\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 là 2.616.312.630 Đồng (Thuyết minh 21).

**24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****(a) Ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ lần lượt là 2.878 Đô la Mỹ và 4.637 Đô la Mỹ.

**(b) Các cam kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, các cam kết của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 34.

**25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	7.072.663.583.068	7.083.012.840.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	125.230.340.187	127.056.046.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhân sự cho các bên liên quan	31.012.686.887	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các bên liên quan	-	48.830.000.000
Doanh thu bán bất động sản	-	4.449.090.909
	<u>7.228.906.610.142</u>	<u>7.263.347.978.270</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(403.888.416.874)	(266.033.453.918)
Hàng bán bị trả lại	(875.871.526)	(868.130.844)
	<u>(404.764.288.400)</u>	<u>(266.901.584.762)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	6.667.899.294.668	6.816.111.256.166
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ cho thuê	125.230.340.187	127.056.046.433
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ nhân sự cho các bên liên quan (Thuyết minh 33(a))	31.012.686.887	-
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ quản lý cho các bên liên quan Thuyết minh 33(a))	-	48.830.000.000
Doanh thu thuần bán bất động sản	-	4.449.090.909
	<u>6.824.142.321.742</u>	<u>6.996.446.393.508</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.643.683.971.867	6.667.995.246.474
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đã cung cấp	72.170.573.315	79.724.611.050
Giá vốn của dịch vụ quản lý dự án Nghi Sơn của bên liên quan (Thuyết minh 33(a))	15.528.960.000	15.528.960.000
Giá vốn dịch vụ cung cấp nhân sự	28.184.534.487	-
Giá vốn của bất động sản đầu tư đã bán (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.593.832.048
	(12.436.582.394)	12.436.582.394
	<u>6.747.131.457.275</u>	<u>6.778.279.231.966</u>

**27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	73.417.592.376	51.719.971.166
Cổ tức được chia (Thuyết minh 33(a))	64.750.920.000	62.238.544.000
Thu nhập từ hỗ trợ vốn lưu động (Thuyết minh 33(a))	1.345.665.473	6.917.757.887
Chiết khấu thanh toán	4.545.550.965	-
Lãi từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	3.093.223.808	25.853.328.278
	<u>147.152.952.622</u>	<u>146.729.601.331</u>

**28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền vay	103.011.698.899	76.790.295.280
Chi phí sử dụng UPAS L/C	6.736.877.852	6.620.280.919
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.975.629.178	7.345.790.544
Lỗ từ đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.895.002.455	178.582.359.381
Khác	185.161.644	486.519.147
	<u>116.804.370.028</u>	<u>269.825.245.271</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN**

**29 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	233.135.156	2.365.878.167
Chi phí khác	3.232.256.755	2.085.206.795
	<u>3.465.391.911</u>	<u>4.451.084.962</u>

**30 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	24.963.931.795	17.036.223.221
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	24.367.051.769	(17.633.190.313)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.448.879.240	13.797.568.239
Chi phí thuê văn phòng	3.680.293.555	3.569.922.000
Chi phí khấu hao	1.700.838.169	2.165.244.164
Khác	6.380.676.267	13.136.427.849
	<u>71.541.670.795</u>	<u>32.072.195.160</u>

**31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.272.701.752	44.808.347.951
Thuế tính ở thuế suất 20%	6.254.540.350	8.961.669.590
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(12.950.184.000)	(12.447.708.800)
Chi phí không được khấu trừ	4.991.250.297	4.320.853.813
Dự phòng thiếu của năm trước	-	368.322.856
Thuế TNDN (*)	<u>(1.704.393.353)</u>	<u>1.203.137.459</u>
Thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.702.554.392	1.203.137.459
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 20)	(3.406.947.745)	-
Thuế TNDN	<u>(1.704.393.353)</u>	<u>1.203.137.459</u>

**31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) (tiếp theo)**

(\*) Thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**32 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí khấu hao	41.793.186.613	42.515.427.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.560.199.118	25.113.215.187
Chi phí nhân viên	25.197.066.951	19.402.101.388
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	24.367.051.769	(17.633.190.313)
Chi phí quản lý Dự án Nghi Sơn (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	23.766.192.399	28.918.485.822
giảm giá hàng tồn kho	(12.436.582.394)	12.436.582.394
Khác	37.207.433.658	21.024.228.831
	<u>178.454.548.114</u>	<u>131.776.851.172</u>

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 23,2% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 22).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên thuộc PVN, các công ty con, và công ty liên kết của Tổng Công ty được xem là các bên liên quan của Tổng Công ty.

Chi tiết của các công ty con và công ty liên kết như trong Thuyết minh 1.

Chi tiết các bên liên quan chính và mối quan hệ có phát sinh giao dịch và số dư với Tổng Công ty trong năm như sau:

<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”)	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ Cao Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Công ty con
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Hội Tụ Thông Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Xanh PEDACO	Công ty liên kết
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên thuộc PVN
Công ty TNHH Lọc Hoá Dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên thuộc PVN

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>(i) Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty con	6.242.980.059.958	6.885.563.112.764
Các công ty thành viên thuộc PVN	117.080.381.578	87.048.910.133
	<u>6.360.060.441.536</u>	<u>6.972.612.022.897</u>
<b>(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
PVN	16.506.851.480	17.321.276.012
Các công ty con	5.256.004.851	78.032.819.875
Các công ty thành viên thuộc PVN	437.609.467	394.929.906
	<u>22.200.465.798</u>	<u>197.354.025.793</u>
<b>(iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.175.753.157	4.377.612.848
<b>Trong đó:</b>		
Phùng Tuấn Hà - Chủ tịch HĐQT	1.051.500.000	1.046.500.000
Vũ Tiến Dương - Tổng Giám đốc	925.500.000	915.166.667
Hồ Minh Việt - Phó Tổng Giám đốc	672.500.000	667.500.000
Phạm Thị Hồng Điệp - Phó Tổng Giám đốc	717.232.955	729.500.000
Nguyễn Đức Minh - Phó Tổng Giám đốc	316.272.727	-
Hồ Hoàng Nguyên Vũ - Phó Tổng Giám đốc	211.000.000	-
Huỳnh Văn Ngân - Phó Tổng Giám đốc	31.500.000	26.500.000
Trịnh Thanh Cần - Thành viên HĐQT	88.000.000	48.000.000
Nguyễn Quý Thịnh - Thành viên HĐQT	88.000.000	48.000.000
Trần Quang Huy - Kế toán trưởng	1.074.247.475	896.446.181
	<u>10.074.247.475</u>	<u>10.074.247.475</u>
<b>(iv) Dịch vụ quản lý</b>		
Doanh thu phát sinh từ các công ty con (Thuyết minh 25)	-	48.830.000.000
Chi phí phát sinh từ công ty con (Thuyết minh 26)	15.528.960.000	15.528.960.000
	<u>15.528.960.000</u>	<u>15.528.960.000</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>(v) Hỗ trợ vốn (*)</b>		
Tiền thu hỗ trợ vốn lưu động từ các công ty con	4.450.128.081.051	5.181.159.597.827
Tiền chi hỗ trợ vốn lưu động cho các công ty con	<u>4.381.000.000.000</u>	<u>5.065.233.451.397</u>

(\*) Đây là tiền hỗ trợ vốn lưu động cho các công ty con nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm và có lãi suất từ 3,5%/năm đến 7,5%/năm.

**(vi) Hoạt động tài chính**

**Cho vay**

Công ty con	<u>250.000.000.000</u>	<u>-</u>
-------------	------------------------	----------

**Thu hồi nợ gốc cho vay**

Công ty con	<u>100.000.000.000</u>	<u>-</u>
-------------	------------------------	----------

**Lãi cho vay**

Các công ty con	<u>10.813.561.644</u>	<u>-</u>
-----------------	-----------------------	----------

**Thu nhập từ hỗ trợ vốn lưu động (Thuyết minh 27)**

Các công ty con	<u>1.345.665.473</u>	<u>6.917.757.887</u>
-----------------	----------------------	----------------------

**Thu nhập từ cổ tức (Thuyết minh 27)**

Các công ty con	<u>64.750.920.000</u>	<u>62.238.544.000</u>
-----------------	-----------------------	-----------------------

**(vii) Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ**

Các công ty con	<u>-</u>	<u>3.092.727.273</u>
-----------------	----------	----------------------

**(viii) Chi hộ**

Các công ty con	<u>920.469.550</u>	<u>-</u>
-----------------	--------------------	----------

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
<b>(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)</b>		
Các công ty con	1.042.783.852.184	750.138.832.694
Các công ty thành viên thuộc PVN	23.956.855.278	18.396.777.838
Các công ty liên kết	-	458.000.000
	<u>1.066.740.707.462</u>	<u>768.993.610.532</u>
<b>(ii) Phải thu từ cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</b>		
Công ty con	<u>150.000.000.000</u>	-
<b>(iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))</b>		
Các công ty con	366.668.430.260	314.894.304.796
Các công ty thành viên thuộc PVN	4.414.358	-
	<u>366.672.844.618</u>	<u>314.894.304.796</u>
<b>(iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)</b>		
PVN	37.119.167.792	152.446.782.204
Các công ty con	2.049.170.824	3.324.193.880
Các công ty thành viên thuộc PVN	220.000.000	-
	<u>39.388.338.616</u>	<u>155.770.976.084</u>
<b>(v) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)</b>		
Các công ty con	80.863.594.676	98.706.552.586
PVN	-	8.977.048.520
Công ty thành viên thuộc PVN	1.402.265.995	-
	<u>82.265.860.671</u>	<u>107.683.601.106</u>

**34 CÁC CAM KẾT****(a) Cam kết thuê hoạt động***(i) Tổng Công ty là bên đi thuê*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang gồm: thuê đất, thuê kho và thuê văn phòng trong tương lai như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Dưới 1 năm	16.027.040.727	965.655.872
Từ 1 đến 5 năm	16.725.622.915	3.862.623.487
Trên 5 năm	49.600.085.841	49.368.887.609
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>82.352.749.483</u>	<u>54.197.166.968</u>

*(ii) Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tổng Công ty đã ký hợp đồng cho thuê hoạt động Dự án Nghi Sơn và cho thuê văn phòng, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Dưới 1 năm	140.259.907.768	130.759.756.179
Từ 1 đến 5 năm	200.721.264.255	293.893.896.001
Trên 5 năm	-	12.940.800.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>340.981.172.023</u>	<u>437.594.452.180</u>

**34 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)****(b) Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, tình hình cam kết góp vốn điều lệ của Tổng Công ty vào các công ty như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty %	Số vốn đã góp VND	Số vốn còn phải góp VND
Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (*)	229.500.000.000	51	10.733.401.247	218.766.598.753
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn ("ITS") (**)	20.000.000.000	40	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay (***)	111.200.000.000	20	16.000.000.000	95.200.000.000
	<u>360.700.000.000</u>		<u>26.733.401.247</u>	<u>333.966.598.753</u>

(\*) Tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã chấp thuận việc tham gia góp vốn vào PSSSG với tổng vốn góp là 229,5 tỷ Đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã góp 10,7 tỷ Đồng.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 16/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đồng ý chủ trương đầu tư góp vốn thành lập ITS, trong đó Tổng Công ty góp 40% vốn điều lệ tương đương 20 tỷ Đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các cổ đông của ITS vẫn chưa góp vốn vào ITS.

(\*\*\*) Theo Nghị quyết số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã góp 16 tỷ Đồng.

**(c) Cam kết bảo lãnh tín dụng**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay ngân hàng của các công ty con với tổng hạn mức bảo lãnh là 4.745 tỷ Đồng và 10 triệu USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.055 tỷ Đồng và 10 triệu USD); và có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản phải trả người bán của các công ty con với tổng giá trị là 235 tỷ Đồng và 8,2 triệu Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 235 tỷ Đồng và 8,2 triệu Đô la Mỹ). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho nhà cung cấp và ngân hàng trong trường hợp các công ty con không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán trễ.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN

### 35 BÁO CÁO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không có bất kỳ hoạt động kinh doanh ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Tổng Công ty không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Dịch vụ cho thuê VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	570.835.455.412	3.475.856.433.650	4.046.691.889.062
Nợ phải trả bộ phận	-	2.502.352.799.850	2.502.352.799.850
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Dịch vụ cho thuê VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	593.348.354.875	3.636.462.418.032	4.229.810.772.907
Nợ phải trả bộ phận	-	2.715.832.466.170	2.715.832.466.170



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**35 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)*

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023			Tổng cộng VND
	Dịch vụ cho thuê VND	Dịch vụ khác VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.230.340.187	31.012.686.887	6.667.899.294.668	6.824.142.321.742
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(87.699.533.315)	(28.184.534.487)	(6.631.247.389.473)	(6.747.131.457.275)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.530.806.872	2.828.152.400	36.651.905.195	77.010.864.467
Doanh thu hoạt động tài chính				147.152.952.622
Chi phí tài chính				(116.804.370.028)
Chi phí bán hàng				(3.465.391.911)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(71.541.670.795)
Thu nhập khác				490.259.965
Chi phí khác				(1.569.942.568)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				31.272.701.752

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN

**35 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

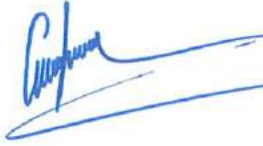
*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)*

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022			Tổng cộng VND
	Dịch vụ cho thuê VND	Dịch vụ khác VND	Kinh doanh thiết bị điện tử VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.056.046.433	48.830.000.000	6.820.560.347.075	6.996.446.393.508
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(95.253.571.050)	-	(6.683.025.660.916)	(6.778.279.231.966)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.802.475.383	48.830.000.000	137.534.686.159	218.167.161.542
Doanh thu hoạt động tài chính				146.729.601.331
Chi phí tài chính				(269.825.245.271)
Chi phí bán hàng				(4.451.084.962)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(32.072.195.160)
Thu nhập khác				1.733.757.642
Chi phí khác				(15.473.647.171)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				44.808.347.951

Báo cáo tài chính riêng đã được Chủ tịch HĐQT phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 0300452060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu, ngày 29 tháng 9 năm 2006, và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 4 tháng 10 năm 2023.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phùng Tuấn Hà Ông Vũ Tiến Dương Ông Nguyễn Đức Minh  Bà Phạm Thị Hồng Điệp  Ông Nguyễn Quý Thịnh Ông Trịnh Thanh Càn	Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2023) Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023) Thành viên độc lập Thành viên độc lập
<b>Ban Kiểm toán nội bộ</b>	Ông Nguyễn Đăng Khoa  Ông Lê Minh Kha Ông Nguyễn Minh Tân Bà Trần Thị Phương Trinh	Trưởng ban (đến ngày 30 tháng 1 năm 2024) Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 7 tháng 1 năm 2023)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Vũ Tiến Dương Ông Hồ Minh Việt Bà Phạm Thị Hồng Điệp Ông Huỳnh Văn Ngân Ông Hồ Hoàng Nguyên Vũ  Ông Nguyễn Đức Minh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 4 năm 2023) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22 tháng 5 năm 2023)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Phùng Tuấn Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Trụ sở chính</b>	Lầu 6, Tòa nhà Petro Việt Nam, Số 1-5, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

146  
CỔN  
PH  
:H  
G T  
U K  
HC

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

### BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("Chủ tịch HĐQT") của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch HĐQT được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch HĐQT cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 56. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí ("Công ty mẹ"), và các công ty con ("Tổng Công ty") được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("Chủ tịch HĐQT") của Tổng Công ty phê chuẩn vào ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 56.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT**

Chủ tịch HĐQT của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM15328  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Cheng Kiến Hùng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5038-2024-006-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.259.191.973.425</b>	<b>7.756.288.698.651</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.072.386.056.767</b>	<b>1.092.691.918.027</b>
111	Tiền		951.820.309.767	581.241.918.027
112	Các khoản tương đương tiền		120.565.747.000	511.450.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>2.596.961.269.672</b>	<b>1.827.844.604.510</b>
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	3.926.238.120	10.630.458.870
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	4(a)	(248.553.098)	(856.545.694)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	2.593.283.584.650	1.818.070.691.334
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.369.008.928.087</b>	<b>2.034.571.901.721</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.393.246.041.708	2.075.760.903.555
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	111.393.648.127	116.232.242.327
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	209.504.906.972	206.578.362.831
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(345.135.668.720)	(363.999.606.992)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.902.357.061.407</b>	<b>2.418.587.093.352</b>
141	Hàng tồn kho		1.915.425.030.586	2.474.958.959.872
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.067.969.179)	(56.371.866.520)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>318.478.657.492</b>	<b>382.593.181.041</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	14.992.296.836	24.361.462.490
152	Thuế GTGT được khấu trừ	17(a)	297.956.703.663	353.402.047.497
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17(b)	5.529.656.993	4.829.671.054

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.220.283.674.865</b>	<b>1.283.206.880.473</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>28.235.218.879</b>	<b>32.091.651.820</b>
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	28.235.218.879	32.091.651.820
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>266.150.905.633</b>	<b>272.480.822.101</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	96.091.133.382	98.673.849.192
222	Nguyên giá		391.817.597.588	379.473.532.070
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(295.726.464.206)	(280.799.682.878)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	170.059.772.251	173.806.972.909
228	Nguyên giá		183.795.926.598	183.081.926.598
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(13.736.154.347)	(9.274.953.689)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	12	<b>553.587.535.363</b>	<b>593.348.354.875</b>
231	Nguyên giá		852.074.158.578	852.074.158.578
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(298.486.623.215)	(258.725.803.703)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>38.525.582.184</b>	<b>38.316.282.184</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	38.525.582.184	38.316.282.184
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>114.369.751.182</b>	<b>114.421.182.687</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(c)	107.557.435.627	110.915.986.088
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(d)	22.465.000.000	22.465.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(c)	(22.456.972.632)	(22.366.834.272)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(c)	6.804.288.187	3.407.030.871
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>219.414.681.624</b>	<b>232.548.586.806</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	211.410.834.009	226.427.056.806
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24	3.412.700.115	-
269	Lợi thế thương mại	14	4.591.147.500	6.121.530.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>9.479.475.648.290</b>	<b>9.039.495.579.124</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>300</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>		
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>7.293.215.880.400</b>	<b>6.977.084.341.606</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>7.240.736.850.317</b>	<b>6.860.575.272.473</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	15 1.454.019.185.015	1.747.164.698.116
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16 348.147.907.207	82.106.959.163
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17(c) 35.263.126.249	22.394.264.814
314	Phải trả người lao động	18 116.437.312.574	64.328.334.658
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19 23.004.667.420	28.190.586.232
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20 280.790.512	42.099.750.441
319	Phải trả ngắn hạn khác	21(a) 723.420.418.413	1.217.873.849.669
320	Vay ngắn hạn	22(a) 4.515.926.256.500	3.626.666.260.624
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25 24.237.186.427	29.750.568.756
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>52.479.030.083</b>	<b>116.509.069.133</b>
337	Phải trả dài hạn khác	21(b) 36.381.030.745	37.117.088.359
338	Vay dài hạn	22(b) 10.870.282.966	76.091.980.774
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24 5.227.716.372	3.300.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>2.186.259.767.890</b>	<b>2.062.411.237.518</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.186.259.767.890</b>	<b>2.062.411.237.518</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	26, 27 1.073.348.310.000	904.501.240.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.073.348.310.000	904.501.240.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	27 159.572.337.789	159.572.337.789
414	Vốn khác của chủ sở hữu	27 349.315.536.105	253.823.860.000
415	Cổ phiếu quỹ	27 (5.427.873.108)	(5.427.873.108)
418	Quỹ đầu tư phát triển	27 271.777.466.354	271.777.466.354
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	27 178.591.836.316	350.657.121.022
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	70.468.556.668	211.755.069.325
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay	108.123.279.648	138.902.051.697
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	159.082.154.434	127.507.085.461
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>9.479.475.648.290</b>	<b>9.039.495.579.124</b>


Hoàng Văn Vững  
Người lập

Trần Quang Huy  
Kế toán trưởngPhùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.482.769.422.773	17.773.883.971.911
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(264.977.937.289)	(230.561.366.824)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.217.791.485.484	17.543.322.605.087
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(16.495.454.810.908)	(16.576.218.727.069)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	722.336.674.576	967.103.878.018
21	Doanh thu hoạt động tài chính	302.569.769.972	184.676.642.171
22	Chi phí tài chính	(322.296.597.247)	(450.169.496.292)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(309.587.603.886)	(175.767.092.310)
24	Phần lỗ trong công ty liên kết	(3.358.550.461)	(5.660.673.620)
25	Chi phí bán hàng	(336.485.160.178)	(336.201.939.859)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(193.698.759.159)	(146.822.803.006)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	169.067.377.503	212.925.607.412
31	Thu nhập khác	26.096.690.513	19.899.945.685
32	Chi phí khác	(12.734.046.302)	(19.730.037.536)
40	Lợi nhuận khác	13.362.644.211	169.908.149
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	182.430.021.714	213.095.515.561
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(44.917.754.141)	(45.677.031.816)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	1.484.983.746	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	138.997.251.319	167.418.483.745
	Phân bổ cho:		
61	Sở hữu của Công ty mẹ	111.424.903.698	110.430.234.145
62	Cổ đông không kiểm soát	27.572.347.621	56.988.249.600
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28(a)	983
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28(b)	983



Hoàng Văn Vũ  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>182.430.021.714</b>	<b>213.095.515.561</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	69.029.141.208	66.492.474.653
03	(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	(62.685.689.849)	29.104.143.445
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.093.413.462	2.552.959.866
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(270.132.728.945)	(96.460.883.741)
06	Chi phí lãi vay	309.587.603.886	175.767.092.310
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>229.321.761.476</b>	<b>390.551.302.094</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(232.047.152.779)	313.564.686.139
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	559.533.929.286	(997.468.175.751)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(528.452.432.263)	168.195.189.389
12	Giảm chi phí trả trước	24.385.388.451	204.355.010
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	6.704.220.750	220.986.846.161
14	Tiền lãi vay đã trả	(304.924.739.786)	(171.464.451.918)
15	Thuế TNDN đã nộp	(40.056.586.289)	(75.499.446.733)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(14.386.847.959)	(16.910.043.038)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(299.922.459.113)</b>	<b>(167.839.738.647)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(25.539.398.071)	(40.097.706.520)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.753.350.984	5.208.751.259
23	Tiền chi gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	(5.742.651.452.095)	(1.997.014.520.141)
24	Tiền thu hồi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	4.964.041.301.463	366.701.741.035
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(864.150.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	4.027.952.299
27	Tiền thu lãi tiền gửi	249.735.859.289	89.642.193.062
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(551.660.338.430)</b>	<b>(1.572.395.739.006)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	15.750.000.000	2.680.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	15.109.558.983.025	13.188.531.174.558
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(14.285.520.684.957)	(12.904.550.138.962)
36	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông	(8.511.361.785)	(30.210.374.481)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>831.276.936.283</b>	<b>256.450.661.115</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(20.305.861.260)</b>	<b>(1.483.784.816.538)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 1.092.691.918.027</b>	<b>2.576.476.734.565</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 1.072.386.056.767</b>	<b>1.092.691.918.027</b>

*Hoàng Văn Vững*

Hoàng Văn Vững  
Người lập

*Trần Quang Huy*

Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 56 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (“Công ty mẹ”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300452060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 22 ngày 4 tháng 10 năm 2023 về việc cập nhật số vốn điều lệ sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tập đoàn” hay “PVN”).

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PET, theo Quyết định số 94/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13 tháng 8 năm 2007.

Cổ đông của Công ty mẹ là các công ty, các cá nhân đang hoạt động kinh doanh và làm việc tại Việt Nam. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 27.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con (“Tổng công ty”) là cung cấp dịch vụ và thương mại hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi;
- Mua bán trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn;
- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ và quản lý, dịch vụ hỗ trợ nhân sự;
- Cho thuê kho, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng;
- Phát triển, kinh doanh và quản lý bất động sản;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị;
- Mua bán thiết bị viễn thông;
- Cung cấp vật tư, thiết bị chuyên ngành dầu khí;
- Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ, sản phẩm sinh hoạt đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu LPG, chiết nạp ga;
- Phát triển và kinh doanh bất động sản; và
- Quản lý bất động sản (tòa nhà, khách sạn, các công trình nhà ở).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 2.913 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.937 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty mẹ có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 3 công ty con sở hữu gián tiếp, 3 công ty liên kết trực tiếp, 2 công ty liên kết gián tiếp, và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Chi tiết được trình bày như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
			Quyền sở hữu %	Quyền quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền quyết %
<b>I - Công ty con sở hữu trực tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD")	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông	Thành phố Hồ Chí Minh	76,93	76,93	79,97	79,97
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung ("PSMT")	Thương mại, dịch vụ	Tỉnh Quảng Ngãi	99,79	99,79	99,79	99,79
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí ("PSA")	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà	Thành phố Hà Nội	71,46	71,46	71,46	71,46
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu ("PSV")	Cung cấp dịch vụ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	70	70	70	70
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển ("POTS")	Thương mại, dịch vụ	Thành phố Hồ Chí Minh	60	60	60	60
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh ("Smartcom")	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm	Thành phố Hồ Chí Minh	55	55	55	55
Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (i)	Kinh doanh bất động sản	Thành phố Hồ Chí Minh	21,46	51	21,46	51
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí ("PSR")	Bán lẻ điện thoại	Thành phố Hồ Chí Minh	72,75	75	72,75	75
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam ("PSL") (ii)	Hỗ trợ vận tải	Thành phố Hồ Chí Minh	44	66,67	44	66,67
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")	Phân phối thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi	Thành phố Hồ Chí Minh	51	51	51	51
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG") (iii)	Ngưng hoạt động và đang chờ giải thể	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

Tên	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	31.12.2023		31.12.2022	
			Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %
<b>II – Công ty con sở hữu gián tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh ("Bình Minh")	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng	Thành phố Hồ Chí Minh	71,16	92,5	73,97	92,5
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang ("Nha Trang PST")	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Tỉnh Khánh Hòa	99,79	100	99,79	100
Công ty TNHH Một thành viên An Lạc Nhơn Trạch ("An Lạc Nhơn Trạch")	Dịch vụ đóng gói các sản phẩm từ giấy	Tỉnh Đồng Nai	79,97	100	79,97	100
<b>III – Công ty liên kết trực tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Pedaco	Xử lý nước thải	Tỉnh Bình Thuận	48,5	48,5	48,5	48,5
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Dịch vụ cho thuê văn phòng	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	24	24	24	24
Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vinh Hòa Emerald Bay (iv)	Dịch vụ nghỉ dưỡng	Tỉnh Phú Yên	20	20	20	20
<b>IV – Công ty liên kết gián tiếp</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom ("Vietecom") (v)	Kinh doanh thiết bị điện tử, công nghệ thông tin, chuyên giao công nghệ, giao nhận hàng hóa	Thành phố Hà Nội	16	20	16	20
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Năng lượng Petro ("Petro")	Sản xuất điện	Thành phố Hồ Chí Minh	27	45	27	45
<b>V – Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc</b>						
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí ("PIMD")	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	Thành phố Hồ Chí Minh	100	100	100	100

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG chỉ là 21,46%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSSSG thông qua 51% đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSSSG. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSSSG và PSSSG vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSL chỉ là 44%, Tổng Công ty vẫn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PSL thông qua 2/3 đại diện trong Hội đồng Quản trị của PSL. Do đó, Tổng Công ty kiểm soát PSL và PSL vẫn được trình bày và phân loại là công ty con của Tổng Công ty cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.
- (iii) Hiện tại, PSG đang trong quá trình quyết toán với cơ quan thuế để hoàn thiện các thủ tục cho việc giải thể doanh nghiệp. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, PSG không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh nào.
- (iv) Theo Nghị quyết số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ và đã góp 16 tỷ Đồng.
- (v) Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại số Vietecom đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính****Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tổng Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

**Nhiệm vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nhiệm vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nhiệm vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)****Công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết, Tổng Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

**2.6 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tổng Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tổng Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh.

**2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

**2.9 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng hóa được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**2.10 Các khoản đầu tư****(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tổng Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)****(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

**(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc thiết bị	5% - 50%
Phương tiện vận tải	10% - 17%
Thiết bị quản lý	20% - 33%
Quyền sử dụng đất	2% - 3%
Phần mềm máy tính	33%

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.12 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của TSCĐ thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.13 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)***Khấu hao*

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của bất động sản đó. Tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 3% - 33%

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.14 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; ... trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ; ... có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào TSCĐ vô hình theo chính sách kế toán số 2.11 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

**2.15 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

**2.16 Vay**

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.17 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**2.18 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**2.19 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**2.20 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ về cung cấp dịch vụ. Tổng Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

**2.21 Vốn chủ sở hữu****(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.21 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****(b) Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**(c) Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

**(d) Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Cổ phiếu quỹ mua sau ngày ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

**(e) LNST chưa phân phối**

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh hợp nhất sau thuế TNDN của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.22 Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Tổng Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

**(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để dùng cho công tác khen thưởng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tổng Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tổng Công ty thì Tổng Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

**(d) Thu nhập lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**(e) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia**

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(f) Thu nhập từ ký cược, ký quỹ vỏ bình ga**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình ga được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình ga đã nhận từ khách hàng theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, tương ứng với cách thức phân bổ chi phí vỏ bình ga (Thuyết minh 2.14), theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai*”.

**2.24 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tài chính tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm tài chính, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính lập báo cáo.

**2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.26 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

**2.27 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**2.28 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tổng Công ty.

**2.29 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.29 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.30 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.31 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

**2.32 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Chủ tịch HĐQT phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Chủ tịch HĐQT đánh giá là hợp lý.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2023 VND	2022 VND
Tiền mặt	11.115.633.559	13.770.317.500
Tiền gửi ngân hàng	940.704.676.208	567.471.600.527
Các khoản tương đương tiền (*)	120.565.747.000	511.450.000.000
	<u>1.072.386.056.767</u>	<u>1.092.691.918.027</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 2,7%/năm đến 7,1%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2022: từ 4,6%/năm đến 6,0%/năm).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Tại ngày 31.12.2023			Tại ngày 31.12.2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Địa ốc No Va ("NVL")	3.926.238.120	3.677.685.022	(248.553.098)	-	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ("EIB")	-	-	-	5.116.701.255	5.310.500.000	-
Khác	-	-	-	5.513.757.615	4.322.164.000	(856.545.694)
	<u>3.926.238.120</u>	<u>3.677.685.022</u>	<u>(248.553.098)</u>	<u>10.630.458.870</u>	<u>9.632.664.000</u>	<u>(856.545.694)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị hợp lý được tính dựa vào giá cổ phiếu đóng cửa niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội của ngày giao dịch gần nhất tại ngày báo cáo tài chính và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ vào thời điểm đó.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**I. Ngắn hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện giá trị các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 1%/năm đến 8,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 2,5%/năm đến 11%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 38,9 tỷ Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Hội tụ Thông Minh, một công ty con của Tổng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 576 tỷ Đồng) (Thuyết minh 23).

**II. Dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện giá trị các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng trở lên tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất bình quân từ 4,7%/năm đến 7,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 4%/năm đến 7%/năm).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết của đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	Tại ngày 31.12.2023				Tại ngày 31.12.2022			
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14.359.957.249	13.606.119.708	(*)	-	14.359.957.249	13.606.119.708	(*)	-
Công ty Cổ phần Dầu tư và Thương mại số Vietecom	853.268.080	-	(*)	-	853.268.080	-	(*)	-
Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)	-	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường và Năng lượng Petro	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)	-	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Môi trường Xanh PEDACO	77.842.500.000	68.951.315.919	(*)	-	77.842.500.000	72.309.866.380	(*)	-
	<u>118.055.725.329</u>	<u>107.557.435.627</u>			<u>118.055.725.329</u>	<u>110.915.986.088</u>		

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý các khoản đầu tư này vì đây là khoản góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	110.915.986.088	116.576.659.708
Phản lỗ trong công ty liên kết	(3.358.550.461)	(5.660.673.620)
Số dư cuối năm	<u>107.557.435.627</u>	<u>110.915.986.088</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(d) Đầu tư vào đơn vị khác**

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2.000.000.000	(*)	2.000.000.000	(*)
Công ty TNHH Coolpad Việt Nam	20.160.000.000	(*)	20.160.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Dầu khí Việt Hàn	305.000.000	(*)	305.000.000	(*)
	<u>22.465.000.000</u>		<u>22.465.000.000</u>	
			<u>Dự phòng</u>	<u>Dự phòng</u>
			<u>(22.456.972.632)</u>	<u>(20.160.000.000)</u>
				<u>(2.000.000.000)</u>
				<u>(20.160.000.000)</u>
				<u>(206.834.272)</u>
				<u>(22.366.834.272)</u>

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.366.834.272	22.366.834.272
Tăng dự phòng trong năm	90.138.360	-
Số dư cuối năm	<u>22.456.972.632</u>	<u>22.366.834.272</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý các khoản đầu tư này vì đây là khoản góp vốn vào các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba	2.189.216.914.588	1.894.515.919.915
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b))	204.029.127.120	181.244.983.640
	<u>2.393.246.041.708</u>	<u>2.075.760.903.555</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán, đã được rà soát trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8).

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Global Consulting and Mechanical Services LLC	44.896.370.057	79.376.752.057
Qst Ikon (Pte.) Ltd.	17.103.852.679	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Công Nghệ cao B&T Việt Nam	12.121.431.507	15.289.091.068
Khác	37.271.993.884	21.566.399.202
	<u>111.393.648.127</u>	<u>116.232.242.327</u>

**7 PHẢI THU KHÁC****(a) Ngắn hạn**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b))		
Khác	6.185.197.308	466.468.014
Bên thứ ba		
Phải thu tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp	116.214.788.258	149.958.113.436
Phải thu lãi tiền gửi	38.045.201.224	13.121.056.748
Khác	49.059.720.182	43.032.724.633
	<u>209.504.906.972</u>	<u>206.578.362.831</u>

**(b) Dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu khác dài hạn chủ yếu bao gồm tiền đặt cọc, ký quỹ dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán, đã được rà soát trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**8 NỢ KHÓ ĐÒI**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán đã được xem xét trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như được trình bày như sau:

	2023			2022		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu tiền bán thiết bị viễn thông	136.482.661.562	-	(136.482.661.562)	136.482.661.562	-	(136.482.661.562)
Phải thu tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp	79.849.349.317	-	(79.849.349.317)	79.849.349.317	-	(79.849.349.317)
Khác	153.219.215.363	24.415.557.522	(128.803.657.841)	173.752.194.110	26.084.597.997	(147.667.596.113)
	<u>369.551.226.242</u>	<u>24.415.557.522</u>	<u>(345.135.668.720)</u>	<u>390.084.204.989</u>	<u>26.084.597.997</u>	<u>(363.999.606.992)</u>
Phải thu tiền bán thiết bị viễn thông						
Phải thu tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp						
Khác						

**9 HÀNG TỒN KHO**

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	121.624.868.640	-	128.286.042.614	-
Nguyên vật liệu	2.540.717.151	-	4.342.717.122	-
Công cụ, dụng cụ	2.288.469.531	-	2.884.821.509	-
Hàng hóa	1.503.509.787.297	(13.067.969.179)	2.314.565.690.562	(56.371.866.520)
Hàng gửi đi bán	285.461.187.967	-	24.879.688.065	-
	<u>1.915.425.030.586</u>	<u>(13.067.969.179)</u>	<u>2.474.958.959.872</u>	<u>(56.371.866.520)</u>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****(a) Ngắn hạn**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bảo lãnh thanh toán	7.891.765.244	15.270.118.167
Khác	7.100.531.592	9.091.344.323
	<u>14.992.296.836</u>	<u>24.361.462.490</u>

**(b) Dài hạn**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuê	125.789.439.269	129.295.556.249
Chi phí mua vỏ bình ga	67.446.565.371	82.489.587.090
Khác	18.174.829.369	14.641.913.467
	<u>211.410.834.009</u>	<u>226.427.056.806</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

11	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
(a)	Tài sản cố định hữu hình					
	<b>Nguyên giá</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	102.615.125.182	109.097.466.521	149.384.150.056	18.376.790.311	379.473.532.070
	Mua trong năm	1.399.636.364	9.476.025.409	13.400.144.298	340.292.000	24.616.098.071
	Thanh lý, nhượng bán	(1.759.974.627)	(3.057.641.475)	(7.354.476.951)	(99.939.500)	(12.272.032.553)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	102.254.786.919	115.515.850.455	155.429.817.403	18.617.142.811	391.817.597.588
	<b>Giá trị hấu hao lũy kế</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	75.621.447.097	85.540.649.690	104.938.549.504	14.699.036.587	280.799.682.878
	Khấu hao trong năm	2.248.792.620	6.082.826.855	13.501.821.937	1.443.297.126	23.276.738.538
	Thanh lý, nhượng bán	(841.680.370)	(2.258.512.215)	(5.249.764.625)	-	(8.349.957.210)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	77.028.559.347	89.364.964.330	113.190.606.816	16.142.333.713	295.726.464.206
	<b>Giá trị còn lại</b>					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	26.993.678.085	23.556.816.831	44.445.600.552	3.677.753.724	98.673.849.192
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	25.226.227.572	26.150.886.125	42.239.210.587	2.474.809.098	96.091.133.382

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 195 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 185 tỷ Đồng).

## 11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	172.812.781.739	10.269.144.859	<b>183.081.926.598</b>
Mua trong năm	-	714.000.000	<b>714.000.000</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>172.812.781.739</u>	<u>10.983.144.859</u>	<b><u>183.795.926.598</u></b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.182.402.537	6.092.551.152	<b>9.274.953.689</b>
Khấu hao trong năm	3.789.170.554	672.030.104	<b>4.461.200.658</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>6.971.573.091</u>	<u>6.764.581.256</u>	<b><u>13.736.154.347</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	<u>169.630.379.202</u>	<u>4.176.593.707</u>	<b><u>173.806.972.909</u></b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>165.841.208.648</u>	<u>4.218.563.603</u>	<b><u>170.059.772.251</u></b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5,7 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4,89 tỷ Đồng).

## 12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nhà cửa  
VND

<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2023	852.074.158.578
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	258.725.803.703
Khấu hao trong năm	39.760.819.512
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	298.486.623.215
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	593.348.354.875
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	553.587.535.363

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc liên quan đến khi nhà ở tại Khu liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (“Dự án Nghi Sơn”) được Công ty mẹ xây dựng và cho thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ giá trị của bất động sản đầu tư được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 22).

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 94.352.637.622 Đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 93.830.491.153 Đồng). Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 20.743.577.457 Đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: 20.700.311.052 Đồng).

Tổng Công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2023 VND	2022 VND
Dự án Cape Pearl	37.509.649.278	37.509.649.278
Khác	1.015.932.906	806.632.906
	<u>38.525.582.184</u>	<u>38.316.282.184</u>

## 14 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

2023  
VND

<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023	19.125.000.000
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	13.003.470.000
Phân bổ trong năm	1.530.382.500
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	14.533.852.500
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	6.121.530.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.591.147.500

## 15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

2023  
VND2022  
VND

Bên thứ ba		
Công ty TNHH Apple Việt Nam	342.844.453.571	755.105.026.055
Khác	972.314.129.517	607.238.622.091
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b))	138.860.601.927	384.821.049.970
	<u>1.454.019.185.015</u>	<u>1.747.164.698.116</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Chủ tịch HĐQT tin tưởng rằng Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn và không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

## 16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

2023  
VND2022  
VND

Bên thứ ba	17.199.846.709	6.429.675.561
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b))	330.948.060.498	75.677.283.602
	<u>348.147.907.207</u>	<u>82.106.959.163</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Phân loại lại/cán trừ VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
<b>(a) Thuế GTGT được khấu trừ</b>					
Thuế GTGT được khấu trừ	353.402.047.497	2.488.876.737.624	-	(2.544.322.081.458)	297.956.703.663
<b>(b) Phải thu</b>					
Thuế TNDN	3.338.047.499	-	-	1.523.526.252	4.861.573.751
Thuế khác	1.491.623.555	-	-	(823.540.313)	668.083.242
	4.829.671.054	-	-	699.985.939	5.529.656.993
<b>(c) Phải nộp</b>					
Thuế TNDN	9.519.776.906	44.917.754.141	(40.056.586.289)	1.523.526.252	15.904.471.010
Thuế GTGT	8.101.531.882	2.936.054.580.895	(388.397.989.652)	(2.544.322.081.458)	11.436.041.667
Thuế TNCN	4.772.956.026	40.289.473.402	(37.139.815.856)	-	7.922.613.572
Thuế khác	-	42.867.998.524	(42.044.458.211)	(823.540.313)	-
	22.394.264.814	3.064.129.806.962	(507.638.850.008)	(2.543.622.095.519)	35.263.126.249

**18 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải trả người lao động chủ yếu bao gồm lương và các khoản thưởng cho người lao động.

**19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	10.335.805.118	5.672.941.018
Khác	12.668.862.302	22.517.645.214
	<u>23.004.667.420</u>	<u>28.190.586.232</u>

**20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	-	41.792.527.808
Khác	280.790.512	307.222.633
	<u>280.790.512</u>	<u>42.099.750.441</u>

**21 PHẢI TRẢ KHÁC****(a) Ngắn hạn**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Phải trả thư tín dụng (*)	429.391.533.275	1.018.980.988.218
Phải trả tiền hỗ trợ bán hàng	138.561.320.785	128.633.454.196
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 23)	30.892.088.809	17.378.195.277
Chi hộ	54.205.298.860	-
Khác	70.370.176.684	52.881.211.978
	<u>723.420.418.413</u>	<u>1.217.873.849.669</u>
Trong đó:		
Bên thứ ba	719.435.315.555	1.204.004.306.932
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b))	3.985.102.858	13.869.542.737
	<u>723.420.418.413</u>	<u>1.217.873.849.669</u>

(\*) Số dư thể hiện khoản phải trả thư tín dụng từ việc mở dịch vụ UPAS Letter Credit tại ngân hàng thương mại để thanh toán cho nhà cung cấp trong vòng 1 năm và chịu lãi suất áp dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN/HN

21 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Ký quỹ, ký cược vỏ bình ga	20.205.679.024	23.711.892.186
Khác	16.175.351.721	13.405.196.173
	<u>36.381.030.745</u>	<u>37.117.088.359</u>
Trong đó:		
Bên thứ ba	28.348.188.179	35.257.569.813
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b))	8.032.842.566	1.859.518.546
	<u>36.381.030.745</u>	<u>37.117.088.359</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

22	VAY		31.12.2023	31.12.2022
(a)	Ngắn hạn		VND	VND
		Vay ngắn hạn thể hiện giá trị của các khoản vay ngân hàng thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:		
		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.450.172.305.191	1.013.228.894.498
		Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	1.626.572.905.517	687.476.290.044
		Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	433.820.272.887	452.342.553.744
		Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	327.401.023.694	393.161.051.408
		Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	197.897.867.804	737.675.342.442
		Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank	184.934.013.000	-
		Ngân hàng TMCP Quân đội	150.265.182.000	38.864.898.148
		Ngân hàng Shinhan Việt Nam	65.221.697.808	65.221.697.808
		Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	42.950.358.737	134.540.938.032
		Ngân hàng Standard Chartered	36.690.629.862	-
		Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	104.154.594.500
			4.515.926.256.500	3.626.666.260.624
		Bảo lãnh từ Tổng Công ty		
		Bảo lãnh từ Tổng Công ty		
		Bảo lãnh từ Tổng Công ty		
		Bảo lãnh từ Tổng Công ty		
		Bảo lãnh từ Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí ("PHTD")		
		Tín chấp		
		Bảo lãnh từ Tổng Công ty		
		Thuyết minh 22 (b)		
		Tín chấp		
		Đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn		
		Tín chấp		

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**22 VAY (tiếp theo)**

**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản thế chấp của các khoản vay từ các ngân hàng thương mại bao gồm:

- Cam kết bảo lãnh tín dụng của Công ty mẹ cho các công ty con với tổng giá trị là 4.745 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.055 tỷ Đồng);
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 38,9 tỷ Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 576 tỷ Đồng) (Thuyết minh 22); và

Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại được thực hiện dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng hoặc phát hành tín dụng thư và được thực hiện để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ do các ngân hàng công bố. Biến động của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại do đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay ngắn hạn	3.561.444.562.816	15.109.558.983.025	(14.220.298.987.149)	-	4.450.704.558.692
Vay dài hạn tới hạn trả	65.221.697.808	-	(65.221.697.808)	65.221.697.808	65.221.697.808
	<u>3.626.666.260.624</u>	<u>15.109.558.983.025</u>	<u>(14.285.520.684.957)</u>	<u>65.221.697.808</u>	<u>4.515.926.256.500</u>

**(b) Dài hạn**

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	76.091.980.774	-	-	(65.221.697.808)	10.870.282.966

Khoản vay với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam có hạn mức tín dụng là 217,8 tỷ Đồng và chịu lãi suất cố định là 7,8%/năm. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn. Khoản vay này có thời hạn đến ngày 2 tháng 2 năm 2025 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn (Thuyết minh 12) quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất các khoản phải thu và quyền phát sinh có được theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**23 CỐ TỨC PHẢI TRẢ**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	17.378.195.277	23.690.320.623
Cố tức phải trả trong năm (Thuyết minh 27)	22.025.255.317	23.898.249.135
Cố tức đã chi trả	(8.511.361.785)	(30.210.374.481)
Số dư cuối năm	<u>30.892.088.809</u>	<u>17.378.195.277</u>

**24 THUẾ TNDN HOÃN LẠI**

**(a) Chi tiết của tài sản thuế TNDN hoãn lại:**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA	<u>3.412.700.115</u>	<u>-</u>

Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chi phí lãi vay không được trừ khi tính thuế TNDN do vượt quá 30% EBITDA. Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Phần chi phí lãi vay không được trừ này có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản chi phí lãi vay ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng Công ty như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số phát sinh	Số đã được sử dụng	Số còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
		VND	VND	VND
2023	Chưa thanh tra thuế	<u>17.063.500.575</u>	-	<u>17.063.500.575</u>

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

**(b) Chi tiết của thuế TNDN hoãn lại phải trả:**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>5.227.716.372</u>	<u>3.300.000.000</u>

Thuế TNDN hoãn lại phải trả chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản dự phòng khi tiến hành hợp nhất báo cáo tài chính.

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại dự tính thu hồi sau 12 tháng và thuế TNDN hoãn lại phải trả được dự tính phải trả trong vòng 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**25 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	29.750.568.756	33.693.610.736
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 27)	8.873.465.630	12.967.001.058
Sử dụng quỹ	(14.386.847.959)	(16.910.043.038)
Số dư cuối năm	<u>24.237.186.427</u>	<u>29.750.568.756</u>

**26 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	107.334.831	-	90.450.124	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(612.700)	-	(612.700)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>106.722.131</u>	<u>-</u>	<u>89.837.424</u>	<u>-</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn dầu khí Việt Nam ("PVN")	24.916.934	23,2%	20.973.851	23,2%
Cổ đông khác	81.805.197	76,2%	68.863.573	76,1%
Cổ phiếu quỹ	612.700	0,6%	612.700	0,7%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>107.334.831</u>	<u>100%</u>	<u>90.450.124</u>	<u>100%</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	90.450.124	904.501.240.000	<u>904.501.240.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	90.450.124	904.501.240.000	<u>904.501.240.000</u>
Cổ phiếu mới phát hành	16.884.707	168.847.070.000	<u>168.847.070.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>107.334.831</u>	<u>1.073.348.310.000</u>	<u>1.073.348.310.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**27 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quý đầu tư và phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	904.501.240.000	159.572.337.789	141.776.000.000	(3.994.516.440)	271.777.466.354	342.604.773.541	1.816.237.201.244	123.490.769.414	1.939.727.970.658
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu mới trong năm	-	-	112.047.860.000	-	-	(84.464.213.448)	27.583.646.552	(27.583.646.552)	(6.125.460.024)
Giảm do thoái vốn tại một công ty con	-	-	-	-	-	110.430.234.145	110.430.234.145	56.988.249.600	167.418.483.745
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(11.244.932.306)	(11.244.932.306)	(1.722.068.752)	(12.967.001.058)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(23.898.249.135)	(23.898.249.135)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.433.256.668)	-	-	(1.433.256.668)	-	(1.433.256.668)
Khác	-	-	-	-	-	(6.668.740.910)	(6.668.740.910)	6.357.490.910	(311.250.000)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại một công ty con đã năm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	904.501.240.000	159.572.337.789	253.823.860.000	(5.427.873.108)	271.777.466.354	350.657.121.022	1.934.904.152.057	127.507.085.461	2.062.411.237.518
Phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên (i)	-	-	15.750.000.000	-	-	(168.847.070.000)	15.750.000.000	-	15.750.000.000
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu thường - Công ty mẹ (ii)	168.847.070.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu thường - Công ty con (i)	-	-	79.741.676.105	-	-	(103.654.850.000)	(23.913.173.895)	23.913.173.895	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	111.424.903.698	111.424.903.698	27.572.347.621	138.997.251.319
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	-	-	(6.733.535.509)	(6.733.535.509)	(2.139.930.121)	(8.873.465.630)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại một công ty con đã năm quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	(4.254.732.895)	(4.254.732.895)	4.254.732.895	-
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	-	-	(22.025.255.317)	(22.025.255.317)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.073.348.310.000	159.572.337.789	349.315.536.105	(5.427.873.108)	271.777.466.354	178.591.836.316	2.027.177.613.456	159.082.154.434	2.186.259.767.890

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-PSD-ĐHBCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ("PSD"), Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") và chi trả cổ tức với tỷ lệ 25% bằng cổ phiếu từ nguồn LNST chưa phân phối lũy kế.

(ii) Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 61/NQ-DVTHDK ngày 1 tháng 12 năm 2022 và số 38/NQ-DVTHDK ngày 3 tháng 7 năm 2023 cũng như báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức số 21/DVTHDK-TCKT ngày 1 tháng 2 năm 2023 và số 236/DVTHDK-TCKT ngày 16 tháng 8 năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành 16.884.707 cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022.

(iii) Trong năm, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con đã phê duyệt việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2023 là 8.873.465.630 Đồng và chia cổ tức bằng tiền là 22.025.255.317 Đồng.



28 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022 (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	111.424.903.698	110.430.234.145
Tạm trích/ thực trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND)	(3.301.624.050)	(5.483.171.688)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>108.123.279.648</u>	<u>104.947.062.457</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	<u>106.722.131</u>	<u>106.722.131</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.013</u>	<u>983</u>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được tính lại để điều chỉnh số bình quân cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do hoàn thành phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm tại ngày 1 tháng 2 năm 2023 với tỷ lệ là 10% và tại ngày 16 tháng 8 năm 2023 với tỷ lệ là 8% trên tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Đồng thời, số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của năm 2022 được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông tương ứng với phần lợi ích phân bổ cho Công ty mẹ.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	110.430.234.145	-	110.430.234.145
Thực trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND)	(2.051.260.229)	(3.431.911.459)	(5.483.171.688)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	<u>108.378.973.916</u>	<u>(3.431.911.459)</u>	<u>104.947.062.457</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>89.837.424</u>	<u>16.884.707</u>	<u>106.722.131</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>1.206</u>	<u>(223)</u>	<u>983</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 29 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

## (a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 720.639 Đô la Mỹ, 70 Euro và 1.187 Bảng Anh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.229.229 Đô la Mỹ, 80 Euro và 1.187 Bảng Anh).

## (b) Các cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, các cam kết của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 40.

## 30 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
<b>Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	15.434.477.975.467	15.661.314.837.970
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.048.291.447.306	2.112.569.133.941
	<u>17.482.769.422.773</u>	<u>17.773.883.971.911</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(165.679.655.584)	(142.278.920.955)
Giảm giá hàng bán	(50.953.696.564)	(42.757.199.020)
Hàng bán bị trả lại	(48.344.585.141)	(45.525.246.849)
	<u>(264.977.937.289)</u>	<u>(230.561.366.824)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	15.169.500.038.178	15.430.753.471.146
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.048.291.447.306	2.112.569.133.941
	<u>17.217.791.485.484</u>	<u>17.543.322.605.087</u>

## 31 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn của hàng hóa	15.021.726.186.195	15.168.553.411.389
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.517.032.522.054	1.401.808.304.767
(Hoàn nhập)/trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(43.303.897.341)	5.857.010.913
	<u>16.495.454.810.908</u>	<u>16.576.218.727.069</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**32 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Lãi tiền gửi	274.660.003.765	100.560.318.303
Lãi từ các khoản chứng khoán kinh doanh	6.306.501.091	46.756.070.650
Khác	21.603.265.116	37.360.253.218
	<u>302.569.769.972</u>	<u>184.676.642.171</u>

**33 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Lãi tiền vay	216.984.021.724	139.992.579.835
Chi phí sử dụng UPAS L/C	92.603.582.162	35.774.512.475
Lỗ từ chứng khoán kinh doanh	2.439.642.421	252.874.737.653
Khác	10.269.350.940	21.527.666.329
	<u>322.296.597.247</u>	<u>450.169.496.292</u>

**34 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí nhân viên	100.387.099.759	99.598.311.674
Chi phí vận chuyển	29.229.766.659	34.171.167.006
Chi phí thuê	21.688.272.924	23.162.020.820
Khác	185.180.020.836	179.270.440.359
	<u>336.485.160.178</u>	<u>336.201.939.859</u>

**35 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Chi phí nhân viên	109.950.242.673	82.789.381.641
Chi phí khấu hao	8.374.900.033	6.119.493.359
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng phải thu khó đòi	(18.863.938.272)	6.484.520.754
Khác	94.237.554.725	51.429.407.252
	<u>193.698.759.159</u>	<u>146.822.803.006</u>

## 36 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Phân bổ tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình ga	5.490.733.162	5.965.411.896
Khác	20.605.957.351	13.934.533.789
	<u>26.096.690.513</u>	<u>19.899.945.685</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt hợp đồng thương mại	8.238.914.544	14.890.722.948
Khác	4.495.131.758	4.839.314.588
	<u>12.734.046.302</u>	<u>19.730.037.536</u>

## 37 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng Công ty có thể khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	182.430.021.714	213.095.515.561
Thuế tính ở thuế suất 20%	36.486.004.343	42.619.103.112
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	5.789.663.287	4.555.517.612
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	984.229.780	307.823.424
Dự phòng thiếu/(thừa) của năm trước	172.872.985	(1.805.412.332)
Thuế TNDN (*)	<u>43.432.770.395</u>	<u>45.677.031.816</u>
Thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	44.917.754.141	45.677.031.816
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 24)	(1.484.983.746)	-
Thuế TNDN	<u>43.432.770.395</u>	<u>45.677.031.816</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**38 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	758.183.644.960	726.163.979.670
Chi phí nhân viên	635.789.160.843	563.282.408.887
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng phải thu khó đòi	(18.863.938.272)	6.484.520.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.029.141.208	64.962.092.153
Chi phí vận chuyển	34.612.225.482	34.171.167.006
Khác	525.162.309.829	495.625.890.075
	<u>2.003.912.544.050</u>	<u>1.890.690.058.545</u>

**39 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 23,2% vốn cổ phần của Tổng Công ty (Thuyết minh 26).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên thuộc PVN, và công ty liên kết của Tổng Công ty được thuyết minh là các bên liên quan của Tổng Công ty.

Chi tiết các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

<b>Tên</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Môi trường xanh Pedaco	Công ty liên kết
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên thuộc PVN
Công ty TNHH Lọc Hoá Dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên thuộc PVN
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	Công ty thành viên thuộc PVN
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	Công ty thành viên thuộc PVN
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty thành viên thuộc PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên thuộc PVN
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty thành viên thuộc PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty thành viên thuộc PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty thành viên thuộc PVN
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Công ty thành viên thuộc PVN
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu Khí - Công ty Cổ phần	Công ty thành viên thuộc PVN

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>(i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
PVN	157.920.320.601	229.219.308.543
Công ty thành viên thuộc PVN	1.587.832.535.061	1.265.856.058.136
	<u>1.745.752.855.662</u>	<u>1.495.075.366.679</u>



## 39 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
(v) <b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 21(a))</b>		
PVN	1.232.534.227	8.249.167.947
Các công ty thành viên thuộc PVN	2.752.568.631	5.620.374.790
	<u>3.985.102.858</u>	<u>13.869.542.737</u>
(vi) <b>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 21(b))</b>		
PVN	3.055.028.328	-
Các công ty thành viên thuộc PVN	4.977.814.238	1.859.518.546
	<u>8.032.842.566</u>	<u>1.859.518.546</u>

## 40 CÁC CAM KẾT

## (a) Cam kết thuê hoạt động

## (i) Tổng Công ty là bên đi thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang gồm: thuê đất, thuê kho và thuê văn phòng trong tương lai như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	64.901.839.312	45.977.538.237
Từ 1 đến 5 năm	67.354.121.467	73.511.390.006
Trên 5 năm	54.167.624.841	57.945.884.609
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>186.423.585.620</u>	<u>177.434.812.852</u>

## (ii) Tổng Công ty là bên cho thuê

Tổng Công ty đã ký hợp đồng cho thuê hoạt động Dự án Nghi Sơn, cho thuê văn phòng và cho thuê đất, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	235.868.581.899	226.802.910.061
Từ 1 đến 5 năm	274.292.540.051	484.519.485.970
Trên 5 năm	69.934.711.578	91.596.322.057
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	<u>580.095.833.528</u>	<u>802.918.718.088</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**40 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)****(b) Cam kết bảo lãnh tín dụng**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản vay ngân hàng của các công ty con với tổng hạn mức bảo lãnh là 4.745 tỷ Đồng và 10 triệu USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.055 tỷ Đồng và 10 triệu USD); và có cam kết bảo lãnh không hủy ngang đối với các khoản phải trả người bán của các công ty con với tổng giá trị là 235 tỷ Đồng và 8,2 triệu Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 235 tỷ Đồng và 8,2 triệu Đô la Mỹ). Theo đó, Tổng Công ty có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc, lãi vay, chi phí bảo lãnh và các chi phí khác cho nhà cung cấp và ngân hàng trong trường hợp các công ty con không có khả năng thanh toán hoặc thanh toán trễ.

**(c) Cam kết góp vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào các công ty như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty (%)	Số đã góp vốn VND	Số vốn còn phải góp VND
Công ty TNHH Petrosetco - SSG ("PSSSG") (*)	229.500.000.000	51	10.733.401.247	218.766.598.753
Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại Kỹ thuật Công nghệ Sài Gòn ("ITS") (**)	20.000.000.000	40	-	20.000.000.000
Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vinh Hòa Emerald Bay (***)	111.200.000.000	20	16.000.000.000	95.200.000.000
	<u>360.700.000.000</u>		<u>26.733.401.247</u>	<u>333.966.598.753</u>

(\*) Tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã chấp thuận việc tham gia góp vốn vào PSSSG với tổng vốn góp là 229,5 tỷ Đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã góp 10,7 tỷ Đồng.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 16/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đồng ý chủ trương đầu tư góp vốn thành lập ITS, trong đó Tổng Công ty góp 40% vốn điều lệ tương đương 20 tỷ Đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, các cổ đông của ITS vẫn chưa góp vốn vào ITS.

(\*\*\*) Theo Nghị quyết số 22/DVTHDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghi dưỡng Quốc tế Vinh Hòa Emerald Bay với tổng vốn góp là 111,2 tỷ Đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã góp 16 tỷ Đồng.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 41 BÁO CÁO BỘ PHẬN

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không có bất kỳ hoạt động kinh doanh ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Tổng Công ty không trình bày báo cáo kinh doanh theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận sau:

- Hoạt động kinh doanh thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị, gồm có:
  - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
  - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí
  - Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh
  - Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí
  - Công ty Cổ phần Điện tử Điện lạnh Bình Minh
  - Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí
- Hoạt động kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas, gồm có:
  - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung
  - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Dầu khí Nha Trang
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, gồm có:
  - Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển
  - Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu
  - Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí
  - Công ty TNHH Petrosetco – ssg
  - Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam
  - Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí
  - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Cầu kiện Siêu trường Siêu trọng Petrosetco – Ale
  - Công ty TNHH Một Thành viên An Lạc Nhơn Trạch

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**41 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)***Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)*

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Kinh doanh thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	7.352.683.898.034	511.630.339.590	1.615.161.410.666	285.592.879.733	971.789.780.984	9.039.495.579.124
Nợ phải trả bộ phận	5.673.748.478.746	407.956.007.237	1.211.511.394.417	306.023.545.996	576.792.494.469	6.977.084.341.606

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**41 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2023		
	Kinh doanh thiết bị viên thông, máy tính, thiết bị VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.786.087.056.044	1.239.882.333.111	17.217.791.485.484
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(13.319.930.505.183)	(1.181.364.724.818)	(16.495.454.810.908)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	466.156.550.861	58.517.608.293	722.336.674.576
Doanh thu hoạt động tài chính	259.713.769.125	11.121.075.251	302.569.769.972
Chi phí tài chính	(224.269.450.769)	(7.441.102.763)	(322.296.597.247)
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	(3.358.550.461)
Chi phí bán hàng	(256.347.383.362)	(55.591.175.544)	(336.485.160.178)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(130.217.255.257)	(10.406.066.140)	(193.698.759.159)
Thu nhập khác	20.550.373.494	5.546.317.019	26.096.690.513
Chi phí khác	(1.918.075.346)	(393.335.101)	(12.734.046.302)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	133.668.528.746	1.353.321.015	182.430.021.714

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**41 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)*

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty như sau:

**Năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2022**

	Kinh doanh thiết bị viễn thông, máy tính, thiết bị VND	Kinh doanh bán buôn các sản phẩm hạt nhựa, xơ sợi, khí gas VND	Các dịch vụ khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.140.054.383.757	1.477.974.776.069	1.925.293.445.261	17.543.322.605.087
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(13.376.747.885.990)	(1.420.447.084.166)	(1.779.023.756.913)	(16.576.218.727.069)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	763.306.497.767	57.527.691.903	146.269.688.348	967.103.878.018
Doanh thu hoạt động tài chính	162.620.551.145	448.585.917	21.607.505.109	184.676.642.171
Chi phí tài chính	(397.529.150.087)	(5.388.826.527)	(47.251.519.678)	(450.169.496.292)
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	(5.660.673.620)	(5.660.673.620)
Chi phí bán hàng	(271.402.813.355)	(48.434.780.900)	(16.364.345.604)	(336.201.939.859)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(83.548.148.983)	(10.058.601.963)	(53.216.052.060)	(146.822.803.006)
Thu nhập khác	4.172.037.702	7.177.841.477	8.550.066.506	19.899.945.685
Chi phí khác	(18.762.652.849)	(419.443.817)	(547.940.870)	(19.730.037.536)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	158.856.321.340	852.466.090	53.386.728.131	213.095.515.561

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch HĐQT phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.



Hoàng Văn Vững  
Người lập



Trần Quang Huy  
Kế toán trưởng



Phùng Tuấn Hà  
Chủ tịch HĐQT

